

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU**



**BARIA VUNGTAU  
UNIVERSITY**  
CAP SAINT JACQUES

**LÊ THỊ QUỲNH ANH**

**VAI TRÒ CỦA ASEAN TRONG VIỆC DUY TRÌ  
HÒA BÌNH, ỔN ĐỊNH Ở BIỂN ĐÔNG GIAI  
ĐOẠN 1995 – 2022**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**

*Bà Rịa - Vũng Tàu, tháng 5, năm 2024*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU**



**BARIA VUNGTAU  
UNIVERSITY**  
CAP SAINT JACQUES

**LÊ THỊ QUỲNH ANH**

**VAI TRÒ CỦA ASEAN TRONG VIỆC DUY TRÌ HÒA BÌNH,  
ỔN ĐỊNH Ở BIỂN ĐÔNG GIAI ĐOẠN 1995 – 2022**

**Chuyên ngành: Đông phương học**

**Mã số: 8310608**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**Người hướng dẫn khoa học:**

**PGS.TS. Trần Nam Tiến**

*Bà Rịa - Vũng Tàu, tháng 5, năm 2024*

## LỜI CAM ĐOAN

Luận văn là kết quả công trình nghiên cứu của tôi dưới sự hướng dẫn của PGS - TS. Trần Nam Tiến. Tôi xin cam đoan tất cả mọi dữ liệu cũng như các kết quả nghiên cứu trong luận văn đều hoàn toàn trung thực và tôi sẽ chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm.

**Học viên**

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'an', is written over a horizontal line. The signature is positioned centrally below the 'Học viên' label and above the printed name.

**Lê Thị Quỳnh Anh**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy cô trường đại học Bà Rịa - Vũng Tàu đã tận tình chỉ dạy và hỗ trợ tôi suốt thời gian dài học tập tại trường.

Xin cảm ơn đặc biệt người thầy đã dìu dắt cũng như hướng dẫn tôi suốt thời gian dài nghiên cứu bài luận này là thầy PGS - TS. Trần Nam Tiến

Trân trọng cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã ủng hộ tôi.

Trân trọng cảm ơn!

**Học viên**

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'an', is written over a light-colored rectangular background that looks like a stamp or a piece of paper.

**Lê Thị Quỳnh Anh**

## Mục lục

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	v
MỞ ĐẦU .....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Lịch sử nghiên cứu vấn đề .....	4
6. Đóng góp của luận văn.....	7
7. Cấu trúc của luận văn.....	7
NỘI DUNG .....	8
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN .....	8
1.1. Bối cảnh quốc tế và khái quát về ASEAN.....	8
1.1.1. Bối cảnh quốc tế.....	8
1.1.2. Khái quát về ASEAN .....	11
<b>1.2. Những vấn đề thách thức tại Biển Đông.....</b>	<b>16</b>
1.2.1. Tranh chấp và quyền tài phán trên biển giữa Trung Quốc và các nước ASEAN .....	18
<b>1.2.2. Những hoạt động của Trung Quốc trên Biển Đông: .....</b>	<b>23</b>

1.2.3. Sức ảnh hưởng của các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ...đối với tình hình ở Biển Đông.....	30
1.2.4. Những thách thức về môi trường biển và tài nguyên thiên nhiên. ....	35
Tiểu kết Chương 1.....	37
<b>CHƯƠNG 2: ASEAN - XÂY DỰNG MỘT CỘNG ĐỒNG VỮNG MẠNH VÀ GẮN KẾT .....</b>	<b>39</b>
2.1. Các chính sách của ASEAN đối với việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông....	39
2.1.1. Thống nhất cao trong quan điểm, lập trường của ASEAN.....	39
2.1.2 Chính sách về Biển Đông của một số nước ASEAN .....	41
2.3. Vai trò của ASEAN trong việc giải quyết các tranh chấp khu vực. ....	58
2.3.1. Vai trò trung tâm của ASEAN trong mối quan hệ cân bằng quyền lực giữa Mỹ và Trung Quốc .....	59
2.3.2. Vai trò của ASEAN trong giải quyết các vấn đề an ninh – chính trị .....	63
2.3.3. Vai trò của ASEAN trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.....	65
Tiểu kết Chương 2.....	67
<b>CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT VỀ VAI TRÒ CỦA ASEAN TRONG VIỆC DUY TRÌ HÒA BÌNH, ỔN ĐỊNH Ở BIỂN ĐÔNG.....</b>	<b>69</b>
3.1. Lợi ích và thách thức trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông của ASEAN.....	69
3.1.1. Lợi ích.....	69
3.1.2. Thách thức với ASEAN.....	70
3.2. Một số giải pháp để giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông .....	72
Tiểu kết Chương 3.....	74
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>77</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>1</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Tên Tiếng Anh	Tên Tiếng Việt
1.	ASEAN	Association of Southeast Asia Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
2.	ADMM+	ASEAN Defence Ministerial Meeting Plus	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng
3.	ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn khu vực ASEAN
4.	ASEAN+1	ASEAN plus One	Hợp tác ASEAN và từng bên đối thoại
5.	ASEAN+3	ASEAN plus Three	Hợp tác ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc
6.	COC	Code of Conduct in the South China Sea	Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông
7.	DOC	Declaration of Conduct of Parties in the South China Sea	Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông
8.	EAS	East Asia Summit	Hội nghị cấp cao Đông Á
9.	SEANWFZ	Southeast Asia Nuclear	Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không có vũ khí

		Weapons Free Zone	hạt nhân
10.	TAC	Treaty of Amity and Cooperation	Hiệp ước thân thiện và hợp tác
11.	UNCLOS	United Nations Convention on Law of the Sea	Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển
12.	SEOM	Senior Economic Officials Meeting	Hội nghị kinh tế cao cấp
13.	AEM	ASEAN Economic Ministers	Hội nghị Bộ trưởng kinh tế



## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Biển Đông là khu vực rộng lớn, có vị trí địa - chính trị thế giới, là con đường hàng hải quốc tế nhộn nhịp; nơi cung cấp nhiều nguồn tài nguyên dồi dào, nuôi sống nhiều quốc gia và mang đến sự phát triển thịnh vượng cho cộng đồng các quốc gia ven bờ, đặc biệt cho khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Do đó, rất cần đến những phân tích, đánh giá sâu sắc và những giải pháp sáng tạo, đột phá cho Biển Đông. Bởi vì, bên cạnh nguy cơ xung đột, những thách thức ngày càng xảy ra trên vùng biển này như cướp biển, thiên tai, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, ... đang trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống người dân trong khu vực.

Trong bối cảnh phức tạp ấy, ASEAN đã và đang có những cố gắng thiết lập một số chuẩn mực định hướng quan hệ liên quốc gia trong khu vực, nỗ lực gắn kết Trung Quốc trong việc duy trì ổn định và hòa bình ở Biển Đông. ASEAN một tổ chức khu vực đa phương có tầm ảnh hưởng toàn cầu, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hòa bình, ổn định và phát triển bền vững tại khu vực Đông Nam Á và cả thế giới. Từ khi thành lập ASEAN đã trở thành một trong những tổ chức khu vực quan trọng nhất, thể hiện sức mạnh và tiềm năng của các quốc gia thành viên trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế, an ninh và văn hóa. Với 10 quốc gia thành viên bao gồm Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Ma-lay-si-a, My-an-mar, Philippines, Sin-ga-pore, Thái Lan và Việt Nam, ASEAN mang lại một diễn đàn cho các quốc gia này để hợp tác trong nhiều lĩnh vực, từ kinh tế và thương mại đến an ninh và giáo dục. Sứ mệnh của ASEAN không chỉ giới hạn trong việc tạo ra một môi trường hòa bình và ổn định cho khu vực mà còn mở ra cơ hội cho sự phát triển và tiến bộ của các quốc gia thành viên.

Trên cơ sở của nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, ASEAN đã tiến hành nhiều hoạt động và các cuộc hội đàm để giải quyết các vấn đề phức tạp và thách thức trong khu vực. Từ việc thúc đẩy hợp tác kinh tế và tài chính đến việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ, ASEAN luôn nỗ lực xây dựng một cộng đồng đoàn kết và hợp tác vững mạnh.

Trong khi đó, Biển Đông, một trong những khu vực biển quan trọng nhất thế giới, cũng đang chứng kiến nhiều căng thẳng và tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ và tài nguyên. Với sự bành trướng của TQ và một số tranh chấp chủ quyền giữa các quốc gia như Việt Nam, Philippines và Malaysia, Biển Đông đã trở thành một điểm nóng của chính trị và an ninh trong khu vực. ASEAN đang đối mặt với thách thức lớn trong việc đảm bảo an ninh và ổn định tại Biển Đông trong bối cảnh nguy cơ xung đột và leo thang căng thẳng. Việc tìm kiếm giải pháp hòa bình, dựa trên quyền lợi và nghị quyết của luật pháp quốc tế, là một ưu tiên hàng đầu cho ASEAN.

Trong bối cảnh này, vai trò của ASEAN trở nên quan trọng hơn bao giờ hết trong việc đàm phán và thúc đẩy hòa bình và ổn định tại Biển Đông. Sự đoàn kết và hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia thành viên của ASEAN là chìa khóa để giải quyết các tranh chấp và thách thức tại Biển Đông một cách hiệu quả và bền vững. Sự biến đổi toàn cầu và thách thức an ninh mới nổi lên, vai trò của ASEAN trở nên ngày càng quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết. Việc thúc đẩy hòa bình, ổn định và phát triển bền vững trong khu vực không chỉ là một trách nhiệm của ASEAN mà còn là một cam kết của các quốc gia thành viên đối với cộng đồng quốc tế.

Do đó, được sự gợi ý của Thầy giáo hướng dẫn, chúng tôi chọn đề tài: **“Vai trò của ASEAN trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông giai đoạn 1995 - 2022”** làm luận văn tốt nghiệp khoa cao học chuyên ngành Đông phương học, Trường đại học Bà Rịa – Vũng Tàu.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

### **Mục tiêu nghiên cứu tổng quát**

Nghiên cứu những tiền đề, điều kiện và bối cảnh tác động hình thành vai trò ASEAN; và vai trò, vị thế ASEAN trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông giai đoạn 1995 - 2022.

### **Mục tiêu cụ thể**

Làm rõ vai trò của ASEAN trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông mà trong đó ASEAN với vai trò là nhân tố thúc đẩy đối thoại và hợp tác cụ thể như các nội dung dưới đây:

- Vị thế ASEAN
- Bối cảnh và quan hệ quốc tế trong 3 thập niên gần đây tác động tới tình hình Biển Đông và ASEAN
- Đánh giá vai trò, vị trí, lợi ích của các nước ASEAN trong khu vực Biển Đông
- Khả năng ASEAN trong việc duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Vai trò của ASEAN trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông.

- Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi về không gian: ASEAN, Trung Quốc, Mỹ ở khu vực Biển Đông

Phạm vi về thời gian: giai đoạn 1995 - 2022

Phạm vi về nội dung nghiên cứu: ASEAN với vai trò là nhân tố thúc đẩy đối thoại và hợp tác.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện đề tài này, dựa trên nền tảng lý luận Mác – Lênin, tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp chủ yếu:

- Kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp Logic-
- Sử dụng các phương pháp: phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu; thu thập thông tin, dữ kiện từ các nguồn sơ cấp của tổ chức ASEAN, chính phủ các nước, tổng hợp, phân tích các bài báo cáo, từ các viện nghiên cứu, các học giả về an ninh khu vực ASEAN.
- Đồng thời, luận văn còn áp dụng lý thuyết về Chủ nghĩa hiện thực, lý thuyết cân bằng quyền lực ở khu vực Đông Nam Á để đánh giá mức độ thành công trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực.

#### **5. Lịch sử nghiên cứu vấn đề**

Vai trò của ASEAN trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông là một chủ đề rất được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau.

##### **5.1. ASEAN với an ninh trong khu vực**

Luận Thùy Dương, với công trình: “Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN - Tầm nhìn tới năm 2025” (NXB Chính trị quốc gia), đã tiếp cận và phác họa một bức tranh khá sinh động và chân thực về ASEAN với tư cách là một cộng đồng đa văn hóa, vạch ra những giá trị, sức mạnh mà khối này có thể tạo nên trong hiện tại và tương lai.

Trong bài “Về vai trò của ASEAN trong quá trình xây dựng giải pháp hòa bình cho vấn đề tranh chấp ở Biển Đông giữa Việt Nam và TQ từ 1991 đến 2003” của Phạm Phúc Vĩnh điểm lại một cách cô đọng những vấn đề tranh chấp ở Biển Đông và đề xuất phát huy vai trò ASEAN giải quyết những tranh chấp bằng con đường hòa bình.

Nghiên cứu của Bạch Quốc An về “Vai trò của ASEAN trong việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ về biên giới, lãnh thổ” đã phân tích quá trình tồn tại và phát triển của ASEAN cùng những đề xuất giải quyết các tranh chấp về biên giới, lãnh thổ giữa các quốc gia thành viên.

Cùng với mạch chủ đề vai trò ASEAN, Trần Khánh có bài “Vai trò của ASEAN trong ngăn ngừa xung đột ở Biển Đông”; Phạm Thanh Bằng với “Vấn đề Biển Đông trong tiến trình hình thành và phát triển Cộng đồng ASEAN” là nguồn tài liệu quan trọng để học viên tham khảo khi tiến hành thực hiện luận văn này.

## **5.2. Tác động của TQ đối với ASEAN và Biển Đông**

“Việt Nam trước tác động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương” của Nguyễn Huy Hoàng đã có những đánh giá khá xác đáng về tác động của TQ đối với ASEAN, đồng thời dự báo phương thức phát triển mới của TQ, gợi mở cho chính sách Việt Nam.

Đỗ Tiến Sâm với các công trình “Biển Đông lịch sử, pháp lý và quan hệ quốc tế” (Nhà xuất bản Khoa học xã hội - năm 2015); “Biển Đông trong xây dựng chiến lược cường quốc biển của TQ sau Đại hội Đảng Cộng sản TQ lần thứ 18” (Đề tài nghiên cứu cấp Bộ năm 2018), “Tìm kiếm giải pháp vì hòa bình và công lý ở Biển Đông (Nhà xuất bản Thế giới - năm 2015), “Biển Đông địa chính trị, lợi ích, chính sách và hành động của các bên có liên quan” (Nhà xuất bản Thế giới - năm 2013) ... là những nghiên cứu chuyên sâu về Biển Đông, về TQ, đặc biệt là những phân tích, đánh giá hết sức sâu sắc về vai trò của ASEAN trong việc duy trì hòa bình, tạo nên sự ổn định và phát triển trong khu vực và thế giới.

Quý Lâm, Kim Phụng với công trình nghiên cứu “Âm mưu thủ đoạn của TQ trên Biển Đông và Công luận thế giới” (Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, 2014); Nguyễn Hồng Quân “Mưu đồ độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc và đối sách của ASEAN, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, số 1 (100), năm 2015... là những nghiên cứu có ý nghĩa về vai trò ASEAN, về chiến lược biển của TQ; đặc biệt là sự lớn mạnh của nền kinh tế của TQ gắn liền với đường lối bá quyền độc chiếm Biển Đông, tạo nên những thách thức và uy hiếp nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền, cũng như lợi ích của các quốc gia trong khu vực Biển Đông.

Hoàng Hải với bài viết “Cạnh tranh Mỹ – Trung tại biển Đông leo thang: Lựa chọn nào cho ASEAN và Việt Nam” đã có những nhận định xác đáng về việc va chạm giữa các siêu cường đã và đang diễn ra ngày càng quyết liệt, cạnh tranh chiến lược Mỹ – Trung tại Biển Đông chưa có dấu hiệu lắng dịu, gây ra những thách thức nghiêm trọng đối với hòa bình, ổn định tại Đông Nam Á.

Nhìn chung, những bài báo, tạp chí, bài viết, đề tài nghiên cứu khoa học nêu trên đã có một số cách tiếp cận, phân tích một cách tổng quát các mối quan hệ quốc tế của khu vực; phân tích, đánh giá những đặc trưng kinh tế, xã hội của các quốc gia ASEAN; phân tích sâu về chính sách, đường lối đối ngoại của các nước trong khu vực Asean. Phần lớn các tác giả (nói trên) chỉ mới chủ yếu tập trung đề cập đến các vấn đề vai trò sự ảnh hưởng, tác động của ASEAN đối với tình hình Biển Đông đến năm 2010. Tình hình khu vực và sự chuyển biến của các mối quan hệ các nước trong khu vực hiện nay đã và đang có nhiều thay đổi và cách tiếp cận mới trong các chính sách và đối ngoại.

Do đó, theo hiểu biết của tôi đề tài Vai trò của ASEAN trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông giai đoạn 1995 - 2022 là vẫn còn rất mới mẻ và chưa được nghiên cứu đầy đủ. Điều đó là khoảng trống, tạo nên tính mới cho học viên khi tiến hành nghiên cứu luận văn này.

## **6. Đóng góp của luận văn**

Kết quả nghiên cứu của đề tài làm sáng tỏ những thách thức và lợi ích, vai trò ASEAN trong cấu trúc hợp tác khu vực, nhất là giai đoạn từ năm 2010 đến nay.

Luận văn phân tích những cơ hội, điều kiện thuận lợi để ASEAN tiếp tục duy trì vai trò của mình trong cấu trúc hợp tác khu vực trong thời gian tới.

Góp phần khẳng định vị thế ASEAN trong bối cảnh toàn hóa và cạnh tranh chiến lược gay gắt ở Biển Đông.

## **7. Cấu trúc của luận văn**

- Tên đề tài nghiên cứu: Vai trò của ASEAN trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông giai đoạn 1995 - 2022

- Cấu trúc của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn sẽ được bố cục theo cấu trúc gồm 3 chương như sau:

Chương 1: ASEAN và các vấn đề Biển Đông

Chương 2: Vai trò của ASEAN ở Biển Đông giai đoạn 1995 - 2022

Chương 3: Đánh giá, nhận xét việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông của ASEAN

## NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

#### 1.1. Bối cảnh quốc tế và khái quát về ASEAN

##### 1.1.1. Bối cảnh quốc tế

Bối cảnh quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ 2 là bối cảnh của một thế giới đang chuyển biến sâu sắc và phức tạp. Kết thúc chiến tranh thế giới 2, hai siêu cường quốc bấy giờ là Mỹ - Xô bắt đầu tiến vào thời kỳ cạnh tranh gay gắt. Chiến tranh lạnh là thời kỳ căng thẳng và đối đầu giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ, kéo dài từ cuối thế chiến II (1945) đến sự tan rã của Liên Xô (1991). Chiến tranh lạnh không phải là một cuộc chiến trực tiếp giữa hai bên, mà là một cuộc chiến tranh ảnh hưởng, tranh giành ưu thế chính trị, kinh tế, quân sự và văn hóa trên toàn thế giới. Thế giới phân chia hai cực do Mĩ – Xô đứng đầu. Hai khối này đã thành lập các liên minh kinh tế, chính trị và quân sự để đối phó với nhau, như NATO và Vác-xa-va. Chiến tranh lạnh đã kết thúc vào năm 1991 khi Liên Xô tan rã thành các quốc gia độc lập. Sự sụp đổ của Liên Xô được coi là kết quả của những yếu tố nội tại và ngoại lai, như sự suy yếu kinh tế, sự bất mãn của dân chúng, sự cải cách của Gorbachev, sự can thiệp của Mỹ và các đồng minh...Thế giới sau chiến tranh lạnh đã chứng kiến những biến đổi lớn về quan hệ quốc tế. Một số biến đổi chính là: sự xuất hiện của một thế giới đa cực với nhiều trung tâm quyền lực; sự gia tăng của các vấn đề toàn cầu như khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu, khủng bố quốc tế...; sự phát triển của các tổ chức quốc tế và khu vực như Liên Hợp Quốc, ASEAN, EU...; sự hình thành của các diễn biến mới như toàn cầu hóa, thông tin hóa, dân chủ hóa...

Mỹ là một siêu cường duy nhất sau năm 1991, khi Liên Xô sụp đổ và kết thúc Chiến tranh Lạnh. Mỹ đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến thế giới trong nhiều lĩnh vực như



kinh tế, quân sự, ngoại giao, văn hóa... Với vai trò lãnh đạo của mình Mỹ đã liên tiếp gây dựng sự ảnh hưởng của mình đối với thế giới trong giai đoạn từ năm 1993 đến 2010 với nhiều hoạt động như:

Mỹ đã dẫn đầu các cuộc can thiệp quân sự và ngoại giao ở nhiều nước và vùng lãnh thổ như Somalia (1993), Hai-ti (1994), Kosovo (1999), Afghanistan (2001), Iraq (2003), I-ran (2006), Libya (2011)... để bảo vệ an ninh quốc gia của Mỹ, chống khủng bố và vũ khí hạt nhân, thúc đẩy dân chủ và nhân quyền, ổn định khu vực... Năm 1993 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ của Tổng thống Bill Clinton, người đã thực hiện các chính sách về kinh tế, an ninh, ngoại giao và xã hội như ký Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ NAFTA (1994). Sau đó là APEC (1994), WTO (1995), TPP (2005)... để mở rộng thị trường và bảo vệ lợi ích kinh tế của Mỹ và các đối tác. Mỹ đã phát triển và lan tỏa các công nghệ mới như internet, máy tính cá nhân, điện thoại thông minh, mạng xã hội... để tạo ra những cơ hội kinh doanh, giao tiếp và giáo dục mới cho người dân trên toàn thế giới. Mỹ cũng là nơi thu hút các nhà khoa học và doanh nhân tài năng từ khắp nơi trên thế giới... Mỹ đã tham gia và ảnh hưởng đến các tổ chức quốc tế và khu vực như Liên Hợp Quốc, NATO, G7, G20... để duy trì trật tự quốc tế dựa trên luật pháp và cởi mở, hỗ trợ các đồng minh và đối tác của Mỹ...

Toàn cầu hóa đã thúc đẩy sự giao lưu kinh tế, văn hóa và xã hội giữa các quốc gia, tạo ra một mạng lưới toàn cầu phức tạp và liên kết chặt chẽ. Sự bùng nổ của công nghệ số và Internet đã làm thay đổi cách thức các quốc gia ASEAN kinh doanh và giao tiếp. Chính vì vậy mà sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc đã có ảnh hưởng lớn đến ASEAN. Trung Quốc với tư cách là đối tác thương mại lớn có sức ảnh hưởng đến nhiều quốc gia và trong khu vực, Mỹ lại là siêu cường đơn cực và là đối tác chiến lược cũng đồng minh quan trọng. ASEAN phải duy trì cân bằng trong quan hệ với cả hai cường quốc này. Mỹ vẫn là siêu cường duy nhất nhưng đã phải đối mặt với sự suy yếu về kinh tế, quân sự và uy tín. Trung Quốc đã tham gia và khởi xướng nhiều dự án hợp

tác khu vực và toàn cầu như Nhà máy Điện hạt nhân Thượng Hải (SCO), Khu vực Thương mại Tự do Toàn diện Khu vực (RCEP), Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI)... Nga cũng đã phục hồi vai trò của mình trên thế giới bằng cách can thiệp vào các cuộc xung đột ở Ukraine, Syria... và gia nhập các liên minh chiến lược với Trung Quốc, Iran... EU cũng đã phải đối mặt với nhiều khó khăn như Brexit, khủng hoảng tài chính, khủng hoảng di dân... và tìm cách duy trì vai trò của mình trong thế giới đa cực. Trung Quốc đã thực hiện các biện pháp cải cách và mở cửa kinh tế từ cuối những năm 1970, hấp dẫn vốn đầu tư nước ngoài, tăng cường thương mại quốc tế và tham gia các tổ chức kinh tế quan trọng như WTO, APEC, ASEAN+3.

Trung Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kinh ngạc về tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo, phát triển công nghệ và vũ trụ, đầu tư hạ tầng và năng lượng... Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sau Mỹ và có khả năng vượt Mỹ vào năm 2035. Mỹ và Trung Quốc đã có nhiều cuộc đối đầu và xung đột ở nhiều lĩnh vực như thương mại, công nghệ, quân sự, nhân quyền, dịch bệnh... Mỹ cũng đã tăng cường sự hiện diện và hỗ trợ cho các đồng minh và đối tác ở khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Ấn Độ... để duy trì trật tự dựa trên luật pháp và cân bằng chiến lược. Trung Quốc cũng đã cố gắng tìm kiếm các đồng minh và đối tác ở khu vực để phá vỡ sự bao vây của Mỹ, tranh giành thị trường và nguồn lực, phục vụ cho lợi ích quốc gia của Trung Quốc. Bên cạnh đó cả Ấn Độ và Nhật Bản cũng đã và đang tìm cách tăng cường ảnh hưởng của họ trong khu vực thông qua đầu tư, hợp tác kinh tế và các sáng kiến an ninh.

Cùng với bối cảnh thế giới thay đổi và biến hóa không ngừng sau chiến tranh lạnh, ASEAN đã có những thay đổi quan trọng trong cả mặt nội bộ và đối ngoại. Về nội bộ, ASEAN đã mở rộng thành viên, từ 6 nước lên 10 nước, bao gồm cả Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar. ASEAN cũng đã tăng cường hợp tác kinh tế, an ninh, xã hội và văn hóa giữa các thành viên trong nước, nhằm xây dựng một cộng đồng

ASEAN chặt chẽ và đoàn kết. Ngược lại, ASEAN đã phát triển quan hệ hợp tác với nhiều đối tác quan trọng như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga... ASEAN cũng đã đóng vai trò trung tâm trong các cơ chế hợp tác khu vực, như ARF, APEC, EAS, ADMM+... ASEAN đã khẳng định vị trí và vai trò của mình trong việc duy trì hòa bình, ổn định và phát triển khu vực.

### **1.1.2. Khái quát về ASEAN**

#### **Quá trình hình thành và phát triển của ASEAN**

Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967. Đi cùng với đó là các mục tiêu được 5 thành viên đặt ra là tăng cường hợp tác an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Cùng với quá trình hội nhập và biến đổi tình hình khu vực và trên thế giới mà cách tiếp cận cũng như sự cởi mở của các thành viên trong hiệp hội lúc đầu cũng dần dần có sự thay đổi, chuyển biến sâu sắc và phát triển tích cực qua thời gian. Qua thời gian cũng với những biến đổi thời cuộc và tác động của toàn cầu hóa mà quá trình phát triển ASEAN đã có những thay đổi quan trọng trong sự phát triển đó là tiến hành mở rộng và kết nạp các thành viên gồm: Indônexia, Ma-lay-si-a, Phillipns, Singapor, Thái Lan, Brunay, Việt Nam, Lào, My-an-ma và Campuchia.

ASEAN đã trải qua một hành trình dài từ khi thành lập với 5 thành viên ban đầu đến một tổ chức khu vực mạnh mẽ gồm 10 quốc gia. Quá trình phát triển của ASEAN được đánh dấu bằng sự mở rộng thành viên, sự hội nhập kinh tế và tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Với mục tiêu thúc đẩy hòa bình, ổn định và thịnh vượng trong khu vực, ASEAN tiếp tục là một khối quan trọng và có ảnh hưởng lớn trong bối cảnh quốc tế hiện nay. ASEAN sẽ ngày càng phát triển và tăng cường hợp tác giữa các nước thành viên từ an ninh-chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, văn hoá, giáo dục, xã hội... Và qua đó ASEAN ngày càng tăng cường vị thế và vai trò quan trọng trong và ngoài khu vực thông qua các chương trình cải cách, hợp tác như ASEAN+1, ASEAN+3, Diễn đàn khu vực ASEAN. Năm 2007 thông qua hiến chương ASEAN

cũng đã nhất trí và tăng cường liên kết hơn giữa các nước thành viên nhằm xây dựng một cộng đồng ASEAN vững mạnh và tăng cường vị thế vai trò của Hiệp hội trên trường thế giới.

### **Mục tiêu và Phương thức hoạt động của ASEAN**

Trong Tuyên bố ASEAN, hay còn gọi là Tuyên bố Bangkok, năm 1967 nêu rõ mục tiêu và mục đích của ASEAN. ASEAN (Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á) có mục tiêu và phương thức hoạt động chính như:

- Thúc đẩy Tăng Trưởng Kinh Tế: ASEAN khuyến khích sự hợp tác toàn diện giữa các quốc gia thành viên trên mọi lĩnh vực, từ kinh tế, xã hội, văn hóa đến khoa học kỹ thuật. Đồng thời, tổ chức cũng hỗ trợ các quốc gia thành viên trong việc đối phó với các thách thức chung như thiên tai, biến đổi khí hậu, và các vấn đề an ninh phi truyền thống.

- Bảo vệ và thúc đẩy các giá trị chung: ASEAN cam kết bảo vệ các giá trị cơ bản như dân chủ, nhân quyền và pháp quyền. Tổ chức này cũng nỗ lực thúc đẩy sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa các quốc gia thành viên và các dân tộc trong khu vực.

- Xây dựng một cộng đồng ASEAN đoàn kết và tự cường: ASEAN hướng đến việc xây dựng một cộng đồng khu vực gắn kết, tự cường và đóng vai trò quan trọng trong các vấn đề khu vực và toàn cầu, thông qua việc tăng cường vai trò và vị thế của tổ chức này trên trường quốc tế.

- Đào Tạo và Giáo Dục: Thúc đẩy đào tạo và giáo dục và nâng cao nhận thức về văn hóa khu vực.

Hiến chương ASEAN là văn kiện pháp lý mang tính cơ bản và toàn diện của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), được thông qua vào ngày 20 tháng 11 năm 2007 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2008:

- Duy trì và thúc đẩy hòa bình, an ninh và ổn định.

- Nâng cao khả năng tự cường khu vực.
- Đảm bảo Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân.
- Xây dựng thị trường và cơ sở sản xuất duy nhất, tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư.
- Giảm tỉ lệ nghèo đói và thu hẹp khoảng cách phát triển trong nội khối ASEAN.
- Phát huy và tăng cường tính dân chủ, bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản khác.

### **Phương thức hoạt động của ASEAN**

- Nguyên tắc đồng thuận: Các quyết định của ASEAN được đưa ra trên cơ sở đồng thuận giữa tất cả các quốc gia thành viên. Phương thức này giúp đảm bảo rằng mọi quyết định đều nhận được sự ủng hộ và chấp nhận từ tất cả các bên liên quan. Nguyên tắc này đảm bảo rằng không có quyết định nào được thực hiện mà không có sự chấp thuận của tất cả các nước thành viên..

- *Nguyên tắc không can thiệp*: Một trong những nguyên tắc cơ bản của ASEAN là tôn trọng chủ quyền quốc gia và không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia thành viên. Nguyên tắc này giúp bảo vệ sự độc lập và chủ quyền của mỗi quốc gia. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau là một nguyên tắc quan trọng giúp duy trì mối quan hệ hữu nghị và hợp tác trong khu vực.

- *Đối thoại và hòa giải*: ASEAN khuyến khích các quốc gia thành viên giải quyết các tranh chấp thông qua đối thoại và hòa giải. Tổ chức này cung cấp các diễn đàn và cơ chế để các quốc gia thành viên thảo luận và giải quyết các vấn đề một cách hòa bình. Việc giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán và đối thoại luôn là ưu tiên hàng đầu.

- *Hội nghị cấp cao và các cuộc họp thường kỳ*: Hội nghị Cấp cao ASEAN (ASEAN Summit) là cơ quan quyết định cao nhất, tổ chức hai lần mỗi năm để thảo

luận và đưa ra các quyết định quan trọng về định hướng phát triển của ASEAN. Bên cạnh đó còn có các cuộc họp thường kỳ khác bao gồm Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM), Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM), và các cuộc họp cấp bộ trưởng khác theo các lĩnh vực chuyên ngành.

Về mặt công tác đối ngoại ASEAN thiết lập các quan hệ đối tác đối thoại với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế, thông qua các cuộc họp thường kỳ và các diễn đàn như Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Hội nghị Cấp cao ASEAN+3, và các đối thoại ASEAN+1 với từng quốc gia đối tác. Có thể nói ASEAN hoạt động dựa trên các nguyên tắc đồng thuận, không can thiệp và hợp tác liên chính phủ để thúc đẩy các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực. Với cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động hiệu quả, ASEAN đã và đang đóng góp quan trọng vào sự phát triển bền vững và sự thịnh vượng chung của khu vực Đông Nam Á.

**ASEAN đã có những mốc lịch sử đáng chú ý sau:**

Qua quá trình hình thành và phát triển ASEAN có những điểm mốc lịch sử quan trọng.

Ngày 8 tháng 8 năm 1967: ASEAN được thành lập tại Bangkok, Thái Lan bởi năm quốc gia sáng lập: Indonesia, Ma-lay-si-a, Philippines, Singapore và Thái Lan. Tuyên bố ASEAN (Tuyên bố Bangkok) đã đặt nền móng cho sự hợp tác khu vực.

Kết nạp các thành viên mới:

Năm 1984: Brunei trở thành thành viên thứ sáu của ASEAN.

Năm 1995: Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN.

Năm 1997: Lào và My-an-mar gia nhập tổ chức.

Năm 1999: Campuchia trở thành thành viên thứ mười, hoàn tất việc mở rộng ASEAN ra toàn bộ Đông Nam Á..

Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN (AFTA) 1992: ASEAN ký Hiệp định khung về Khu vực Thương mại Tự do ASEAN (AFTA) tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 4 ở Singapore năm 1992, là một trong những sáng kiến kinh tế quan trọng nhất của ASEAN nhằm thúc đẩy thương mại nội khối bằng cách giảm thuế quan và xóa bỏ các rào cản thương mại và tăng cường hợp tác kinh tế giữa các quốc gia thành viên. AFTA đã giúp tăng cường giao dịch thương mại giữa các quốc gia thành viên ASEAN, làm cho ASEAN trở thành một trong những khu vực kinh tế năng động nhất thế giới. Với mục tiêu giảm thuế quan và xóa bỏ rào cản thương mại, AFTA đã góp phần tạo ra một thị trường rộng lớn và thống nhất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và sự thịnh vượng chung cho khu vực.

Tuyên bố về Hiệp hội ASEAN ngày 7 tháng 10 năm 2003, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 9, các lãnh đạo ASEAN thông qua Tuyên bố Ba-li II, khẳng định mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN dựa trên ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN, và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN.

Hiến chương ASEAN: Năm 2007 Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 13 ở Singapore, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký kết Hiến chương ASEAN, một văn bản pháp lý ràng buộc, nhằm nâng cao tính thể chế và cải thiện cơ cấu tổ chức của ASEAN. Tiếp đó năm 2008 Hiến chương ASEAN chính thức có hiệu lực vào ngày 15 tháng 12 năm 2008, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình phát triển của ASEAN, biến tổ chức này trở thành một thực thể pháp lý quốc tế.

Hình thành Cộng đồng ASEAN ngày 31 tháng 12 năm 2015, Cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập, bao gồm ba trụ cột chính: Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN, và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN.

Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC): Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) là một sáng kiến quan trọng nhằm thúc đẩy sự kết nối toàn diện giữa các quốc gia thành viên, góp phần vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng chung

của khu vực. MPAC không chỉ tạo ra những cơ hội kinh tế mới mà còn tăng cường sự hiểu biết và hợp tác giữa các dân tộc trong khu vực ASEAN.

Ứng phó với Đại dịch COVID-19 (2020-2021): ASEAN thành lập Quỹ Ứng phó COVID-19 ASEAN và Kho Dự trữ Vật tư Y tế ASEAN nhằm phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau trong việc ứng phó với đại dịch.

Thúc đẩy Chiến lược Kỹ thuật số ASEAN (2021): ASEAN khởi động Chiến lược Kỹ thuật số ASEAN nhằm thúc đẩy sự phát triển kỹ thuật số trong khu vực, hỗ trợ các quốc gia thành viên trong việc chuyển đổi số và tận dụng các cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Hợp tác Biển Đông 2002 và 2012: ASEAN và Trung Quốc thông qua Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) trong việc duy trì hòa bình, ổn định và an ninh trong khu vực Biển Đông.

Những mốc lịch sử đáng chú ý trên đã định hình sự phát triển của ASEAN từ một tổ chức khu vực nhỏ lẻ thành một cộng đồng kinh tế, chính trị và văn hóa lớn mạnh. ASEAN tiếp tục nỗ lực hợp tác và phát triển để đối mặt với các thách thức và cơ hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự thay đổi nhanh chóng của thế giới. Những mốc lịch sử này không chỉ đánh dấu sự phát triển và mở rộng của ASEAN mà còn thể hiện nỗ lực của tổ chức trong việc thúc đẩy hợp tác khu vực, phát triển kinh tế, giữ gìn hòa bình và ổn định, cũng như tăng cường vị thế quốc tế của các quốc gia Đông Nam Á.

## **1.2. Những vấn đề thách thức tại Biển Đông**

Biển Đông là một khu vực chiến lược quan trọng với nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đồng thời cũng là nơi diễn ra các tuyến đường hàng hải quốc tế trọng yếu. Mỗi nước đều có tuyên bố chủ quyền đối với các quần đảo này, gây ra nhiều xung đột và căng thẳng trong khu vực.



Về tranh chấp chủ quyền Trung Quốc tuyên bố chủ quyền gần như toàn bộ Biển Đông qua bản đồ "đường chín đoạn" (hay "đường lưỡi bò"), chiếm khoảng 90% diện tích Biển Đông, bất chấp sự phản đối của các nước khác. Từ đó dẫn đến xung đột với các quốc gia khác trong khu vực. Yêu sách này không được công nhận bởi quốc tế và bị phản đối mạnh mẽ bởi các nước ASEAN cũng như nhiều quốc gia khác.

Bộ Quy tắc Ứng xử trên Biển Đông (COC): ASEAN và Trung Quốc đang đàm phán để hoàn thiện Bộ Quy tắc Ứng xử nhằm quản lý tranh chấp và đảm bảo an ninh, ổn định ở Biển Đông. COC được kỳ vọng sẽ thiết lập các nguyên tắc ứng xử và giảm nguy cơ xung đột.

Các phán quyết quốc tế, như Phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực (PCA) năm 2016, bác bỏ yêu sách "đường chín đoạn" của Trung Quốc. Tuy nhiên, Trung Quốc không công nhận và tuân thủ phán quyết này, dẫn đến việc thi hành các quy tắc và luật pháp quốc tế trở nên khó khăn.

Lập trường thống nhất: ASEAN thường có khó khăn trong việc duy trì một lập trường thống nhất do các lợi ích và quan hệ kinh tế, chính trị khác nhau của các nước thành viên với Trung Quốc. ASEAN, dù đã có những nỗ lực để giải quyết tranh chấp thông qua các cơ chế đối thoại và hợp tác, vẫn đối mặt với nhiều khó khăn trong việc đạt được sự đồng thuận giữa các thành viên và gây áp lực hiệu quả lên các bên tranh chấp. Sự thiếu thống nhất trong ASEAN và ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài cũng là một thách thức.

Các vấn đề tại Biển Đông là phức tạp và đa chiều, liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, an ninh khu vực, pháp lý quốc tế, môi trường, và các nguồn tài nguyên. Để giải quyết các thách thức này đòi hỏi sự hợp tác quốc tế, sự tôn trọng luật pháp quốc tế, và các cơ chế giải quyết tranh chấp hòa bình. Có thể thấy Biển Đông là một khu vực tranh chấp phức tạp với nhiều lợi ích đan xen. Trung Quốc giữ vững lập trường mạnh mẽ về chủ quyền lịch sử và tiếp tục các hoạt động quân sự hóa, trong khi ASEAN nỗ lực thúc

đẩy một giải pháp hòa bình và hợp tác đa phương. Các bên đều nhận thấy tầm quan trọng của ổn định và hòa bình trong khu vực, và các nỗ lực tiếp tục được duy trì để hoàn thiện các cơ chế quản lý tranh chấp như Bộ Quy tắc Ứng xử trên Biển Đông.

### **1.2.1. Tranh chấp và quyền tài phán trên biển giữa Trung Quốc và các nước ASEAN**

#### **Khái quát tình hình chung**

Tranh chấp và quyền tài phán trên biển giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, đặc biệt là các quốc gia có lãnh thổ giáp biển Đông, như Việt Nam, Philippines, Malay-si--a, Brunei và Indonesia, đã tạo ra một tình trạng căng thẳng và lo ngại về ổn định khu vực. Trung Quốc đã tiến hành xây dựng các cơ sở quân sự trên các đảo nhân tạo, gây ra lo ngại và phản đối từ phía ASEAN. Không những vậy mà Trung Quốc còn cho tiến hành đánh dấu và tuyên bố chủ quyền dựa trên đường lưỡi bò 9 đoạn, một yêu sách không được công nhận bởi hầu hết các quốc gia ASEAN và cộng đồng quốc tế. “Có nhiều học giả Trung Quốc cũng thừa nhận rằng là “Trung Quốc có nhận thức về biển muộn hơn nhiều so với thế giới” và “biển là sự ngăn cách địa lý”. “Trung Quốc là một quốc gia có diện tích đất liền rộng lớn, phong phú về tài nguyên thiên nhiên và có địa hình phức tạp với nhiều rặng núi và cao nguyên. Điều này đã tạo ra một nền văn minh chủ yếu dựa trên nông nghiệp và quản lý đất liền. Nền văn minh Trung Hoa phát triển mạnh mẽ dọc theo các con sông lớn như Hoàng Hà và Trường Giang, dẫn đến việc xem trọng đất liền và xem nhẹ biển”<sup>1</sup>. Những yếu tố này đã góp phần tạo nên một nền văn minh chủ yếu dựa trên đất liền và chậm phát triển nhận thức về biển. Tuy nhiên, trong những thập kỷ gần đây, Trung Quốc đã thay đổi chiến lược, bắt đầu nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của biển trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh

---

<sup>1</sup> US Department of Defense (2012) Defense Strategy: Sustaining U.S. Global Leadership: Priorities for 21st Century Defense

quyền lực, đặc biệt là với các tuyên bố chủ quyền và các hoạt động ở Biển Đông. Điều này thể hiện sự chuyển đổi trong chính sách và tư duy chiến lược của Trung Quốc, từ việc xem nhẹ biển sang việc coi biển là một phần quan trọng trong việc bảo vệ và mở rộng ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế.

Hiện nay chúng ta có thể nhận thấy các loại tranh chấp trên biển Đông cơ bản như sau:

- *Loại thứ nhất:* Về quần đảo Hoàng Sa Trung Quốc cũng tuyên bố chủ quyền đối với quần đảo này, và từ năm 1974, sau một cuộc xung đột giữa Trung Quốc và miền Nam Việt Nam (khi đó là Cộng hòa Việt Nam), Trung Quốc đã tiếp quản và kiểm soát toàn bộ quần đảo Hoàng Sa. Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, quân đội Pháp rút khỏi Đông Dương. Tình hình lúc này vô cùng hỗn loạn, tạo ra một khoảng trống quyền lực tại nhiều khu vực, bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa. Trong khi đó Chính quyền Việt Nam Cộng hòa lúc đó đang phải tập trung vào việc ổn định tình hình trong nước và đối phó với nhiều vấn đề nội bộ, chưa kịp triển khai lực lượng để tiếp quản các khu vực mà quân đội Pháp rút lui. Nhân cơ hội này, vào năm 1956, Trung Quốc đã nhanh chóng chiếm đóng nhóm phía Đông của quần đảo Hoàng Sa, sau đó vào năm 1974, họ đã chiếm đóng nốt phần còn lại của quần đảo này sau cuộc đụng độ quân sự với lực lượng Việt Nam Cộng hòa khi quân đội Mỹ buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam và quân đội Việt Nam Cộng hòa đang trên đà sụp đổ (lực lượng tại chỗ giảm từ một tiểu đoàn xuống còn một trung đội quân địa phương)<sup>2</sup>.

Tranh chấp chủ quyền tại Biển Đông, đặc biệt là đối với quần đảo Hoàng Sa, là một vấn đề phức tạp và kéo dài, có nhiều yếu tố lịch sử và pháp lý đan xen. Việc Trung Quốc chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa từ năm 1956 đã tạo ra nhiều căng thẳng và mâu thuẫn trong khu vực. Trong nhiều năm qua, việc xung đột giữa Việt Nam và Trung

---

<sup>2</sup> Tình hình tranh chấp ở biển Đông – Thực trạng và giải pháp, Biển toàn cảnh, Hội khoa học kỹ thuật và kinh tế biển TPHCM, 18/06/2023

Quốc về quần đảo Hoàng Sa vẫn diễn ra âm thầm và công khai. Cả hai quốc gia đã có nhiều lần trao đổi thông qua đối ngoại song phương, đa phương và có các cuộc đối thoại để thảo luận về vấn đề này, nhưng vẫn chưa có sự đồng thuận chính thức.

- *Loại thứ hai:* Có một số tranh chấp chủ quyền đáng chú ý giữa 5 quốc gia là Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc), Philippines, Ma-lay-si-a, Brunei, và Việt Nam.

Quần đảo Hoàng Sa (Paracel): Tranh chấp chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa là một vấn đề phức tạp, đan xen giữa các yếu tố lịch sử, pháp lý và chiến lược. Việc Trung Quốc kiểm soát toàn bộ quần đảo Hoàng Sa và các tuyên bố chủ quyền của Việt Nam và Đài Loan đã tạo ra một tình hình căng thẳng kéo dài tại Biển Đông..

Quần đảo Trường Sa (Spratly): Các quốc gia này có các cơ sở dân sự và quân sự trên các hòn đảo ở quần đảo Trường Sa. Cả Trung Quốc và Taiwan tuyên bố chủ quyền toàn bộ quần đảo này, trong khi Philippines, Ma-lay-si-a, và Việt Nam có các cơ sở dân sự và quân sự trên một số hòn đảo và bãi đá.

Phía Trung Quốc: Trung Quốc đã gây tranh chấp về chủ quyền biển Đông bằng cách áp đặt một số hành động mà nhiều quốc gia trong khu vực và cộng đồng quốc tế coi là vi phạm luật pháp quốc tế. Đó là Trung Quốc tuyên bố chủ quyền trên hầu hết Biển Đông thông qua đường lưỡi bò, một đường kẻ dài chạy từ vùng biển phía nam Trung Quốc cho đến gần bờ biển của Brunei, Ma-lay-si-a, Philippines, và Việt Nam. Tăng cường các hoạt động thăm dò nạo vét cho xây dựng đảo nhân tạo. Trung Quốc đã tiến hành xây dựng các cơ sở quân sự trên các đảo nhân tạo trên quần đảo Trường Sa mà nhiều quốc gia ASEAN và cộng đồng quốc tế coi là vi phạm chủ quyền của các quốc gia khác. Bên cạnh đó là triển khai đội tàu cá đông đảo và tàu kiểm ngư Trung Quốc với lực lượng hùng hậu và có một lượng lớn tàu cá và tàu kiểm ngư trong khu vực biển của các quốc gia ASEAN đã có nhiều đụng độ và mâu thuẫn dẫn đến các xung đột về ngư trường.

Phía Đài Loan: Năm 1946, lợi dụng khi quân đội Nhật rút khỏi Việt Nam, quân đội Pháp chưa kịp tiếp quản, quân đội Trung Hoa Dân quốc đã xâm chiếm đảo Ba Bình (đảo lớn nhất trong quần đảo Trường Sa). Khi bị đuổi khỏi lục địa Trung Hoa, họ rút quân và năm 1956, sau khi quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam theo Hiệp định Giơ-ne-vơ và quân đội Việt Nam Cộng hòa chưa kịp cho quân ra tiếp quản, quân đội Đài Loan tái chiếm đảo Ba Bình – đảo lớn nhất của quần đảo Trường Sa. Hiện nay họ đang đóng giữ và củng cố căn cứ quân sự ở đây. Năm 2003, Đài Loan đã cho quân cắm cờ, làm nhà chòi trên Bãi cạn Bàn Than. Như vậy, Đài Loan đã chiếm 2 đảo và bãi đá ngầm trong quần đảo Trường Sa.

Phía Philippines: Philippines là một trong những quốc gia chủ quan trong tranh chấp biển Đông, đặc biệt là trong việc bảo vệ chủ quyền của mình đối với một số đảo và cấu trúc nhỏ trên biển. Các khu vực tranh chấp bao gồm bãi Vành Khăn, bãi Cỏ Mây (Second Thomas Shoal), và bãi Cỏ Rong (Reed Bank). Philippines khẳng định quyền khai thác tài nguyên trong EEZ của mình, bao gồm cả các hoạt động khai thác dầu khí và đánh bắt cá.

Bên cạnh đó Philippines đã đưa vụ kiện chủ quyền biển Đông lên Tòa Trọng tài Quốc tế, phản đối hành động của Trung Quốc tại vùng biển gần với đảo Scarborough (đảo Panatag), cũng như việc xây dựng các đảo nhân tạo ở quần đảo Trường Sa của mình. Philippines cũng đã thắng kiện tại Tòa Trọng tài Quốc tế vào năm 2016, khi tòa tuyên bố rằng không có cơ sở pháp lý cho các yêu sách chủ quyền của Trung Quốc dựa trên "đường lưỡi bò". Tuy nhiên, sự thực thi của quyết định này vẫn chỉ mang tính hình thức và pháp lý trong khi chính tuyên bố mang tính pháp lý này cũng phải đang đối mặt với nhiều khó khăn trong việc thực thi, và tranh chấp biển Đông vẫn là một vấn đề nóng bỏng trong khu vực.

Phía Ma-lay-si-a: bắt đầu tham gia tranh chấp quần đảo Trường Sa từ năm 1971. bằng việc công bố quy hoạch kinh tế trên một số đảo thuộc quần đảo này. Tuy nhiên,

Ma-lay-si-a không phải là một trong những quốc gia có tranh chấp lãnh thổ chủ quyền mạnh mẽ nhất tại khu vực này. Thay vào đó, sự chú trọng của Ma-lay-si-a đối với quần đảo này chủ yếu tập trung vào mục tiêu khai thác tài nguyên tự nhiên và phát triển kinh tế. Trong thập kỷ gần đây, Ma-lay-si-a đã thể hiện sự ủng hộ đối với việc giải quyết các tranh chấp biển Đông thông qua các phương tiện hòa bình và tuân thủ quy tắc của Luật Biển 1982. Ma-lay-si-a hiện đóng giữ 7 đảo, đá, bãi cạn trong quần đảo Trường Sa.

Phía Brunei: cũng là quốc gia có yêu sách chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa (một phần bản đồ – chồng lấn lên khu vực phía Nam quần đảo Trường Sa) nhưng thực tế thì Brunei chưa có đóng quân ở bất kỳ một vị trí nào ở Trường Sa. Brunei tập trung chủ yếu vào việc phát triển kinh tế và du lịch trong vùng biển của mình, và không có những hoạt động hoặc quan tâm đáng kể đối với tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông<sup>3</sup>.

- *Thứ ba là:* Tranh chấp về vùng đặc quyền kinh tế. Trong khu vực Biển Đông, các tranh chấp về vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) thường liên quan đến quyền sử dụng và quản lý tài nguyên tự nhiên, chẳng hạn như cá, dầu mỏ và khí đốt. Các nước thường tranh chấp về các EEZ gần bờ biển của họ, đặc biệt là khi có sự chồng chập giữa các phạm vi này. Trong khu vực Biển Đông, các quốc gia như Trung Quốc, Việt Nam, Philippines, Ma-lay-si-a, Brunei và Đài Loan (được coi là một phần của Trung Quốc theo quan điểm của Trung Quốc) đều có các yêu sách chủ quyền và mạng lưới EEZ khác nhau. Điều này dẫn đến các mâu thuẫn và tranh chấp giữa các quốc gia khi họ cố gắng bảo vệ quyền lợi và lãnh thổ của mình trên Biển Đông. Các quần đảo và bãi đá ở Biển Đông thường được coi là yếu tố chiến lược quan trọng trong tranh chấp chủ quyền và quyền lợi EEZ. Ví dụ, quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là hai khu vực mà nhiều quốc gia trong khu vực đang tranh chấp chủ quyền. Không những vậy mà trên Biển Đông còn có nhiều nguồn tài nguyên tự nhiên quan trọng như dầu mỏ, khí đốt và

---

<sup>3</sup> Tình hình tranh chấp ở biển Đông – Thực trạng và giải pháp, Biển toàn cảnh, Hội khoa học kỹ thuật và kinh tế biển TPHCM, 18/06/2023

cá. Việc tranh chấp về ranh giới EEZ thường liên quan đến việc kiểm soát và khai thác những tài nguyên này.

Trong bối cảnh này, các nỗ lực để giải quyết tranh chấp và đạt được sự ổn định trên Biển Đông đang được đẩy mạnh thông qua các cuộc đàm phán, hợp tác và thỏa thuận giữa các quốc gia trong và ngoài khu vực.

### **1.2.2. Những hoạt động của Trung Quốc trên Biển Đông:**

Hiện nay khu vực Biển Đông có nhiều chuyển biến phức tạp và ngày càng căng thẳng. Tình hình tại đây không chỉ ảnh hưởng đến các quốc gia ven biển mà còn tác động mạnh mẽ đến cục diện chính trị, kinh tế và an ninh của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trước những lợi ích to lớn ở Biển Đông, Trung Quốc đã không ngần ngại thể hiện rõ tham vọng: (1) kiểm soát phần lớn Biển Đông, (2) dần thiết lập một trật tự mới, những luật chơi mới trong khu vực nhằm có lợi cho Trung Quốc và (3) trở thành cường quốc thế giới thông qua việc trở thành cường quốc biển. Những tham vọng này đang được Trung Quốc hiện thực hóa một cách tuần tự với nhiều âm mưu và thủ đoạn thông qua bằng nhiều hành động và phương thức khác nhau.

- Xây dựng và cải tạo đảo: Hoạt động xây dựng và cải tạo đảo của Trung Quốc trên Biển Đông là một trong những yếu tố chính gây căng thẳng trong khu vực. Trung Quốc đã tiến hành cải tạo và xây dựng trên nhiều rạn san hô và đảo nhỏ ở quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, một phần trong chiến lược củng cố các yêu sách chủ quyền của mình.. Hoạt động này bao gồm việc nạo vét và bồi đắp các rạn san hô, xây dựng các cơ sở hạ tầng như sân bay, cảng biển, và các công trình quân sự.

Kể từ cuối năm 2013, các tàu nạo vét Trung Quốc bắt đầu xuất hiện ở quần đảo Trường Sa để tiến hành bồi đắp 7 bãi đá ngầm là đá Chữ Thập, Ga Ven, Châu Viên, Gạc Ma, Tư Nghĩa, Vành Khăn và Subi thành các đảo nhân tạo. Trung Quốc đã sử dụng công nghệ hiện đại để bồi đắp và mở rộng các rạn san hô và đảo nhỏ thành các đảo nhân tạo. Quá trình này bao gồm việc nạo vét đáy biển và đổ đất, cát để tạo ra diện

tích đất lớn hơn. Một số đảo nhân tạo nổi bật do Trung Quốc xây dựng bao gồm Đá Chữ Thập, Đá Su-bi, và Đá Vành Khăn.

Những hoạt động xây dựng và cải tạo đảo đã và đang gây ra nhiều ảnh hưởng và tác động to lớn tới môi trường. Các hoạt động bồi đắp và xây dựng này đã gây ra nhiều tác động tiêu cực đến môi trường biển: Phá hủy rạn san hô, Quá trình nạo vét và đổ cát đã làm hủy hoại các rạn san hô, gây thiệt hại nghiêm trọng đến hệ sinh thái biển. Ô nhiễm môi trường do xây dựng và hoạt động trên các đảo nhân tạo gây ô nhiễm nước biển và ảnh hưởng đến các loài sinh vật biển khó có thể phục hồi trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên các hoạt động xây dựng và cải tạo đảo của Trung Quốc đã gặp phải sự phản đối mạnh mẽ từ nhiều quốc gia và cộng đồng quốc tế. Nhiều nước ASEAN có tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông đã phản đối mạnh mẽ các hoạt động này của Trung Quốc vô cùng mạnh mẽ mà trong đó có thể nói đến Việt Nam. Bên cạnh đó Hoa Kỳ và các đồng minh đã kêu gọi Trung Quốc ngừng xây dựng và cải tạo, đồng thời thường xuyên thực hiện các chuyến tuần tra tự do hàng hải trong khu vực. Do vậy mà Trung Quốc cũng thường xuyên biện hộ rằng các hoạt động xây dựng và cải tạo của mình là hợp pháp và cần thiết cho việc bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia. Thế nhưng những hoạt động này đã làm gia tăng căng thẳng và tranh chấp chủ quyền trong khu vực Biển Đông ngày càng trở nên phức tạp hơn.

- Quân sự hóa các đảo: Hiện nay Trung Quốc đã tiến hành xây dựng trái phép nhiều cơ sở hạ tầng quân sự trên các đảo nhân tạo đang chiếm giữ, bao gồm:

Đường băng và sân bay quân sự: Các đảo như Đá Chữ Thập, Đá Su-bi, và Đá Vành Khăn đều có đường băng dài trên 3.000 mét, đủ để tiếp nhận các loại máy bay chiến đấu và máy bay vận tải lớn.

Cảng biển quân sự: Các cảng biển được thiết kế để đón tàu hải quân và tàu ngầm, giúp tăng cường khả năng triển khai hải quân trong khu vực.



Radar và hệ thống giám sát: Thiết lập các hệ thống radar tiên tiến để giám sát hoạt động hàng hải và hàng không trong khu vực, cung cấp thông tin tình báo và cảnh báo sớm.

Bên cạnh đó Trung Quốc đã triển khai nhiều hệ thống vũ khí hiện đại trên các đảo nhân tạo như là tên lửa phòng không gồm các hệ thống tên lửa đất đối không như HQ-9, có khả năng tiêu diệt mục tiêu ở tầm xa. Tên lửa chống hạm với hệ thống tên lửa chống hạm YJ-12 có thể tấn công các tàu chiến của đối phương. Pháo tự hành và súng phòng không cũng được triển khai để bảo vệ các căn cứ khỏi các cuộc tấn công bằng máy bay và tàu chiến. Trung Quốc đã điều động binh lính và thiết lập các cơ sở hỗ trợ cho quân đội trên các đảo bằng việc cung cấp chỗ ở và điều kiện sinh hoạt tốt cho binh lính đồn trú. Các bệnh viện dã chiến và cơ sở hậu cần được xây dựng để hỗ trợ hoạt động quân sự. Trung Quốc đã hoàn tất hoạt động xây dựng kho tên lửa, nhà chứa máy bay, hệ thống radar và các cơ sở quân sự khác trên đá Vành Khăn, đá Su-bi và đá Chũ Thập.

- Khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên: Trung Quốc với các hoạt động thăm dò dầu khí trong các vùng nước tranh chấp. Việc hạ đặt giàn khoan dầu Hải Dương 981 vào vùng biển gần quần đảo Hoàng Sa năm 2014 đã gây ra căng thẳng với Việt Nam. Các tàu thăm dò và khai thác của Trung Quốc thường hoạt động trong các vùng biển mà các quốc gia khác cũng tuyên bố chủ quyền. Trong đó Trung Quốc đã tiến hành nhiều hoạt động khai thác dầu khí ở Biển Đông, một khu vực giàu tài nguyên và có ý nghĩa chiến lược lớn. Bằng những âm mưu đã có sự tính toán Trung Quốc đã triển khai các giàn khoan dầu khí ở Biển Đông, với một số sự kiện nổi bật gây ra căng thẳng với các nước láng giềng. Sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 vào năm 2014 vào vùng biển tranh chấp gần quần đảo Hoàng Sa, khu vực mà Việt Nam cũng tuyên bố chủ quyền. Việc này đã dẫn đến các cuộc đối đầu giữa tàu Việt Nam và tàu Trung Quốc, gây căng thẳng nghiêm trọng giữa hai nước.

Không những vậy mà Trung Quốc đã hợp tác với nhiều công ty dầu khí quốc tế để khai thác và phát triển các mỏ dầu khí ở Biển Đông. Những công ty này có thể cung cấp công nghệ, kỹ thuật và kinh nghiệm cần thiết cho việc khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên. Có thể nói đến là mỏ dầu khí Lăng Thủy (Lingshui) đây là một trong những mỏ dầu khí lớn mà Trung Quốc đang khai thác, nằm ở phía nam đảo Hải Nam. Mỏ này được phát hiện vào năm 2014 và đã được đưa vào khai thác thương mại, cung cấp nguồn năng lượng quan trọng cho Trung Quốc. Và để thực hiện được những âm mưu và các chiến lược bành trướng của nước này thông qua các hoạt động thăm dò và nghiên cứu thì phía Trung Quốc đã sử dụng lực lượng bảo vệ bờ biển để tuần tra và bảo vệ các giàn khoan dầu khí cũng như các tàu thăm dò, đảm bảo an ninh cho các hoạt động khai thác. Trung Quốc còn ngang nhiên thiết lập các khu vực cấm tiếp cận xung quanh các giàn khoan dầu khí, cấm tàu thuyền và máy bay của các nước khác xâm nhập. Có thể thấy khai thác dầu khí ở Biển Đông là một phần quan trọng trong chiến lược của Trung Quốc nhằm tăng cường quyền kiểm soát và khai thác các nguồn tài nguyên trong khu vực. Tuy nhiên, các hoạt động này đã gây ra nhiều căng thẳng và xung đột với các nước láng giềng, làm phức tạp thêm tình hình an ninh ở Biển Đông. Trong số đó có thể thấy Việt Nam là bên chịu nhiều ảnh hưởng nhất và cũng là bên có những hành động cứng rắn và khôn ngoan để bảo vệ lập trường và toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ. Việc tìm kiếm giải pháp hợp tác và quản lý bền vững tài nguyên trong khu vực là cần thiết để đảm bảo hòa bình và ổn định trong khu vực.

- Đánh bắt cá: Hoạt động đánh bắt cá của Trung Quốc ở Biển Đông đã tăng lên đáng kể. Đội tàu cá của Trung Quốc, đôi khi được hộ tống bởi lực lượng bảo vệ bờ biển, thường tiến vào các vùng biển tranh chấp, gây ra căng thẳng với các quốc gia láng giềng. Trung Quốc đã tiến hành nhiều hoạt động đánh bắt cá ở Biển Đông, một số khu vực có nguồn tài nguyên hải sản phong phú. Tuy nhiên, những hoạt động này đã gây ra căng thẳng với các nước láng giềng và gây lo ngại về tác động đối với môi trường biển. Trung Quốc với đội tàu cá lớn nhất thế giới và đã mở rộng hoạt động đánh

bắt cá ở Biển Đông. Đội tàu cá của Trung Quốc, bao gồm cả tàu cá thương mại và tàu cá dân quân biển, hoạt động rộng khắp trong khu vực này. Nhiều tàu cá Trung Quốc thường xâm nhập vào vùng biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) của các nước láng giềng như Việt Nam, Philippines, Malaysia và Indonesia.

Có thể nói Chính phủ Trung Quốc đã hỗ trợ mạnh mẽ cho ngành đánh bắt cá bằng cách cung cấp các khoản trợ cấp tài chính, nhiên liệu và thiết bị cho ngư dân. Các chính sách này đã thúc đẩy sự gia tăng về số lượng và phạm vi hoạt động của tàu cá Trung Quốc. Ngoài ra, Trung Quốc cũng đã thiết lập các khu vực cấm đánh bắt cá tạm thời để bảo vệ nguồn tài nguyên hải sản, nhưng lại cho phép tàu cá của mình hoạt động ở những khu vực tranh chấp. Trung Quốc đã sử dụng một lực lượng gọi là "dân quân biển," bao gồm các tàu cá có sự hỗ trợ và chỉ đạo từ chính phủ. Những tàu này không chỉ đánh bắt cá mà còn thực hiện các nhiệm vụ như tuần tra, giám sát và hỗ trợ các hoạt động của hải quân Trung Quốc. Dân quân biển Trung Quốc đã tham gia vào nhiều vụ việc xung đột với tàu cá và tàu tuần tra của các nước khác ở Biển Đông.

- Tuần tra và tập trận quân sự: Hoạt động tuần tra và tập trận quân sự của Trung Quốc tại Biển Đông là một phần quan trọng trong chiến lược của nước này nhằm khẳng định và mở rộng ảnh hưởng trong khu vực. Trung Quốc thường xuyên cho tiến hành các cuộc tuần tra và tập trận quân sự các cuộc tập trận này thường bao gồm các hoạt động của hải quân, không quân và lực lượng tên lửa, thể hiện sức mạnh và khả năng kiểm soát khu vực của Trung Quốc. Mà thực chất mục tiêu của các cuộc tuần tra này là khẳng định chủ quyền, bảo vệ các công trình xây dựng trên đảo nhân tạo, và đảm bảo an ninh hàng hải. Ngoài ra, các cuộc tuần tra còn nhằm răn đe các nước khác và ngăn chặn các hoạt động khai thác tài nguyên trái phép trong vùng biển tranh chấp. Trung Quốc tổ chức tập trận thường xuyên, với quy mô lớn và phức tạp, có sự tham gia của nhiều binh chủng và trang thiết bị hiện đại. Ví dụ, các cuộc tập trận thường bao gồm tàu sân bay, tàu ngầm, khu trục hạm, và máy bay chiến đấu hiện đại. Các cuộc tập

trận thường diễn ra ở các khu vực nhạy cảm như quần đảo Trường Sa, nơi Trung Quốc đã xây dựng các đảo nhân tạo và cơ sở hạ tầng quân sự.

- Tuyên bố chủ quyền và lập bản đồ: Trung Quốc liên tục khẳng định chủ quyền của mình thông qua việc lập bản đồ và công bố các tài liệu khẳng định chủ quyền lịch sử của họ đối với Biển Đông. Những tuyên bố này thường xuyên được đưa ra trên các diễn đàn quốc tế. Thông qua việc Trung Quốc công bố và đưa ra yêu sách chủ quyền trên Biển Đông dựa trên "đường chín đoạn" (hay còn gọi là "đường lưỡi bò"), một đường vẽ tay mô tả yêu sách chủ quyền của Trung Quốc bao phủ gần như toàn bộ Biển Đông. Đường chín đoạn này lần đầu tiên được công bố bởi chính quyền Trung Hoa Dân Quốc vào năm 1947 và sau đó được Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa kế thừa. Trung Quốc đã nhiều lần khẳng định chủ quyền của mình thông qua các tuyên bố chính thức, bao gồm các văn bản pháp lý, các bài phát biểu của lãnh đạo, và các tài liệu chính sách. Để củng cố cho yêu sách và ý đồ của mình mặc dù Trung Quốc là một bên ký kết UNCLOS nhưng giải thích và áp dụng Công ước này theo cách riêng để biện minh cho các yêu sách chủ quyền của mình. Trung Quốc cho rằng các quyền lịch sử của mình tồn tại trước khi UNCLOS có hiệu lực và do đó không bị ràng buộc bởi các quy định của Công ước về vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Ngoài các bản đồ tổng thể, Trung Quốc cũng đã tạo ra các bản đồ chi tiết hơn về các khu vực cụ thể như quần đảo Hoàng Sa (Paracel Islands) và quần đảo Trường Sa (Spratly Islands). Các bản đồ này thường mô tả chi tiết các đảo, đá, và bãi cạn mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền. Chính phủ Trung Quốc đã phát hành nhiều sách trắng và tài liệu chính sách để giải thích và biện minh cho các yêu sách chủ quyền của mình. Các tài liệu này thường đi kèm với các bản đồ và bằng chứng lịch sử mà Trung Quốc cho là cơ sở cho các yêu sách của mình.

- Hoạt động ngoại giao: Trung Quốc đã triển khai một loạt các hoạt động ngoại giao nhằm củng cố lập luận và yêu sách chủ quyền của mình ở Biển Đông. Trên diễn

đàn Quốc tế Trung Quốc thường xuyên sử dụng các diễn đàn của Liên Hợp Quốc để trình bày lập trường của mình về Biển Đông. Trung Quốc đã gửi nhiều tài liệu và bản đồ tới Liên Hợp Quốc để chứng minh yêu sách của mình dựa trên lịch sử và luật pháp quốc tế. Với ASEAN Mặc dù gặp nhiều khó khăn, Trung Quốc đã nỗ lực xây dựng quan hệ tốt với ASEAN. Trung Quốc thúc đẩy việc đàm phán về Bộ Quy tắc Ứng xử ở Biển Đông (COC) nhằm giảm bớt căng thẳng và giải quyết tranh chấp thông qua các cơ chế đa phương. Họ tham gia các diễn đàn đa phương như ASEAN và đối thoại Shangri-La để bảo vệ lập trường của mình, đồng thời tìm cách chia rẽ và gây ảnh hưởng đối với các quốc gia có tuyên bố chủ quyền khác.

Về quan hệ song phương Trung Quốc Quan hệ song phương của Trung Quốc trong khu vực đã được định hình chủ yếu thông qua việc sử dụng sức mạnh kinh tế và các sáng kiến hợp tác như Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI). BRI là một sáng kiến quan trọng của Trung Quốc, nhằm tăng cường hợp tác hạ tầng và thúc đẩy giao thương quốc tế. Trung Quốc đã tận dụng BRI để xây dựng quan hệ tốt với các quốc gia trong khu vực, cung cấp cơ hội hợp tác và phát triển chung. Sáng kiến BRI cũng là một cách để Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng và sự ủng hộ từ các quốc gia trong khu vực thông qua việc tạo ra những lợi ích kinh tế và cơ hội hợp tác. Ngoài ra để giảm bớt áp lực từ nhiều nước cũng như có thể tạo ra lợi thế cho mình mà Trung Quốc thường khuyến khích đàm phán song phương với các quốc gia có tranh chấp để giải quyết vấn đề. Điều này giúp Trung Quốc có lợi thế hơn khi đàm phán so với các cơ chế đa phương.

Trung Quốc đã sử dụng các kênh truyền thông quốc tế như Tân Hoa Xã, CGTN, và các ấn phẩm ngoại giao để truyền tải thông điệp về yêu sách chủ quyền của mình. Các bài viết, bản tin và phóng sự thường nhấn mạnh quyền lịch sử và các hoạt động hợp pháp của Trung Quốc ở Biển Đông. Chính phủ còn tài trợ cho nhiều nghiên cứu và xuất bản các tài liệu học thuật nhằm củng cố các lập luận lịch sử và pháp lý về chủ

quyền của mình. Các viện nghiên cứu và trường đại học thường xuyên xuất bản các bài báo và báo cáo hỗ trợ yêu sách của Trung Quốc.

Những hoạt động này của Trung Quốc ở Biển Đông không chỉ nhằm củng cố yêu sách chủ quyền của họ mà còn làm gia tăng căng thẳng và tranh chấp trong khu vực, đặc biệt là với các quốc gia ASEAN có tuyên bố chủ quyền chồng lấn. Trung Quốc đã triển khai một chiến lược ngoại giao toàn diện và đa dạng để củng cố lập luận và yêu sách chủ quyền của mình ở Biển Đông. Thông qua việc sử dụng các diễn đàn quốc tế, thúc đẩy quan hệ song phương, triển khai các chiến dịch tuyên truyền và các hoạt động pháp lý, Trung Quốc tìm cách thuyết phục cộng đồng quốc tế về tính hợp pháp của yêu sách chủ quyền của mình. Tuy nhiên, các hoạt động này cũng gặp phải sự phản đối mạnh mẽ từ các quốc gia có liên quan và cộng đồng quốc tế, đặc biệt là sau phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực năm 2016.

### **1.2.3. Sức ảnh hưởng của các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ...đối với tình hình ở Biển Đông**

Các cường quốc này có những lợi ích và mục tiêu khác nhau trong Biển Đông, liên quan đến an ninh quốc gia, an ninh năng lượng, an ninh hàng hải, thương mại, đầu tư, hợp tác khu vực và quốc tế. Các cường quốc này thường thể hiện sự hiện diện và ảnh hưởng của mình qua các hoạt động quân sự, ngoại giao, kinh tế và hợp tác với các nước trong khu vực. Tính phức tạp của vấn đề Biển Đông đã tạo ra những rủi ro đáng kể đối với hòa bình, ổn định và an ninh trong khu vực.

**Đối với Mỹ:** có thể nói rằng Mỹ bắt đầu nhận ra những lợi ích to lớn ở Biển Đông mang đến. Trước tiên Mỹ coi quyền tự do đi lại trên biển và hàng không là một trong những nguyên tắc quan trọng của mình. Việc giữ gìn quyền này không chỉ đảm bảo an ninh và an toàn cho các hoạt động của Mỹ mà còn ủng hộ cho cộng đồng quốc tế. Mỹ có lợi ích kinh tế lớn trong việc duy trì ổn định và an toàn trên Biển Đông. Các

công ty năng lượng Mỹ tham gia khai thác dầu khí và khí đốt ở khu vực này, do đó, Mỹ quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi kinh doanh của mình khỏi sự ảnh hưởng của tranh chấp chủ quyền. Hơn nữa Biển Đông là một tuyến đường giao thương quan trọng, chiếm trung tâm trong mạng lưới vận chuyển hàng hóa quốc tế. Mỹ quan tâm đến việc bảo vệ lối đi này để đảm bảo rằng nguồn cung cấp và vận chuyển hàng hóa của mình không bị gián đoạn. Biển Đông là một phần quan trọng trong chiến lược này, vì nó là tuyến đường biển quan trọng và là nơi có nhiều tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á. Mỹ cũng thường xuyên duy trì sự hiện diện quân sự đáng kể tại Biển Đông thông qua các hoạt động tuần tra tự do hàng hải (FONOPs), tập trận chung với các đồng minh và đối tác trong khu vực. Hải quân Mỹ thường xuyên điều tàu chiến và máy bay tới Biển Đông để khẳng định quyền tự do hàng hải và thách thức các yêu sách chủ quyền quá mức của Trung Quốc. Thêm vào đó là các chính sách của những người đứng đầu chính phủ Mỹ đã dần có sự thay đổi và chuyển dịch. Mỹ coi Trung Quốc là một thách thức ngày càng lớn đối với quyền lợi và ảnh hưởng của mình ở châu Á-Thái Bình Dương. Việc Trung Quốc mở rộng hoạt động quân sự và đưa ra các tuyên bố chủ quyền gây lo ngại cho Mỹ về sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực.

Sự dịch chuyển cân bằng quyền lực từ châu Âu sang châu Á đang thể hiện rõ ràng, và Trung Quốc đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong thế giới đang phát triển này. Trung Quốc đã trở thành một trong những nền kinh tế lớn nhất thế giới, và sự tăng trưởng này đang càng làm cho nước này trở nên quan trọng hơn trong cân bằng quyền lực toàn cầu. Với sức mạnh kinh tế này, Trung Quốc có thể thúc đẩy ảnh hưởng của mình ở nhiều lĩnh vực, từ chính trị đến kinh tế và thậm chí là an ninh. Trung Quốc đã mở rộng sự hiện diện quân sự và xây dựng cơ sở hạ tầng trên các đảo tranh chấp ở Biển Đông, gây ra một loạt tranh chấp với các quốc gia láng giềng. Hành động này không chỉ gây lo ngại cho các quốc gia hàng xóm mà còn là một thách thức đối với vai trò của Mỹ trong khu vực. Trong bối cảnh này, vai trò của Trung Quốc ngày càng trở

nên quan trọng và đang tạo ra những thách thức mới cho Mỹ và các quốc gia khác trên thế giới.

Qua đó mà Mỹ tăng cường hỗ trợ quân sự và quốc phòng cho các đồng minh và đối tác trong khu vực, bao gồm Nhật Bản, Philippines, Việt Nam, Ma-lay-si-a, và Indonesia. Sự hỗ trợ này bao gồm cung cấp vũ khí, thiết bị quân sự, đào tạo, và hợp tác quốc phòng, giúp các nước này tăng cường năng lực phòng thủ và bảo vệ chủ quyền tại Biển Đông. Không những vậy mà Mỹ còn sử dụng các kênh ngoại giao và chính sách để phản đối các hành động gây hấn của Trung Quốc tại Biển Đông.

Ảnh hưởng của Mỹ tại Biển Đông là toàn diện và đa dạng, bao gồm cả quân sự, ngoại giao, kinh tế, và chính trị. Mỹ cam kết bảo vệ quyền tự do hàng hải, hỗ trợ các đồng minh và đối tác, và phản đối các hành động gây hấn và yêu sách chủ quyền không hợp pháp của Trung Quốc. Tuy nhiên, sự can thiệp của Mỹ cũng gặp nhiều thách thức và đòi hỏi sự cân nhắc kỹ lưỡng để duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực.

**Đối với Nhật Bản:** Biển Đông là không gian hàng hải quan trọng của Nhật Bản. Hơn 80% nguồn cung cấp dầu và 70% giao dịch thương mại của Nhật Bản đi qua các vùng biển này. Bất kỳ sự gián đoạn nào của giao thông đường biển do sự bất đồng giữa các quốc gia đòi chủ quyền hoặc sự kiểm soát quá đáng bởi một sức mạnh thống trị đơn lẻ nào đó sẽ tác động thảm khốc tới Nhật Bản. Nhật Bản đối với vấn đề Biển Đông là đảm bảo sự duy trì hòa bình, đảm bảo an ninh và tự do hàng hải quốc tế, trên nguyên tắc mọi bất đồng tranh chấp chủ quyền và tranh chấp biển phải được giải quyết dựa trên cơ sở luật pháp quốc tế và luật biển quốc tế bằng các biện pháp hòa bình. Chiến lược bảo đảm an ninh quốc gia của Nhật Bản chỉ rõ là những nước có mạng lưới thương mại toàn cầu phụ thuộc vào đường biển, Mỹ và Nhật nhân mạnh tầm quan trọng của việc duy trì trật tự trên biển dựa trên nền tảng luật pháp quốc tế, trong đó có quyền tự do hàng hải và hàng không. Từ năm 2009 đến nay, tình hình Biển Đông trở nên căng thẳng, Nhật Bản đã tích cực phối hợp với Mỹ thúc đẩy các phương thức như



đa phương hóa và quốc tế hóa vấn đề Biển Đông. Ví dụ như Tokyo đã ủng hộ Philippines đơn phương khởi kiện Trung Quốc áp dụng sai, giải thích sai Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 ở Biển Đông lên Tòa trọng tài nhằm tăng cường tiếng nói ở vùng biển này.

Nhật Bản đã viện trợ phát triển cho Đông Nam Á từ những năm 1950. Năm ngoái, Nhật đã cam kết tăng số tiền viện trợ. Nhật Bản đã tích cực viện trợ cho xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng trong khu vực để tăng cường khả năng kết nối hàng hải. Khi các khoản đầu tư và thương mại với Đông Nam Á tăng lên, sự kết nối với các nền kinh tế châu Á là công cụ để đảm bảo thành công của những hợp tác kinh tế của Nhật Bản. Nhật Bản thường xuyên hỗ trợ các dự án phát triển và nhân đạo tại các quốc gia ASEAN, bao gồm cả các dự án liên quan đến biển và hải đảo. Sự hỗ trợ này có thể tạo ra ảnh hưởng tích cực đến cuộc sống và nền kinh tế của các quốc gia trong khu vực. Những ảnh hưởng này, mặc dù không trực tiếp như của Mỹ hoặc Trung Quốc, nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ ổn định và phát triển bền vững của khu vực Biển Đông.

**Đối với Ấn Độ:** Mặc dù Ấn Độ là bên không liên quan nhiều đến Biển Đông và cũng là một quốc gia có ảnh hưởng trực tiếp đến Biển Đông như các quốc gia trong khu vực hoặc các quốc gia có mối quan hệ chặt chẽ với Biển Đông như Mỹ hoặc Nhật Bản. Thế nhưng Biển Đông có liên quan trực tiếp với những tính toán chiến lược của Ấn Độ, do vùng biển này nằm ở giữa tuyến đường hàng hải trải dài từ đông Ấn Độ Dương đến tây Thái Bình Dương, giúp Ấn Độ tiếp cận với các thị trường lớn trên thế giới. Tầm quan trọng kinh tế của khu vực này đã chuyển thành lợi ích an ninh quốc gia đối với New Delhi. Với một nửa thương mại đường biển của mình đi qua eo biển Malacca, bất kỳ sự bất ổn nào ở biển Đông sẽ tác động tiêu cực đến các tuyến đường vận chuyển và gây ảnh hưởng đến kinh tế Ấn Độ. Một phần nữa là Ấn Độ và Trung Quốc cùng tranh chấp một số khu vực biên giới ở miền Bắc, và Ấn Độ cũng lo ngại về

sự mở rộng của Trung Quốc ở Biển Đông có thể tạo ra thêm các tranh chấp chủ quyền và an ninh trong khu vực. Ấn Độ nhận thấy rằng Trung Quốc là một quốc gia có sức ảnh hưởng lớn ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, và các hoạt động của Trung Quốc ở Biển Đông có thể ảnh hưởng đến sự cân bằng quyền lực và ổn định khu vực. Trong bối cảnh này, Ấn Độ thường xuyên theo dõi và thể hiện quan ngại của mình về các hoạt động của Trung Quốc ở Biển Đông, đồng thời tìm cách hợp tác với các quốc gia khác trong khu vực để bảo vệ lợi ích chung và duy trì an ninh và ổn định.

**Đối với Nga và Úc:** Cả hai quốc gia Nga và Úc đều có ảnh hưởng đến tình hình ở Biển Đông, mặc dù mức độ ảnh hưởng có thể khác nhau. Nga thường tham gia các cuộc tập trận quân sự và hoạt động hợp tác quân sự với một số quốc gia trong khu vực, có thể tạo ra các yếu tố đối đầu và cạnh tranh. Nga có quan tâm đến việc mở rộng quan hệ thương mại và hợp tác năng lượng với các quốc gia trong khu vực. Mặc dù không phải là một trong những nhà sản xuất năng lượng chính của khu vực, Nga vẫn có vai trò trong việc cung cấp dầu, khí đốt và các nguồn năng lượng khác cho một số quốc gia trong khu vực. Nga thường sử dụng quan hệ đối ngoại của mình để tăng cường ảnh hưởng đối với khu vực châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm cả Biển Đông. Việc này có thể bao gồm việc tham gia các diễn đàn quốc tế và khu vực và đề xuất các giải pháp cho các vấn đề an ninh và chính trị ở khu vực này.

Đối với Úc là một quốc gia lớn trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Úc có quan hệ đối tác an ninh với một số quốc gia trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm cả các quốc gia ở Biển Đông như Việt Nam và Philippines. Hợp tác này thường tập trung vào chia sẻ thông tin tình báo, đào tạo quân sự và củng cố năng lực quốc phòng cho các quốc gia trong khu vực. Úc quan tâm đến việc bảo đảm tự do hàng hải và an ninh ở khu vực, và thường tham gia các cuộc tập trận hải quân và hoạt động hợp tác với các đối tác trong khu vực để duy trì quyền lợi của mình và ổn định khu vực. Bên cạnh đó Úc có quan hệ thương mại mở rộng với các quốc gia trong khu vực châu

Á-Thái Bình Dương, bao gồm cả các quốc gia ở Biển Đông như Singapore và Malaysia. Việc tăng cường hợp tác kinh tế có thể tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định và phát triển kinh tế cho các quốc gia trong khu vực. Trong tổng thể, cả Nga và Úc đều có vai trò trong việc định hình tình hình ở Biển Đông thông qua các hoạt động quân sự, quan hệ đối ngoại và hợp tác với các quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của họ có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố địa lý, quan hệ đối ngoại và chính sách quốc gia.

#### **1.2.4. Những thách thức về môi trường biển và tài nguyên thiên nhiên.**

Biển Đông, với diện tích rộng khoảng 3,5 triệu km<sup>2</sup>. Vùng biển này được coi là một trong những khu vực chứa đựng tài nguyên dầu khí lớn nhất trên thế giới, cũng như nhiều khoáng sản quý như mangan, titan, urani, photphat. Biển Đông có nhiều tài nguyên thiên nhiên quý giá, như dầu khí, hải sản, đa dạng sinh học... nhưng cũng đang bị suy giảm và ô nhiễm do các hoạt động khai thác, khảo sát, xây dựng, giao thông, du lịch... trên biển. Biển Đông cũng phải chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, như nước biển dâng, nhiệt độ biển tăng, xói mòn bờ biển, xâm nhập mặn, thiên tai... gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho môi trường và đời sống của người dân. Nó có vai trò lớn trong vận chuyển hàng hóa và dầu mỏ trên toàn cầu, với hơn 30% lượng hàng hóa giao thương trên thế giới và 80% lượng dầu mỏ thế giới được vận chuyển qua đây. Sáu quốc gia đã đưa ra các tuyên bố chủ quyền chồng chéo đối với Biển Đông, một khu vực giàu tài nguyên hydrocarbon và khí đốt tự nhiên, đồng thời là một tuyến đường thương mại quan trọng với hàng nghìn tỷ đô la toàn cầu chảy qua.

Quá trình nạo vét và xây dựng các đảo nhân tạo đã gây ra những hậu quả đáng kể đối với môi trường. Hiện tại, vấn đề nạo vét và bồi lấp đảo trái phép của Trung Quốc đặt ra hai thách thức chính về an ninh môi trường tại Biển Đông. Đầu tiên, các hoạt động này gây tổn hại cho hệ sinh thái. Chúng phá hủy các môi trường rạn san hô

và lấp đầy các vùng đầm lầy tự nhiên, những thành phần quan trọng của rạn san hô. Thứ hai, việc nạo vét và xây đảo của Trung Quốc khiến các tầng trầm tích lan ra và ảnh hưởng xấu đến các khu vực rạn san hô khác. Tác động này mang tính phức tạp và nghiêm trọng hơn nhiều so với những gì chúng ta có thể nhìn thấy bề ngoài. Sự suy giảm đa dạng sinh học do khai thác không bền vững của tài nguyên sinh vật biển, như cá và san hô, đã dẫn đến sự suy giảm đáng kể trong đa dạng sinh học của Biển Đông. Sự thay đổi khí hậu cũng góp phần vào việc suy giảm này bằng cách tạo ra điều kiện sống khắc nghiệt đối với một số loài. Bên cạnh đó là sự xuất hiện của các loài dẫn đến sự biến đổi sinh thái, gọi là loài xâm nhập, có thể gây ra sự biến đổi lớn trong hệ sinh thái biển, ảnh hưởng đến cả đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên.

Trong thập kỷ qua, do việc đánh bắt cá quá mức, ô nhiễm môi trường biển và thiếu sự quản lý hợp lý trong ngành nghề cá, trữ lượng cá trong Biển Đông. Ngoài việc khai thác và đào bới đáy biển, hơn 160 km<sup>2</sup> rạn san hô đã bị phá hủy. Điều này làm nổi bật tốc độ suy giảm môi trường biển của Biển Đông, và điều này là do tranh chấp chủ quyền và sự thiếu quản lý biển hiệu quả từ nhiều quốc gia trong khu vực tranh chấp.

Vấn đề ô nhiễm rác thải nhựa trong đại dương Biển Đông đang gây ra sự báo động đáng kể. Biển Đông là một trong những vùng có lượng rác thải nhựa lớn nhất trên toàn cầu. Trong số 5 quốc gia hàng đầu về việc xả rác thải nhựa vào đại dương, có đến 4 quốc gia trong khu vực Biển Đông, bao gồm Trung Quốc, Indonesia, Philippines và Việt Nam. Rác thải nhựa có khả năng đe dọa tính mạng của sinh vật biển khi chúng nuốt phải những mảnh vụn nhựa lớn, gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển và có thể xâm nhập vào cơ thể con người qua nhiều con đường khác nhau. Mức độ tác động môi trường và vi phạm pháp luật của Trung Quốc đã được Tòa Trọng Tài thành của UNCLOS phán quyết và công bố chính thức vào ngày 12 tháng 7 năm 2016.

Để đảm bảo bền vững và phát triển chung của khu vực, cần thiết phải có nhận thức chính xác và sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia trong khu vực và cộng đồng

quốc tế. Việc duy trì hòa bình, ổn định và an ninh trên Biển Đông sẽ đảm bảo lợi ích chung và phát triển bền vững của tất cả các quốc gia liên quan. Những thách thức này yêu cầu sự hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực và cộng đồng quốc tế để tìm ra các giải pháp bền vững và hiệu quả để bảo vệ môi trường biển và tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông.

## **Tiểu kết Chương 1**

Biển Đông, hiện nay đang là chủ đề nóng được các diễn đàn và hội nghị đề cập ở Việt Nam nói riêng và quốc tế nói chung. Việc tranh chấp chủ quyền biển đảo làm cho các nước bất ổn về chính trị, xã hội... và có thể nguy cơ chiến tranh có thể xảy ra. Biển Đông đang đối mặt với nhiều thách thức và căng thẳng, từ tranh chấp chủ quyền đến môi trường biển và tài nguyên thiên nhiên. Các vấn đề như tranh chấp lãnh thổ, xây dựng đảo nhân tạo, tham gia quân sự, khai thác tài nguyên và ô nhiễm môi trường đang tạo ra một tình hình phức tạp và căng thẳng trong khu vực.

Tuy nhiên, cũng có các nỗ lực được thực hiện để giải quyết các vấn đề này. Các cuộc đàm phán và hòa giải giữa các bên, cùng với sự hợp tác khu vực và quốc tế, có thể giúp tìm ra các giải pháp hòa bình và bền vững. Việc thúc đẩy quan hệ hợp tác và tôn trọng quy định của luật pháp quốc tế, như Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển, cũng là một phần của giải pháp. Trong khi đó, việc tăng cường giám sát và bảo vệ môi trường biển, cũng như quản lý bền vững tài nguyên, là rất quan trọng để đảm bảo sự tồn tại của hệ sinh thái biển và cung cấp lợi ích cho tất cả các bên liên quan. Tóm lại, tình hình Biển Đông vẫn đang tiếp tục phát triển và thay đổi, và việc tìm ra các giải

pháp đáp ứng được các thách thức này đòi hỏi sự hợp tác và cố gắng từ tất cả các bên liên quan. Việc ổn định tình hình khu vực Biển Đông mang lại nhiều lợi ích to lớn cho ASEAN trong việc phát triển và ổn định tình hình kinh tế của các nước trong khu vực.

ASEAN cho thấy một khu vực với sự phát triển đáng kể và tiềm năng lớn trong thế kỷ 21. Dưới sự lãnh đạo của ASEAN, khu vực này đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc tăng cường hòa bình, ổn định và phát triển kinh tế. ASEAN đã thành lập một cộng đồng kinh tế cùng một thị trường chung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương và đầu tư trong khu vực. Các nước thành viên đã hợp tác chặt chẽ trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, văn hóa và phát triển bền vững. Dự đoán ASEAN sẽ là nền kinh tế lớn thứ 4 vào năm 2025. Điều quan trọng hơn nữa, ASEAN đã hình thành một tác nhân đầu đón ở khu vực tương đối ổn định. Hợp tác chính sách và đối thoại trong ASEAN cho phép tổ chức này trở thành một ngọn hải đăng của hòa bình và ổn định trên thế giới, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của từng quốc gia thành viên cũng như chính ASEAN.

Đối với Việt Nam, dù gia nhập vào nhưng những gì đã đóng góp cho ASEAN trong hơn 23 năm qua kể từ khi gia nhập khối (28/7/1995) là hết sức đáng tự hào. Trong thời gian tới, mối liên hệ chắc chắn giữa Việt Nam và ASEAN sẽ ngày càng được củng cố chặt chẽ hơn. Đây là cơ hội lớn cho Việt Nam để sớm hoàn thành mục tiêu xây dựng đất nước văn minh, giàu đẹp, phát triển và có vị trí cao trong khu vực cũng như trên thế giới. Tuy nhiên, ASEAN cũng đối diện với một số thách thức, bao gồm tranh chấp biên giới, môi trường, dân số và phát triển kinh tế không đồng đều giữa các quốc gia thành viên. Để vượt qua những thách thức này và tiếp tục phát triển, ASEAN cần tiếp tục tăng cường hợp tác và xây dựng một khu vực ổn định, hòa bình và phồn thịnh.

## **CHƯƠNG 2: ASEAN - XÂY DỰNG MỘT CỘNG ĐỒNG VỮNG MẠNH VÀ GẮN KẾT**

### **2.1. Các chính sách của ASEAN đối với việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông**

#### **2.1.1. Thống nhất cao trong quan điểm, lập trường của ASEAN**

Biển Đông là khu vực có nhiều lợi ích chung đối với nhiều nước trong và ngoài khu vực, cũng là nơi địa chiến lược, kinh tế, thông thương và tự do hàng hải. Là nơi mà quốc gia nào cũng muốn tự do hàng hải, thương mại, đi lại được bảo đảm ở khu vực này. Với ASEAN, khu vực này lại càng quan trọng bởi hầu hết quốc gia thành viên đều có liên quan trực tiếp tới lợi ích Biển Đông.

Nhắc đến tình hình Biển Đông thời gian qua, nhiều ý kiến cho rằng đây là chủ thể khiến quan hệ giữa các nước lớn xấu đi. Những hoạt động gia tăng trên thực địa gần đây của Trung Quốc và việc mở rộng kiểm soát ở Biển Đông đã gây ra phản ứng mạnh mẽ từ chính phủ và người dân nhiều nước, đặc biệt là các nước ASEAN.

Nhiều nước đã gửi công hàm lên Liên Hợp Quốc bày tỏ lập trường pháp lý ở Biển Đông. Theo Tiến sĩ Phạm Lan Dung, quyền Giám đốc Học viện Ngoại giao Việt Nam, điều này cho thấy tính thống nhất cao của ASEAN trong việc đề cao luật pháp quốc tế trong giải quyết tranh chấp Biển Đông: “Việc lưu hành công hàm với những nội dung mang đậm những ngôn ngữ và hàm ý pháp lý cho thấy các quốc gia ngày càng đề cao vai trò và giá trị của luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Luật Biển 1982 (UNCLOS), qua đó khẳng định tính chất phổ quát và nhất quán của Công ước Luật Biển đã thiết lập khuôn khổ pháp lý, trong đó mọi hoạt động trên biển và đại dương được thực hiện. Đây chính là các hành động thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật mà cộng đồng quốc tế mong muốn”

Nhận thức rõ Biển Đông là một trong những thách thức chính của Cộng đồng ASEAN đến năm 2025, ASEAN đã có những biện pháp và quan điểm rõ ràng hơn về những kỳ vọng, kế hoạch trong lĩnh vực này, lường trước những tác động thay đổi trong tương lai đối với ASEAN và các nước thành viên nhân mạnh những thay đổi sắp tới và vai trò trung tâm của ASEAN trong việc giải quyết vấn đề này.

Tại các Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 36 và 37 năm 2020, vấn đề Biển Đông nhận được sự đồng thuận của các nhà lãnh đạo ASEAN rằng có một cơ sở pháp lý thống nhất và mạch lạc để giải quyết các vấn đề ở Biển Đông: Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS 1982). Các nước cũng nhất trí nhanh chóng đẩy nhanh quá trình đàm phán và ban hành Bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC), văn kiện điều chỉnh mọi ứng xử trên biển giữa các bên liên quan vì một khu vực Biển Đông hòa bình, ổn định và thịnh vượng. Thêm nữa, ASEAN đã và luôn nhân mạnh vai trò trung tâm của mình trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các cường quốc. Thứ trưởng Ngoại giao Nguyễn Quốc Dũng cho rằng: “ASEAN đã xác định, các nước thành viên ASEAN cũng xác định không chọn bên mà chỉ chọn lợi ích của ASEAN. Với quan điểm rõ ràng như vậy thì ASEAN luôn có lập trường riêng của mình trong các vấn đề quốc tế và khu vực, trong đó có vấn đề Biển Đông. Đây chính là cách để ASEAN giữ vững vai trò trung tâm của mình ở khu vực”.

ASEAN đã nhiều lần khẳng định lập trường nhất quán ủng hộ tôn trọng pháp quyền, tăng cường đối thoại, xây dựng lòng tin, kiềm chế mọi hành động có thể làm phức tạp tình hình và giải quyết các tranh chấp, tranh chấp một cách hòa bình, dựa trên luật pháp quốc tế và Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc DOC và nỗ lực xây dựng COC.

Những gì ASEAN đã và đang thể hiện thời gian qua khẳng định ASEAN đang ngày càng đoàn kết, phát huy sức mạnh tập thể ứng phó với các thách thức, trong đó có vấn đề Biển Đông.



### **2.1.2 Chính sách về Biển Đông của một số nước ASEAN**

Trong việc gắn kết Trung Quốc với việc duy trì tình hình an ninh khu vực biển Đông ASEAN đang đóng vai trò chủ chốt, đặc biệt được chú trọng là các hình thức thực thi DOC và những nỗ lực, cố gắng mới trong việc thúc đẩy soạn thảo Bộ Quy tắc Ứng xử COC. Trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 50 ngày 6/8/2017 (AMM-50) tại Manila, Philippines, Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN và Trung Quốc chính thức thông qua dự thảo khung Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC), sau gần 4 năm bắt đầu khởi động đàm phán. Đến tháng 3/2018, ASEAN và Trung Quốc đã chính thức khởi động đàm phán về Bộ Quy tắc Ứng xử ở Biển Đông (COC) .

ASEAN dưới tư cách là một tổ chức lớn ở khu vực đã luôn thể hiện rõ lập trường không đứng về bên nào, phe nào. ASEAN không ủng hộ bất kỳ yêu sách chủ quyền nào ở Biển Đông. ASEAN luôn nhấn mạnh cần các bên liên quan giải quyết tranh chấp một cách hòa bình, không đe dọa hay sử dụng vũ lực trong khuôn khổ pháp luật quốc tế, đặc biệt là UNCLOS. Tuy nhiên, ASEAN phải đối mặt với một nghịch lý trong vấn đề Biển Đông: phải cân bằng giữa lợi ích an ninh và lợi ích kinh tế của khối trong quan hệ với Trung Quốc. ASEAN quan tâm đến cả hai nhóm lợi ích này. Khối này phải giải quyết xung đột vì lợi ích của toàn khối cũng như của mỗi nước thành viên. Những năm gần đây, ASEAN đã chứng kiến sự điều chỉnh trong chiến lược Biển Đông của một số nước thành viên nhằm giải quyết tranh chấp chủ quyền với Trung Quốc, đặc biệt khi nước này tăng cường xây dựng và quân sự hóa các đảo nhân tạo.

Trong số các nước ASEAN, Philippines và Indonesia là hai nước có nhiều vai trò quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ và gìn giữ hòa bình, hợp tác phát triển ở Biển Đông do vị trí địa lý chiến lược và nhiều vấn đề tranh chấp xảy ra.

### **Philippines và các chính sách**

Trước năm 1996 (dưới thời Tổng thống Benigno Aquino III), Philippines tập trung vào liên minh với Mỹ nhằm hạn chế ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc ở khu vực Biển Đông. Trong khi đó, Philippines đệ đơn kiện Trung Quốc vi phạm lợi ích của Philippines ở Biển Đông tại PCA. Sau khi ông R. Duterte đắc cử tổng thống nhiệm kỳ 2016-2022, chính sách Biển Đông của Phi-lip-pines đã có sự điều chỉnh cả về mục tiêu, ưu tiên và biện pháp nhằm tạm gác các yêu cầu về chủ quyền ở khu vực ven biển Scarborough để đổi lấy lợi ích lớn hơn .

Ông tỏ ra chấp nhận sự kiểm soát hiệu quả của Trung Quốc đối với Scarborough, thay vào đó, ngư dân Philippines được phép ra vào đánh cá bình thường ở khu vực. Tổng thống Duterte cho rằng việc giảm căng thẳng với Trung Quốc ở Biển Đông sẽ tạo ra các cơ hội hợp tác tốt hơn và giảm bớt các mối đe dọa từ bên ngoài, từ đó tạo điều kiện cho Phi-lip-pines tập trung giải quyết các vấn đề trong nước như chống tội phạm liên quan đến ma túy, tham nhũng và tập trung phát triển kinh tế. Thêm nữa trong chuyến thăm của Tổng thống Phi-lip-pines tới Bắc Kinh từ ngày 18 đến ngày 21 tháng 10 năm 2016, Trung Quốc đã cam kết cấp tín dụng 9 tỷ USD và ký các thỏa thuận hợp tác khác trị giá 15 tỷ USD. Trong khi tiếp tục thảo luận các biện pháp xây dựng lòng tin, cả hai bên cam kết "tham vấn song phương" để giải quyết tranh chấp thông qua tham vấn và đàm phán song phương. Ngay sau đó, Tổng thống R. Duterte làm rõ việc giải quyết tranh chấp Biển Đông với Trung Quốc là vấn đề song phương và không đề cập đến phán quyết của PCA tại bất kỳ diễn đàn quốc tế nào, kể cả ASEAN. .

Trong chuyến thăm Trung Quốc ngay sau khi đắc cử, ông R. Duterte đã công khai chỉ trích chính quyền Mỹ của Tổng thống Obama, đe dọa hạ giảm quan hệ và ngưng tham gia tập trận, tuần tra chung với Mỹ. Ông Duterte thậm chí còn tuyên bố sẽ “tách” khỏi Mỹ và hợp tác với Trung Quốc, Nga... Điều này có nghĩa là Tổng thống Philippines Duterte muốn dựa vào Trung Quốc để cải thiện nền kinh tế nước này. Điều

này cũng phù hợp với lợi ích quốc gia của Trung Quốc nên lãnh đạo Trung Quốc nhiệt tình hoan nghênh Tổng thống R. Duterte. . Có nhiều nguyên nhân khiến Tổng thống Duterte điều chỉnh chiến lược, trước hết là ưu tiên lợi ích quốc gia, dân tộc trong mọi hoạt động chính sách đối ngoại; cải thiện quan hệ với Trung Quốc để thúc đẩy phát triển kinh tế; Đồng thời, ông cho rằng quyết định của tòa trọng tài PCA là một con bài mặc cả với Trung Quốc. Hơn nữa, người ta cũng thấy rằng niềm tin của Philippines vào Mỹ đã giảm sút đáng kể trong thời gian gần đây và chủ nghĩa dân túy đang gia tăng ở nước này.

Sự điều chỉnh chính sách Biển Đông của Tổng thống Duterte dẫn đến các tác động đối với khu vực và cục diện Biển Đông như:

*Thứ nhất:* “Nếu quan hệ Trung Quốc-Philippines chuyển từ đối đầu sang đối thoại song phương, nó có thể tạo ra hiệu ứng domino trong khu vực. Những mối quan hệ mở rộng này sẽ làm chuyển dịch những chuyển biến địa chính trị trong khu vực theo hướng có lợi cho Trung Quốc và đảo ngược xu hướng từ đa phương sang đàm phán, đàm phán và giải quyết tranh chấp chủ quyền biển ở Biển Đông từ đa phương sang song phương. Trung Quốc đang dần dần chiếm ưu thế trở lại trong vấn đề Biển Đông, càng làm tăng thêm khó khăn của Mỹ trong việc can dự vào khu vực.”

*Thứ hai:* “Những điều chỉnh chính trị ở Philippines đang buộc các nước như Mỹ, Nhật Bản, Australia phải xem xét lại khả năng kiềm chế Trung Quốc ở khu Biển Đông..”

*Thứ ba:* “Liên quan đến vấn đề Biển Đông trong ASEAN, dự kiến sẽ có nhiều ý kiến khác nhau do tất cả các nước thành viên chưa thể đạt được thỏa thuận về những nguyên tắc hoạt động cơ bản của ASEAN. Điều này cho thấy những điều chỉnh của Tổng thống Durtheter đối với chính sách Biển Baltic đang có tác động không nhỏ đến các nước trong khu vực và trên thế giới. Đặc biệt, đối với Việt Nam, một nước thành viên ASEAN đang có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc ở Biển Đông, chính sách

hợp tác, đối thoại song phương với Trung Quốc sẽ giúp Việt Nam thực thi chính sách quốc tế và việc khẳng định chủ quyền quốc gia đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa sẽ gặp khó khăn

### **Indonesia và các chính sách**

Indonesia là quốc gia rất coi trọng biển, coi đây là nền tảng trung tâm trong chính sách phát triển đất nước. Indonesia có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để vươn ra biển, nhưng để thành công, Indonesia phải quan tâm hơn đến đối ngoại, ứng phó hài hòa các thách thức của Biển Đông.

Tháng 11/2014 tại Hội nghị cấp cao Đông Á ở Naypidaw, My-an-mar, Tổng thống Widodo đã tuyên bố tầm nhìn phát triển của đất nước với học thuyết gọi là “Học thuyết Trục biển toàn cầu”, trong đó biển được coi là hướng mở rộng chính. Mục tiêu trung tâm của Học thuyết Trục biển toàn cầu là tối ưu hóa các nguồn lực và lợi thế sẵn có về biển của Indonesia để phát triển Indonesia thành một quốc gia biển giữa Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương. Học thuyết xác định 5 trụ cột chính gồm “(1) xây dựng văn hóa biển, (2) quản lý tài nguyên; (3) phát triển cơ sở hạ tầng và kết nối biển; (4) ngoại giao biển; và (5) phát triển hải quân.” Tuy nhiên, Trục biển toàn cầu này không nêu chi tiết các biện pháp triển khai cụ thể mà chỉ đề ra các nguyên tắc chung chung. Sau hơn hai năm trôi qua kể từ khi Trục biển Toàn cầu được công bố, các bộ và chính quyền địa phương của Indonesia đã diễn giải và thực hiện nó theo cách khác. Để giải quyết nút thắt này, Tổng thống Widodo đã ban hành Nghị định của Tổng thống số 6/2017 về Chính sách Đại dương biển vào tháng 2 năm 2017, nêu chi tiết các mục tiêu, nguyên tắc, biện pháp và kế hoạch hành động để thực hiện Trục biển Toàn cầu. Chính sách biển của Indonesia nêu chi tiết các mục tiêu, nguyên tắc, biện pháp và kế hoạch hành động để triển khai Trục biển toàn cầu:

Về mục tiêu, Indonesia xác định "phấn đấu trở thành một quốc gia biển mạnh, phát triển, đảm bảo chủ quyền và độc lập, đóng góp tích cực cho hòa bình và an ninh ở

khu vực và trên thế giới phù hợp với lợi ích quốc gia của Indonesia" là chính sách biển của mình, Cụ thể như sau:

Chính sách biển của Indonesia mong muốn đạt được các mục đích: “(1) quản lý tối ưu và phát triển bền vững tài nguyên biển, (2) phát triển chất lượng nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ biển, (3) phát triển lực lượng an ninh quốc phòng biển mạnh, (4) tăng cường chủ quyền, luật pháp và an toàn trên biển, (5) quản trị đại dương tốt, (6) đảm bảo phúc lợi xã hội công bằng cho người dân ở khu vực ven biển và các đảo nhỏ, (7) gia tăng sức cạnh tranh và tăng trưởng của kinh tế và các ngành công nghiệp gắn với biển, (8) xây dựng cơ sở hạ tầng biển chắc chắn, (9) lên kế hoạch quản lý không gian biển, (10) bảo vệ môi trường biển, (11) ngoại giao biển, và (12) xây dựng bản sắc văn hóa biển .”

Về các nguyên tắc triển khai, Indonesia tập chung “(1) tăng cường nhận thức coi Indonesia là quốc gia quần đảo thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, (2) phát triển bền vững, khai thác tài nguyên sinh vật không vượt quá khả năng tái tạo và phục hồi, khai thác tài nguyên phi sinh vật không vượt quá khả năng phát triển của các tài nguyên thay thế, mức độ khai thác hiện tại không vượt quá nhu cầu sử dụng trong tương lai, dự liệu các tác động tiêu cực có thể xảy đến trong quá trình khai thác tài nguyên, (3) phát triển kinh tế xanh: phát triển kinh tế biển đi đôi với bảo vệ môi trường, (4) quản lý thống nhất và minh bạch, quản lý trong một hệ thống đồng nhất, xây dựng các quy định rõ ràng và minh bạch, cung cấp đầy đủ thông tin để người dân hiểu, (5) khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình lên kế hoạch, quyết định, triển khai, giám sát, kiểm soát, tiếp cận thông tin và sử dụng tài nguyên, (6) tạo sự bình đẳng và công bằng: mọi cá nhân, nhóm và tầng lớp dân cư từ các vùng miền và tôn giáo khác nhau đều được đối xử bình đẳng, cùng có lợi, tăng cường kết nối giữa các trung tâm kinh tế với các vùng miền, phát triển các dự án ở các đảo ngoài xa, ưu tiên cải thiện phúc lợi cho nhóm thu nhập thấp, đặc biệt là ngư dân .”

Về biện pháp triển khai, Có 76 biện pháp để phân chia tập trung vào 7 trụ cột chính: “(1) quản lý tài nguyên biển và phát triển nguồn nhân lực, (2) tăng cường quốc phòng an ninh từ biển, chấp pháp và an toàn trên biển, (3) quản trị đại dương, (4) phát triển kinh tế biển, cơ sở hạ tầng và phồn vinh cho người dân, (5) quản lý không gian biển và bảo vệ môi trường biển, (6) xây dựng văn hóa biển, (7) xây dựng ngoại giao biển.”

Chính sách biển cũng đưa ra kế hoạch hành động 5 năm cho nhiệm kỳ tổng thống 2016-2019, trong đó liệt kê 425 hành động được chia thành 5 nhóm ưu tiên, bao gồm: “(1) Biên giới biển, không gian biển và ngoại giao biển do Bộ Ngoại giao, Quân đội, Bộ các vấn đề biển và nghề cá và Bộ Thông tin chủ trì thực hiện, (2) Công nghiệp biển và kết nối do Bộ Công nghiệp, Bộ Giao thông, Bộ Việc làm và nhà ở, Cơ quan tìm kiếm cứu nạn chủ trì, (3) Dịch vụ, tài nguyên biển và quản lý môi trường biển do Bộ các vấn đề biển và nghề cá, Bộ Năng lượng và khoáng sản, Bộ Công nghiệp, Bộ Môi trường và rừng chủ trì, (4) quốc phòng và an ninh biển do Quân đội, Bộ Quốc phòng, Cơ quan an ninh biển, Bộ Các vấn đề biển và nghề cá chủ trì, (5) văn hóa biển do Bộ Các vấn đề biển và nghề cá, Bộ Giao thông, Bộ Nghiên cứu khoa học và giáo dục, và Bộ Nhân lực chủ trì thực hiện. Nhìn tổng thể, hầu hết các hoạt động mà văn kiện phác thảo tập trung vào nội bộ hơn là hướng ngoại .”

Từ đó, thấy rằng Indonesia đã xây dựng được các chiến lược, chính sách và kế hoạch hành động chi tiết và cụ thể để đạt được mục tiêu trở thành một cường quốc hàng hải trong khu vực biển Đông và Châu Á – Thái Bình Dương.

### **Việt Nam và các chính sách**

Chính sách của Việt Nam ở Biển Đông là tôn trọng đầy đủ và tích cực thực hiện luật pháp quốc tế, đặc biệt là các quy định của Công ước Liên hợp quốc và Luật Biển, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, tuân thủ các quy định của pháp luật. Công ước Liên Hợp

Quốc về Luật Biển nhằm mục đích thúc đẩy hợp tác hàng hải dựa trên các nguyên tắc, Việt Nam rất coi trọng việc sử dụng và bảo tồn bền vững đại dương và tài nguyên biển.

Chính sách nhất quán của Việt Nam trong giải quyết tranh chấp ở Biển Đông dựa trên sự hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau và thông qua các biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982. Các vấn đề liên quan đến Việt Nam và các nước khác sẽ được giải quyết song phương. Các vấn đề liên quan đến nhiều quốc gia, nhiều bên và liên quan đến tự do, an ninh trên biển cần được các bên liên quan thảo luận. Nếu các bên không giải quyết được vấn đề thông qua đàm phán thì phải giải quyết bằng các phương thức khác như hòa giải, trọng tài, cơ chế trọng tài quốc tế. Trong khi chờ đợi giải pháp cơ bản và lâu dài cho vấn đề Biển Đông, các bên liên quan phải nghiêm túc thực hiện Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC). Luôn nỗ lực duy trì hòa bình và ổn định trên cơ sở duy trì hiện trạng, không làm phức tạp tình hình, không sử dụng các biện pháp bạo lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực.

Việt Nam không phản đối đề xuất của Trung Quốc “gác tranh chấp và cùng khai thác”. Tuy nhiên, Việt Nam không chấp nhận yêu sách “đường chín đoạn” không công bằng của Trung Quốc, trong đó thiết lập vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam chồng lấn với thềm lục địa. Việt Nam tái khẳng định sẽ tiếp tục khai thác và bảo vệ lợi ích kinh tế trong vùng đặc quyền kinh tế, trong đó có hoạt động của các công ty dầu khí. Đồng thời, sẵn sàng hoan nghênh và cam kết tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty nước ngoài có năng lực, kinh nghiệm thực tế hợp tác thăm dò, phát triển tài nguyên dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam.

Đối với các vấn đề nhìn từ góc độ, mục đích đảm bảo hòa bình, an ninh, an toàn hàng hải, ổn định khu vực thì Việt Nam luôn sẵn sàng hoan nghênh và sẵn sàng hỗ trợ thực hiện. Tôn trọng quyền của các quốc gia ven biển đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa phù hợp với luật pháp quốc tế, hỗ trợ các bên giải quyết tranh chấp

bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp và thực tiễn quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982. Thực hiện đầy đủ DOC và khuyến khích các Bên xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử (COC) ở Biển Đông.

Là một thành viên tích cực và có trách nhiệm trong ASEAN và cộng đồng quốc tế, Việt Nam đã, đang nỗ lực cùng các thành viên ASEAN và Trung Quốc thúc đẩy việc bàn thảo, nhằm sớm đạt được COC, góp phần duy trì hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển ở Biển Đông và trên toàn thế giới.

## **2.2. Cơ chế và sáng kiến của các nước ASEAN trong vấn đề Biển Đông**

ASEAN đã và đang tạo ra các cơ chế thúc đẩy liên kết nội khối và đang triển khai cộng đồng ASEAN điển hình như

### *Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)*

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community - AEC) là một trong ba trụ cột chính của ASEAN, cùng với Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN. AEC được thành lập nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế trong khu vực, tạo ra một thị trường và cơ sở sản xuất chung, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế của ASEAN trên toàn cầu.

AEC tập trung vào việc xây dựng một thị trường và cơ sở sản xuất chung, giúp tự do hóa thương mại, dịch vụ, đầu tư và di chuyển lao động. Từ đó mà tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao tính cạnh tranh của các ngành công nghiệp trong khu vực.

Các thỏa thuận thương mại nội khối, chẳng hạn như Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN (AFTA) và các hiệp định song phương, đã giúp giảm bớt các rào cản thương mại và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Qua đó thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế giữa các quốc gia thành viên ASEAN, đặc biệt là giữa các nước kém phát triển



và các nước phát triển trong khu vực. Thúc đẩy các chương trình hợp tác và hỗ trợ kinh tế giữa các nước thành viên để đạt được sự phát triển bền vững và đồng đều.

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) là một bước tiến quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế của khu vực Đông Nam Á. AEC không chỉ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ASEAN trên trường quốc tế mà còn tạo ra cơ hội phát triển kinh tế đồng đều và bền vững cho tất cả các nước thành viên. Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu đề ra, ASEAN cần tiếp tục thúc đẩy hợp tác, cải thiện môi trường kinh doanh và tăng cường phát triển nguồn nhân lực trong khu vực. Nhờ đó mà ASEAN đã trở thành điểm đến hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài nhờ vào môi trường kinh doanh cải thiện và các chính sách khuyến khích đầu tư. Các chương trình hợp tác kinh tế, như Quỹ Hợp tác ASEAN, đã hỗ trợ phát triển hạ tầng và nâng cao năng lực kinh tế của các quốc gia thành viên.

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hội nhập kinh tế trong khu vực Đông Nam Á. Với các mục tiêu rõ ràng và các thành tựu đáng kể, AEC không chỉ góp phần vào sự phát triển kinh tế của từng quốc gia thành viên mà còn nâng cao vị thế cạnh tranh của toàn khu vực trên trường quốc tế. Tuy nhiên, để tận dụng hết các cơ hội và vượt qua các thách thức, ASEAN cần tiếp tục cải thiện thể chế, chính sách và tăng cường hợp tác kinh tế nội khối và quốc tế.

#### *Cộng đồng an ninh - chính trị ASEAN (APSC)*

Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) là một trong ba trụ cột chính của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), cùng với Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC). APSC được thành lập nhằm xây dựng một khu vực Đông Nam Á hòa bình, an ninh và ổn định, góp phần thúc đẩy sự thịnh vượng và phát triển bền vững cho tất cả các quốc gia thành viên.

APSC với mục tiêu là duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực thông qua các cơ chế hợp tác an ninh, đối thoại. APSC cam kết tạo dựng một môi trường hòa bình và

ổn định trong khu vực thông qua việc thúc đẩy hợp tác an ninh, đối thoại và xây dựng lòng tin giữa các quốc gia thành viên. Thông qua việc thiết lập các cơ chế hợp tác an ninh hiệu quả nhằm để đối phó với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, bao gồm khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng và an ninh biển.

ASEAN cũng tiên hành thiết lập các cơ chế đối thoại và hợp tác để xây dựng lòng tin và giải quyết các vấn đề an ninh khu vực thông qua các diễn đàn như Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM) và Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM-Plus). Các sáng kiến như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM) và Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS) tạo ra diễn đàn cho các cuộc đối thoại an ninh đa phương. Thúc đẩy việc giải quyết tranh chấp một cách hòa bình và tuân thủ luật pháp quốc tế. Thúc đẩy sự tham gia của các đối tác đối thoại và các tổ chức quốc tế trong việc duy trì hòa bình và an ninh khu vực.

Có thể thấy rằng APSC đã đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết một số tranh chấp và xung đột trong khu vực, thông qua các biện pháp hòa bình và đối thoại. Thúc đẩy các nỗ lực xây dựng hòa bình và tái thiết sau xung đột ở các quốc gia thành viên như Cam-pu-chia, My-an-mar và Timor-Leste. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một khu vực Đông Nam Á hòa bình, an ninh và ổn định. Với các mục tiêu rõ ràng và những thành tựu đáng kể, APSC không chỉ góp phần vào sự phát triển bền vững của các quốc gia thành viên mà còn nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế. Tuy nhiên, để đối mặt với các thách thức và tận dụng các cơ hội, ASEAN cần tiếp tục cải thiện các cơ chế hợp tác an ninh, thúc đẩy đối thoại và xây dựng lòng tin, đồng thời tôn trọng quyền con người và pháp quyền trong khu vực.

### *Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN (ASCC)*

Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) là một trong ba trụ cột chính của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), cùng với Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) và Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). ASCC tập trung vào việc xây dựng một khu vực ASEAN đoàn kết và gắn kết thông qua các sáng kiến xã hội, văn hóa và môi trường, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực.

ASCC hướng tới việc xây dựng một cộng đồng xã hội đoàn kết và hòa hợp, tập trung vào các vấn đề như bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội cho tất cả các quốc gia thành viên. ASCC chú trọng vào việc xây dựng các cộng đồng bền vững và phục hồi, với khả năng ứng phó tốt hơn trước các thảm họa và khủng hoảng. Thúc đẩy an ninh lương thực, giảm nghèo và phát triển nông thôn. ASCC đã thúc đẩy các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, bao gồm việc công nhận và bảo vệ các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trong khu vực. Tổ chức nhiều sự kiện giao lưu văn hóa, nghệ thuật và thể thao để tăng cường sự hiểu biết và gắn kết giữa các quốc gia thành viên.

Thúc đẩy học tập suốt đời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng và nâng cao phúc lợi xã hội cho người dân. Các chương trình hợp tác giáo dục, y tế công cộng và văn hóa đã giúp thúc đẩy sự gắn kết xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực. Một trong những yếu tố tạo nên thành công của các cơ chế hợp tác trong ASEAN là đề cao cách tiếp cận giải quyết vấn đề một cách tiệm tiến. Đó là cách tiếp cận từ không chính thức đến chính thức, linh hoạt và thỏa hiệp để bảo đảm sự thống nhất trong đa dạng, phù hợp với hoàn cảnh, khả năng và trình độ phát triển cũng như lợi ích của các quốc gia thành viên.

Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) đã đóng góp quan trọng vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực, thông qua các chương

trình và sáng kiến phát triển con người, bảo vệ môi trường, và bảo tồn văn hóa. Dù còn nhiều thách thức, nhưng với các mục tiêu rõ ràng và sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia thành viên, ASCC sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình trong việc xây dựng một khu vực ASEAN đoàn kết, gắn kết và phát triển bền vững.

Để không ngừng phát triển và tăng cường hợp tác cũng như song song đó giữ gìn an ninh Biển Đông, ASEAN đã có những tuyên bố, đường lối, sáng kiến quan trọng được kí kết mang lại hiệu quả cũng như đóng góp quan trọng trong việc giữ hòa bình khu vực như:

***Tuyên bố về xử lý các bên ở Biển Đông (DOC):*** Tuyên bố về xử lý các bên ở Biển Đông (DOC) là một thỏa thuận giữa ASEAN và Trung Quốc, được ký kết vào ngày 4 tháng 11 năm 2002. Đây là một tài liệu quan trọng nhằm thúc đẩy hòa bình, ổn định và hợp tác trong khu vực Biển Đông. DOC không phải là một hiệp định pháp lý ràng buộc, mà là một cam kết chính thức giữa các bên để tôn trọng và thực hiện các nguyên tắc và quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) và các quy tắc quốc tế khác. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) bao gồm một loạt các cam kết và nguyên tắc hành vi được thỏa thuận giữa ASEAN và Trung Quốc gồm có:

- Thúc đẩy hòa bình và ổn định: Các bên cam kết hành động theo đúng tinh thần của hòa bình, hữu nghị và hợp tác, không thực hiện hoạt động gây căng thẳng, không răn đe bằng việc sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, và không làm nổ ra xung đột.
- Tôn trọng tự chủ và tự quyết của các quốc gia: Các bên cam kết tôn trọng sự tự chủ và tự quyết của mình trong việc giải quyết tranh chấp, và không can thiệp vào quyết định của các bên khác.
- Thúc đẩy hợp tác và giải quyết bất đồng: Các bên cam kết tìm kiếm các giải pháp thông qua thương lượng và đàm phán, tuân thủ các nguyên tắc của quốc tế trong

giải quyết tranh chấp và không thực hiện hành động đơn phương gây mất ổn định, thúc đẩy hợp tác xây dựng, trong đó bao gồm cả hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật, và hợp tác trong môi trường.

- Tôn trọng luật pháp quốc tế: Các bên cam kết tuân thủ các quy định của Luật Biển của Liên Hợp Quốc (UNCLOS) và các quy định quốc tế khác liên quan đến việc sử dụng và quản lý các tài nguyên biển.

- Thúc đẩy hợp tác và xây dựng lòng tin: Các bên cam kết thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực như thương mại, kinh tế, khoa học và công nghệ, và xây dựng lòng tin thông qua giao tiếp và hợp tác xã hội.

DOC là một bước quan trọng trong việc xây dựng một môi trường ổn định và hòa bình trong khu vực Biển Đông, tuy nhiên, việc thực hiện đầy đủ và hiệu quả của nó vẫn đang đối diện với một số thách thức và hạn chế do vẫn còn nhiều bất đồng về quan điểm và lợi ích đan xen.

Tuyên bố kỷ niệm 10 năm về việc xử lý các bên ở Biển Đông (DOC) được ký kết vào năm 2012 là một bước quan trọng nhằm tái khẳng định cam kết của ASEAN và Trung Quốc đối với hòa bình, ổn định và tin cậy trong khu vực Biển Đông. Tuyên bố này nhấn mạnh sự quan trọng của DOC trong việc thúc đẩy hòa bình và hợp tác, đồng thời cam kết thực hiện các nguyên tắc và cam kết đã được đưa ra trong DOC. Bằng việc kỷ niệm 10 năm DOC, ASEAN và Trung Quốc mong muốn tăng cường thêm sự hiểu biết và tuân thủ đầy đủ hơn các nguyên tắc và cam kết trong DOC. Điều này cũng thể hiện sự cam kết của cả hai bên đối với việc giải quyết các tranh chấp và bất đồng thông qua thương lượng, tuân thủ luật pháp quốc tế và tôn trọng các quyền tự chủ và tự quyết của các quốc gia trong khu vực.

Đến 2020 Việt Nam, với cương vị trong vai trò là Chủ tịch ASEAN về kế hoạch tổ chức các Hội nghị cấp Bộ trưởng và cấp cao giữa ASEAN và Trung Quốc thay mặt các nước ASEAN trình bày về các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống

nổi lên trong khu vực, Thứ trưởng Nguyễn Quốc Dũng nhấn mạnh ASEAN đã triển khai cách tiếp cận an ninh toàn diện trong bối cảnh khu vực đang có nhiều diễn biến phức tạp đan xen do nhiều thách thức đang nổi lên. Theo đó, Thứ trưởng nhấn mạnh: “Việc thúc đẩy cách tiếp cận an ninh toàn diện của ASEAN là một bước quan trọng trong bối cảnh khu vực đang đối mặt với nhiều thách thức và diễn biến phức tạp. Điều này cho thấy sự nhận thức của ASEAN về tầm quan trọng của việc đối mặt và xử lý một cách toàn diện các vấn đề an ninh, từ an ninh truyền thống đến an ninh phi truyền thống như an ninh kinh tế, an ninh thực phẩm, an ninh môi trường và an ninh thông tin. Việc triển khai cách tiếp cận này không chỉ giúp ASEAN nắm bắt được các thách thức an ninh hiện đại mà còn giúp củng cố khả năng phản ứng và ứng phó đa dạng của khu vực trước các vấn đề mới nổi lên. Đồng thời, việc tăng cường hợp tác trong lĩnh vực an ninh toàn diện cũng giúp củng cố sự đoàn kết và tăng cường vai trò của ASEAN. Thứ trưởng khẳng định ASEAN tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Trung Quốc triển khai đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về Ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và phấn đấu xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Luật Biển của Liên Hợp Quốc năm 1982”<sup>4</sup>.

***Khung chương trình giải quyết tranh chấp Biển Đông (COC):*** Hiện nay, ASEAN và Trung Quốc đang tiến hành đàm phán về COC. COC dự kiến sẽ là một tài liệu pháp lý giúp quản lý và giải quyết tranh chấp trên Biển Đông. Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông tên tiếng Anh là Code of Conduct, viết tắt là COC. Khung chương trình giải quyết tranh chấp Biển Đông (COC) là một bước quan trọng trong việc tạo ra một khuôn khổ pháp lý và những nguyên tắc cơ bản để điều tiết hành vi của các quốc gia trong khu vực Biển Đông.

Mục tiêu chung: COC nhấn mạnh vào việc tạo ra một môi trường ổn định, hòa bình và hợp tác trong khu vực Biển Đông, tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công

---

<sup>4</sup>Mạnh Hùng, ASEAN - Trung Quốc cam kết thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Tuyên bố DOC, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 02/07/2020, [www.https://dangcongsan.vn](https://dangcongsan.vn), truy cập 09/03/2024.

ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982. COC nhằm mục đích xây dựng một cơ sở pháp lý chung để điều tiết hành vi của các quốc gia trong khu vực, giúp giải quyết tranh chấp một cách hòa bình và công bằng, đồng thời tạo điều kiện cho việc hợp tác và phát triển bền vững.

Các nguyên tắc căn bản: COC đề cập đến các nguyên tắc như tôn trọng chủ quyền và lãnh thổ của các quốc gia, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, tuân thủ nguyên tắc của UNCLOS, và hòa giải tranh chấp theo cách hòa bình và một cách công bằng. COC cấm mọi hành động sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong giải quyết tranh chấp ở Biển Đông, nhằm bảo đảm rằng mọi mâu thuẫn và xung đột được giải quyết một cách hòa bình và theo cách hợp pháp. Bên cạnh đó là yêu cầu các quốc gia liên quan tuân thủ các nguyên tắc và quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982 và các quy định khác của luật pháp quốc tế liên quan đến Biển Đông. Đồng thời khuyến khích sự hợp tác và giải quyết mâu thuẫn thông qua các cơ chế quốc tế như đàm phán, trọng tài hoặc các cơ quan quốc tế có thẩm quyền, nhằm đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong quá trình giải quyết tranh chấp, khuyến khích các biện pháp hợp tác và phát triển bền vững trong lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội.

Quy trình thực thi và giám sát: COC xác định các cơ chế để thực thi và giám sát việc thực hiện các điều khoản của nó, bao gồm cơ chế giải quyết tranh chấp, thông tin và tín dụng, cũng như các biện pháp phòng ngừa và giải quyết mâu thuẫn.

Động thái xây dựng lòng tin: COC cũng đề cập đến việc xây dựng lòng tin và tạo ra một môi trường tin cậy thông qua việc tăng cường giao tiếp, trao đổi thông tin, và tạo ra các cơ chế tương tác đa phương giữa các quốc gia. Động thái xây dựng lòng tin trong Khung chương trình giải quyết tranh chấp Biển Đông (COC) đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra một môi trường ổn định và hòa bình. COC khuyến khích các quốc gia có liên quan tăng cường giao tiếp và tin cậy với nhau thông qua các cuộc

đàm phán, hội đàm và trao đổi thông tin định kỳ. Việc này giúp giảm bớt hiểu lầm và tăng cường lòng tin giữa các bên. Khuyến khích sự hợp tác và phát triển bền vững giữa các quốc gia có liên quan trong các lĩnh vực như kinh tế, môi trường, an ninh và xã hội. Việc tạo ra các dự án hợp tác và trao đổi kỹ thuật giữa các quốc gia sẽ tạo ra cơ hội mới để xây dựng lòng tin.

Cơ chế thẩm định và sửa đổi: COC có cơ chế để thẩm định và sửa đổi theo thời gian, nhằm đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả của nó trong việc giải quyết tranh chấp và duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực Biển Đông.

**Hợp tác với các đối tác quốc tế:** Hợp tác với các đối tác quốc tế là một phần quan trọng của chiến lược của ASEAN trong việc giải quyết các vấn đề an ninh và phát triển khu vực. Do đó mà ASEAN đã hợp tác với các đối tác quốc tế như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Ấn Độ để thúc đẩy an ninh hàng hải và giải quyết vấn đề Biển Đông cụ thể như sau:

**Hợp tác kinh tế:** ASEAN thường hợp tác với các đối tác quốc tế trong các mối quan hệ thương mại và đầu tư. Các Hiệp định Thương mại và Đầu tư (FTAs) giữa ASEAN và các đối tác như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Úc giúp tăng cường quan hệ kinh tế và thúc đẩy phát triển kinh tế trong khu vực. ASEAN hợp tác với các đối tác quốc tế trong việc phát triển chuỗi cung ứng và sản xuất chung. Điều này giúp tăng cường cạnh tranh và tối ưu hóa hiệu quả sản xuất và phân phối hàng hóa. Phát huy về lợi thế tiềm năng phát triển du lịch tăng nguồn lợi to lớn cho kinh tế nhờ vào việc ASEAN hợp tác với các đối tác quốc tế để quảng bá du lịch và phát triển ngành dịch vụ trong khu vực. Việc này giúp tăng cường thu hút du khách và tạo ra nguồn thu nhập mới cho các quốc gia thành viên ASEAN.

**Hợp tác an ninh:** ASEAN thường hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh để đối phó với các thách thức an ninh cùng nhau. Các biện pháp hợp tác có thể bao gồm trao đổi thông tin tình báo, huấn luyện quân sự và cùng tham gia vào các cuộc



tập trận và hoạt động an ninh. ASEAN hợp tác với các quốc gia và tổ chức quân sự quốc tế trong việc tổ chức các cuộc tập trận chung, trao đổi thông tin tình báo và đào tạo chuyên gia quân sự. Như là hợp tác với các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc và Cơ quan Chống khủng bố Trung ương để phòng chống khủng bố và cực đoan hóa trong khu vực. Các hoạt động bao gồm trao đổi thông tin, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật. Bên cạnh đó ASEAN hợp tác với các tổ chức quốc tế và các quốc gia đối tác trong việc phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, buôn lậu ma túy, buôn người và tội phạm mạng. Điều này giúp tăng cường an ninh và ổn định trong khu vực. Không những vậy mà ASEAN hợp tác với các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc và Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Á (ARF) trong việc giải quyết xung đột và tranh chấp ở khu vực. Điều này bao gồm việc tạo điều kiện cho đối thoại và đàm phán, giúp các bên thực hiện các biện pháp xây dựng hòa bình và giải quyết xung đột theo cách hòa bình và hợp tác.

Hợp tác phát triển: ASEAN hợp tác với các đối tác quốc tế để thúc đẩy phát triển bền vững và giảm nghèo trong khu vực. Các chương trình hợp tác có thể tập trung vào các lĩnh vực như giáo dục, y tế, hạ tầng và phát triển nông thôn.

Hợp tác văn hóa và giáo dục: ASEAN thường hợp tác với các đối tác quốc tế trong việc thúc đẩy hòa bình và sự hiểu biết văn hóa giữa các quốc gia. Các chương trình trao đổi văn hóa, du lịch và giáo dục giúp tăng cường sự hợp tác và giao lưu giữa các dân tộc và quốc gia trong khu vực. Các hoạt động giao lưu văn hóa với các quốc gia và tổ chức quốc tế nhằm tăng cường sự hiểu biết và tôn trọng văn hóa giữa các dân tộc. Các hoạt động này có thể bao gồm triển lãm nghệ thuật, biểu diễn âm nhạc và văn hóa, và trao đổi văn hóa. ASEAN còn hợp tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế trong việc cải thiện chất lượng giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Điều này bao gồm việc trao đổi sinh viên, giáo viên và nhà nghiên cứu, cũng như phát triển các chương trình học tập chung về văn hóa và ngôn ngữ, hợp tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế trong việc khuyến khích học và sử dụng các ngôn ngữ và văn hóa trong

khu vực. Điều này bao gồm việc phát triển chương trình học tiếng ASEAN, tạo điều kiện cho trao đổi văn hóa giữa các quốc gia thành viên, và thúc đẩy sự hiểu biết văn hóa đa dạng.

### **2.3. Vai trò của ASEAN trong việc giải quyết các tranh chấp khu vực.**

ASEAN đã trải qua hơn 40 năm tồn tại và phát triển, và trong thời gian đó, sự hợp tác giữa các quốc gia thành viên đã ngày càng được củng cố và mở rộng. Các nước thành viên đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tăng cường sự đoàn kết và hợp tác trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ kinh tế đến an ninh và văn hóa. Một trong những thành tựu đáng kể của ASEAN là việc tạo ra một môi trường hòa bình và ổn định trong khu vực Đông Nam Á. Các nước thành viên đã chứng tỏ khả năng hòa giải tranh chấp và tìm kiếm giải pháp hòa bình thông qua các cuộc đàm phán và thương lượng. Ngoài ra, ASEAN cũng đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng mạng lưới hợp tác kinh tế trong khu vực. Các thỏa thuận thương mại và các cơ chế hợp tác kinh tế đã được thiết lập nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, ASEAN cũng đã có những đóng góp tích cực trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu, như biến đổi khí hậu, an ninh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh. Trong thời kỳ dịch COVID-19 hoành hành ASEAN đã hợp tác chặt chẽ để phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Các nước thành viên đã chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, cùng nhau xây dựng và triển khai các kế hoạch ứng phó và hỗ trợ nhau trong việc tiêm chủng và kiểm soát dịch bệnh.

ASEAN đã cam kết hỗ trợ nỗ lực toàn cầu nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc thực hiện các kế hoạch hành động quốc gia và khu vực. Các nước thành viên cũng đã tham gia vào các cuộc đàm phán quốc tế về biến đổi khí hậu như Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC) và Thỏa thuận Paris. Sự hoàn thiện và vững mạnh của ASEAN đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao vị thế của khu vực Đông Nam Á

trên trường quốc tế, đồng thời đem lại lợi ích và cơ hội cho tất cả các quốc gia thành viên. Những nỗ lực này của ASEAN không chỉ mang lại lợi ích cho khu vực mà còn góp phần vào sự ổn định và phát triển toàn cầu.

### **2.3.1. Vai trò trung tâm của ASEAN trong mối quan hệ cân bằng quyền lực giữa Mỹ và Trung Quốc**

Đầu tiên, khối ASEAN phải thừa nhận rằng các cường quốc sẽ theo đuổi lợi ích của riêng họ ở khu vực, và vai trò trung tâm của ASEAN sẽ phụ thuộc vào việc thích ứng như thế nào với sự thay đổi địa chính trị. Việc này sẽ quyết định liên kết của khối đối với vấn đề khu vực. Muốn giữ vững hòa bình, phát triển ở Đông Nam Á, ASEAN phải thực sự có tiếng nói chung, nâng cao tinh thần tự lực tự cường, chủ động đảm trách vai trò trung tâm trong cấu trúc quyền lực khu vực. Đồng thời, ASEAN cần tiếp tục phát triển hợp tác toàn diện với các đối tác chiến lược như Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Australia, EU, Anh, Ca-na-da, New Zealand, Hàn Quốc, v.v.. Đặc biệt, ASEAN cần tránh nghiêng quá nhiều về phía Trung Quốc, cũng tránh tình trạng bị túng trong cuộc đua tranh giữa các nước lớn như Mỹ - Trung, trong bối cảnh quan hệ quốc tế cực kì phức tạp.

Vai trò chủ đạo của tổ chức ASEAN có thể được thực hiện trong tiến trình Hợp tác Đông Á, vai trò cân bằng giữa các cường quốc lớn và các quy tắc chuẩn mà nó đã xây dựng. ASEAN đã phát triển quan hệ song phương với các cường quốc theo cơ chế. Đối tác Đối thoại Toàn diện, dẫn đến việc hình thành một số nhóm ASEAN + 1. Cho đến nay, ASEAN đã thiết lập cấu trúc chiến lược chống cân bằng các cường quốc nói chung, với vai trò là “cốt lõi” ASEAN đã có xây dựng các cơ chế hợp lý ASEAN+1 với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia, New Zealand, Liên minh châu Âu, Nga và Mỹ. Ngoài ra, ASEAN đã đàm phán hoặc đang đàm phán với các cường quốc này để thiết lập các thỏa thuận thương mại tự do. Cách nói khách quan mang tính lịch sử, vai trò trung tâm của ASEAN đề cập đến việc làm ASEAN phải là

trung tâm của khu vực châu Á (hoặc châu Á- Thái Bình Dương), đặc biệt là các diễn đàn đa phương ASEAN+3 (APT), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) và Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS). ASEAN là đầu mối liên kết của các diễn đàn giúp cơ chế khu vực rộng lớn hơn dựa vào, như: châu Á- Thái Bình Dương, Đông Á. Ngoài ra, vai trò trung tâm của ASEAN còn hàm ý ASEAN là sự khởi đầu của nhóm khu vực khả thi đầu tiên ở châu Á, nơi diễn ra các cuộc thảo luận mang màu sắc của riêng châu Á, những bộ chuẩn tắc và cơ sở về vùng hợp lệ ở châu Á<sup>5</sup>.

Ngày càng có nhiều áp lực cho ASEAN và các thành viên riêng lẻ trong việc lựa chọn xung quanh vấn đề cạnh tranh địa chính trị của Mỹ với Trung Quốc. Đối với ASEAN, cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc được coi là cân bằng. Thực tế rằng Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN trong khi khu vực đang cảnh giác với sự kết thúc mạnh mẽ của Trung Quốc ở Biển Đông và ASEAN cần Mỹ làm cân bằng sức mạnh với Trung Quốc. Các sự đồng thuận của ASEAN đã đóng góp vai trò như các cơ chế đa phương tiện hiệu quả để gắn kết các lợi ích tăng cường quốc gia trong khu vực. Các nhà lãnh đạo ASEAN thích duy trì mối quan hệ với cả Mỹ và Trung Quốc. Indonesia và Philippines là hai quốc gia không khác nhau nhiều về quan điểm. Hai tổng thống Jokowi và Duterte đều dựa rất nhiều vào Bắc Kinh để được hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng dưới dạng dọc theo mô hình của Sáng kiến Vành đai - Con đường (BRI) của Bắc Kinh. Trung Quốc cũng là đối tác thương mại đầu tiên của cả hai quốc gia này.

Kết quả khảo sát về các quốc gia Đông Nam Á năm 2021 do Viện ISEAS-Yusof Ishak ở Singapore thực hiện, các quốc gia ASEAN nhìn chung có quan điểm thuận lợi đối với Mỹ với hơn 61% số người được hỏi nếu ASEAN buộc phải phải đứng về phía nào. Đồng thời, khảo sát cho thấy khoảng 76% người trả lời trong ASEAN đồng ý rằng Trung Quốc là cường quốc kinh tế có ảnh hưởng lớn nhất ở Đông Nam Á và 7% đối

---

<sup>5</sup> Acharya A. The myth of ASEAN centrality? *Contemporary Southeast Asia* 2017 (39):2, 273-279;.

với Mỹ<sup>6</sup>. Bên cạnh đó các thành viên ASEAN cũng lo lắng về việc trở thành phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc và họ hi vọng Mỹ giữ vai trò bảo vệ an ninh khu vực. Chính vì vậy, tuy không phải tất cả các quốc gia Đông Nam Á đều là đồng minh của Mỹ nhưng họ cần Mỹ duy trì sự ảnh hưởng ở khu vực do chính sách của Trung Quốc hiện tại.

Thực tế cho thấy không phải quốc gia ASEAN nào cũng có thể duy trì được sự cân bằng trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc. Cam-pu-chia là một trường hợp điển hình cho sức hút đầu tư và thương mại từ Trung Quốc. Việc Cam-pu-chia xích lại gần Trung Quốc trong những năm gần đây đã gây khó khăn cho ASEAN. Năm 2012, Cam-pu-chia đơn phương chặn tuyên bố chung của ASEAN liên quan đến biển Đông. Năm 2015, Cam-pu-chia cũng hành động tương tự tại cuộc họp ASEAN - Trung Quốc ở Côn Minh. Với đường lối đó, Cam-pu-chia nhận được rất nhiều đầu tư và viện trợ hào phóng từ Trung Quốc. Cụ thể, khoảng thời gian 1994-2019, đầu tư của Trung Quốc rót vào Cam-pu-chia là khoảng 12,6 tỉ USD, chủ yếu nông nghiệp, khai thác mỏ, cơ sở hạ tầng, đập thủy điện, may mặc. Gần đây, mối lo ngại về việc Cam-pu-chia có thể cho Trung Quốc thuê cảng hải quân Ream cũng tạo ra những biến chuyển mới về cán cân quyền lực trong khu vực.

Mặc dù có các quốc gia Đông Nam Á có sự gắn bó chặt chẽ hơn về mặt thương mại với Trung Quốc, nhưng không phải quốc gia nào cũng ngã về Trung Quốc. Philippines và Thái Lan vẫn còn là đồng minh của Mỹ khi không lực “Hoàng gia Thái là một yếu tố quan trọng trong chiến lược ‘vị trí tiên phong’ của Lầu Năm Góc cũng như sự hiện diện quân sự của Mỹ tại 5 căn cứ ở Philippines<sup>7</sup>.

Trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn gia tăng, việc đảm bảo vai trò trung tâm và lợi ích khu vực cũng như của các nước thành viên ASEAN không phải là nhiệm vụ dễ

<sup>6</sup> Seah S, Hoang TH, Martinus M, Pham TPT. The State of Southeast Asia. [Online]. 2021; Available from: <https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2021/01/TheState-of-SEA-2021-v2.pdf>.

<sup>7</sup> Valencia M. ASEAN being pressed by US military to help contain China. [Online]. 2020; Available from: <https://asiatimes.com/2020/10/asean-being-pressed-by-us-military-to-help-contain-china>

dàng. Điều quan trọng nhất đối với ASEAN trong bối cảnh hiện nay là để đảm bảo vai trò trung tâm của mình, ASEAN cần thay đổi tư duy trong cách nhìn nhận vai trò trung tâm. ASEAN là tổ chức phù hợp nhất để đảm nhận nhiệm vụ đầy thách thức là khuyến khích Trung Quốc và Mỹ cũng như đối tác và đồng minh của họ trong khu vực tham gia vào đối thoại thực chất để xây dựng lòng tin và quản lý sự khác biệt một cách hòa bình như Giáo sư Tommy Koh ở Singapore đã nói: “Điều mong muốn nhất của ASEAN là Mỹ và Trung Quốc chấm dứt đối đầu và học cách làm việc cùng nhau vì sự ổn định và thịnh vượng của khu vực. Trong tương lai, điều này đòi hỏi sự thay đổi tư duy của tất cả các bên”<sup>8</sup>.

Tuy là một tổ chức hợp tác khu vực của các nước đang phát triển và không có đầu tàu kinh tế dẫn dắt, nhưng ASEAN luôn làm tốt vai trò kết nối của mình. ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện cho hợp tác kinh tế và thương mại giữa các quốc gia thành viên. Tổ chức này đã thiết lập các hiệp định thương mại tự do và liên kết với các nền kinh tế khác như Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ, giúp mở cánh cửa cho việc tiếp cận thị trường lớn và tăng cường quan hệ thương mại. Tạo ra một nền tảng cho hợp tác đa phương và đối thoại văn hóa giữa các quốc gia thành viên và các quốc gia khác. Qua các cơ chế như Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) và Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), ASEAN đóng vai trò là cầu nối giữa các quốc gia trong khu vực và các đối tác đối ngoại quan trọng. Ngoài ra, một ASEAN mạnh mẽ, đoàn kết và đồng đều có giá trị hơn đối với tất cả các nước lớn, trong đó có Trung Quốc và Mỹ. Có rất nhiều vấn đề xuyên biên giới trong thế kỷ 21 mà hai siêu cường có thể sử dụng ASEAN để làm cầu nối, đồng thời tạo điều kiện để cùng tồn tại và phát triển như vấn đề biến đổi khí hậu, đại dịch COVID-19 cũng như việc số hóa các luồng đầu tư và

---

<sup>8</sup> Tommy Koh (2021), “Asean needs to stay neutral and united amid US-China tensions”, detailed at: <https://www.straitstimes.com/asia/se-asia/asean-needs-to-stay-neutral-and-united-amid-us-china-tensions-tommy-koh>

thương mại quốc tế cần có vai trò của ASEAN. Khi đó, tính trung tâm của ASEAN sẽ được cả Mỹ và Trung Quốc coi trọng và đảm bảo.

### **2.3.2. Vai trò của ASEAN trong giải quyết các vấn đề an ninh – chính trị**

ASEAN đã chơi một vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề an ninh - chính trị trong khu vực bằng cách tạo ra các cơ chế hợp tác và đối thoại.

Thúc đẩy hòa bình và ổn định: ASEAN đã đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực thông qua các cơ chế như Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) và Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS). Những diễn đàn này cung cấp cơ hội cho các quốc gia trong khu vực và các đối tác quốc tế để thảo luận và giải quyết các mâu thuẫn một cách hòa bình. ARF là cơ chế chính trị và an ninh khu vực, tập hợp các quốc gia trong khu vực và các đối tác quốc tế để thảo luận về các vấn đề an ninh. Qua ARF, ASEAN đã tạo ra một diễn đàn cho các quốc gia để thúc đẩy đối thoại, giải quyết mâu thuẫn và tạo ra các biện pháp hợp tác để duy trì hòa bình và ổn định. Thì APSC là một trong ba cộng đồng trong khung chương trình ASEAN 2025, tập trung vào việc tăng cường an ninh và hòa bình trong khu vực. ASEAN đã thúc đẩy việc tạo ra APSC để xây dựng một khu vực an ninh đáng tin cậy và ổn định. Ngoài ra ASEAN đã hợp tác chặt chẽ với các đối tác quốc tế như Liên minh Châu Âu (EU), Hoa Kỳ và Trung Quốc để thúc đẩy hòa bình và ổn định trong khu vực. Qua các cuộc đối thoại và hợp tác, ASEAN đã tạo ra các cơ hội để giải quyết các mâu thuẫn và xây dựng một khu vực an ninh và hòa bình.

Xây dựng lòng tin và đối thoại: ASEAN đã thúc đẩy các cuộc đối thoại và giao tiếp giữa các quốc gia thành viên và các đối tác quốc tế. Bằng cách tạo ra một môi trường tin cậy và tôn trọng, ASEAN đã giúp giảm bớt căng thẳng và tạo ra sự hiểu biết sâu sắc giữa các bên. Đó là ASEAN thông qua tổ chức các diễn đàn và hội nghị thường xuyên như Hội nghị Cấp cao ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN và các hội nghị cấp cao khác. Những diễn đàn này cung cấp cơ hội cho các quốc gia thành

viên và đối tác quốc tế thảo luận, trao đổi ý kiến và tạo ra một môi trường để xây dựng lòng tin, tăng cường đối thoại và hợp tác thông qua việc tổ chức các cuộc gặp gỡ, hội thảo và cuộc trao đổi định kỳ giữa các quan chức cấp cao của các quốc gia thành viên và các đối tác quốc tế. Điều này giúp tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc xây dựng lòng tin và hiểu biết đối với các vấn đề chung, thúc đẩy đối thoại và giải quyết mâu thuẫn thông qua việc sử dụng cơ chế như ARF (Diễn đàn Khu vực ASEAN về an ninh) và các cơ chế khác. Những nỗ lực này nhằm mục đích tăng cường sự hiểu biết và lòng tin giữa các quốc gia thành viên và đối tác quốc tế.

Giải quyết tranh chấp và mâu thuẫn: ASEAN đã đóng vai trò trung gian trong việc giải quyết các tranh chấp và mâu thuẫn trong khu vực. Các cơ chế như Tuyên bố về xử lý các bên ở Biển Đông (DOC) và Khung chương trình giải quyết tranh chấp Biển Đông (COC) là ví dụ điển hình cho sự nỗ lực của ASEAN trong việc tạo ra một môi trường hòa bình và ổn định. Có thể thấy ASEAN đã thể hiện sự kiên quyết và quyết tâm trong việc đối phó với các thách thức và đe dọa đối với hòa bình, ổn định và an ninh trong khu vực Biển Đông thông qua Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và Khung chương trình giải quyết tranh chấp Biển Đông (COC). Những nguyên tắc này nhằm mục đích giúp duy trì hòa bình, ổn định và an ninh trong khu vực, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển hợp tác và cùng nhau giải quyết các tranh chấp và mâu thuẫn.

Hợp tác đa phương và đối thoại văn hóa: ASEAN đã tạo ra các cơ chế hợp tác đa phương và đối thoại văn hóa để thúc đẩy sự hiểu biết và hòa nhập giữa các quốc gia thành viên và các đối tác quốc tế. Điều này giúp tăng cường lòng tin và hợp tác giữa các bên trong khu vực.

ASEAN đã đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề an ninh - chính trị trong khu vực bằng cách tạo ra các cơ chế hợp tác và đối thoại, thúc đẩy hòa bình, ổn định và sự hiểu biết giữa các quốc gia thành viên và các đối tác quốc tế.



### **2.3.3. Vai trò của ASEAN trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội**

ASEAN đã có vai trò quan trọng trong giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong khu vực bằng cách thúc đẩy hợp tác và đối thoại, xây dựng cơ chế và chương trình chung nhằm đạt được các mục tiêu phát triển và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân. Với mục tiêu là xây dựng tinh thần đoàn kết và liên kết chặt chẽ giữa các nước trong khu vực, Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự đoàn kết và thống nhất giữa các quốc gia và dân tộc trong khu vực ASEAN. Với mục tiêu xây dựng một bản sắc chung và một xã hội đùm bọc, hòa thuận và rộng mở, thúc đẩy sự giao lưu văn hóa và du lịch giữa các quốc gia thành viên, tạo điều kiện cho việc hiểu biết và tôn trọng văn hóa, truyền thống và lịch sử của nhau. Điều này góp phần vào việc xây dựng lòng tin và thống nhất trong khu vực. Bên cạnh đó là các hoạt động phát triển xã hội, bao gồm các chương trình giúp đỡ người nghèo và bảo vệ quyền lợi của người dân, đặc biệt là những người dân trong các khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa, đề cao việc bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em, đồng thời thúc đẩy sự bình đẳng giới trong xã hội. Để đảm bảo lợi ích kinh tế, ASEAN tăng cường hợp tác với các đối tác kinh tế lớn trên toàn cầu. Việc ASEAN ký kết nhiều FTA với các nền kinh tế và các đối tác, tạo cơ hội cho các nước thành viên tiếp tục ký kết và triển khai các FTA song phương nhằm thúc đẩy hơn nữa hợp tác thương mại và đầu tư, đảm bảo thúc đẩy phát triển kinh tế của các nước.

Theo một số ước tính đáng tin cậy nhất, ASEAN sẽ nằm trong nhóm các nền kinh tế hàng đầu thế giới vào năm 2030 (đứng thứ tư)<sup>9</sup>. Điều này có nghĩa là ASEAN sẽ có ảnh hưởng đáng kể đối với nền kinh tế toàn cầu. Khi đó, ASEAN có thể sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh và duy trì sự ổn định của khu vực. Muốn vậy, ASEAN cần nhanh chóng xây dựng một ASEAN mạnh mẽ, đoàn kết và thành công thực chất thay vì bằng những tuyên bố bàng việc; (i) ASEAN không nhất thiết phải tạo ra một sự đồng thuận về tất cả các vấn đề, tức là các quốc gia thành viên ASEAN phải cùng nhất trí và đứng vững trước những vấn đề của khu vực/tổ chức bất chấp sức ép từ bên ngoài. Để trở thành một tổ chức trung tâm đáng tin cậy và được tôn trọng, ASEAN phải đồng ý duy trì các nguyên tắc được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc, Hiến chương ASEAN và TAC. ASEAN cần phối hợp chặt chẽ với các Đối tác Đối thoại, tuân thủ các nguyên tắc ủng hộ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của tất cả các quốc gia; quyền tự do đưa ra quyết định với tư cách là các quốc gia độc lập; không dùng vũ lực để dàn xếp sự khác biệt, và tôn trọng không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác; (ii) ASEAN cần phải gửi thông điệp rõ ràng tới tất cả các nước lớn rằng các quốc gia thành viên ASEAN muốn họ tiếp tục tham gia vào khu vực, nhưng theo cách tích cực và có lợi cho tất cả các bên. Đối với các Đối tác Đối thoại của ASEAN, thông điệp cần làm tiếp tục hỗ trợ song phương cho các quốc gia thành viên riêng lẻ, nhưng cũng đóng góp vào các sáng kiến khu vực, tức là giúp hoàn thành Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC), hợp tác giải quyết các vấn đề ở tiểu vùng sông Mekong, chống dịch và bảo vệ môi trường, trong đó coi trọng các cơ chế do ASEAN tạo dựng và nắm giữ vai trò dẫn dắt; (iii) ASEAN có các cơ chế và nền tảng cho an ninh khu vực cho phép các nhà lãnh đạo và quan chức cấp cao gặp gỡ với các đối tác trong và ngoài khu vực để chia sẻ quan điểm thẳng thắn về các vấn đề và thách thức liên quan. Tất cả các bên cần nỗ lực phối hợp nhằm duy trì hòa bình, tiến bộ và thịnh vượng cho khu vực.

---

<sup>9</sup> Davos Agenda 2022, “ASEAN is poised for postpandemic inclusive growth and prosperity - here’s why”, <https://www.weforum.org/agenda/2022/01/asean-is-poised-for-post-pandemic-inclusive-growth-and-prosperity-heres-why>.

Mặc dù ASEAN đã có những cơ chế và cố gắng giải quyết các tranh chấp kinh tế và thương mại, nhưng việc đảm bảo tính minh bạch và công khai vẫn còn là một thách thức về tính minh bạch là một nguyên tắc quan trọng trong quản lý tranh chấp, nhưng ý thức về tính quan trọng của minh bạch có thể không đồng đều trong các quốc gia thành viên trong việc giải quyết tranh chấp, bao gồm quy trình phê duyệt, giám sát và trách nhiệm pháp lý. Các tranh chấp kinh tế và thương mại thường có tính phức tạp và đa chiều, đòi hỏi sự thấu hiểu sâu sắc về luật pháp và quy định liên quan từ các bên liên quan. Điều này có thể làm cho quá trình giải quyết trở nên phức tạp và mất nhiều thời gian. Không những vậy mà trong một số trường hợp, việc đạt được sự đồng thuận giữa các bên trong việc công khai thông tin có thể khó khăn, đặc biệt khi có sự mâu thuẫn lợi ích giữa họ. Và để vượt qua những thách thức này, ASEAN cần tiếp tục tăng cường năng lực của mình trong việc xây dựng và thực thi các cơ chế minh bạch và công khai, đồng thời tăng cường hợp tác và đồng thuận giữa các bên liên quan.

## **Tiểu kết Chương 2**

ASEAN đã và đang tạo ra nhiều cơ chế hiệu quả để thúc đẩy liên kết nội khối, từ việc tự do hóa thương mại và đầu tư đến hợp tác an ninh và phát triển xã hội. Việc triển khai các sáng kiến như AEC, APSC và ASCC, cùng với các dự án hạ tầng và hợp tác đa phương, đã giúp ASEAN tiến gần hơn tới mục tiêu xây dựng một cộng đồng vững mạnh và gắn kết. Những nỗ lực này không chỉ góp phần vào sự phát triển kinh tế và ổn định chính trị của khu vực mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy sự đoàn kết giữa các quốc gia thành viên.

Vấn đề biển Đông và vai trò của ASEAN ở khu vực này trở thành tâm điểm địa chính trị quan trọng nhất trên thế giới. Và khu vực này đã trở thành trung tâm của khu vực Đông Á, với nhiều lợi ích phức tạp, đan xen, can dự trực tiếp với các nước ASEAN trong ngắn hạn và dài hạn. Khu vực ASEAN đang phát triển với tư cách là trung tâm tăng trưởng toàn cầu. Trong hoàn cảnh đó, nếu vấn đề Biển Đông không

được giải quyết phù hợp với luật pháp quốc tế và trật tự dựa trên luật pháp quốc tế sẽ có tác động tiêu cực đến toàn khu vực. Vì vậy, ASEAN cần phải tiếp tục và phát huy vai trò quan trọng của mình trong việc giải quyết vấn đề Biển Đông. Và điều quan trọng là phải có một trật tự dựa trên luật lệ trong khu vực, nơi mọi người phải tôn trọng luật pháp quốc tế và chủ quyền của các quốc gia khác nhau.

ASEAN cần phát huy sức mạnh mềm nhiều hơn với vai trò của mình trong việc duy trì hòa bình, an ninh và ổn định trong khu vực. ASEAN không chỉ khẳng định tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc và tiến trình pháp lý quốc tế, mà còn cam kết không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp. Điều này thể hiện tinh thần hòa bình và tôn trọng quy định luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia thành viên ASEAN và các bên liên quan khác. Bằng cách này, ASEAN tạo ra một môi trường ổn định và dựa trên quy định pháp lý để giải quyết tranh chấp một cách hòa bình và công bằng. Điều này không chỉ giúp duy trì hòa bình và an ninh trong khu vực, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và xã hội bền vững của các quốc gia thành viên và khu vực nói chung.

### **CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT VỀ VAI TRÒ CỦA ASEAN TRONG VIỆC DUY TRÌ HÒA BÌNH, ỔN ĐỊNH Ở BIỂN ĐÔNG**

#### **3.1. Lợi ích và thách thức trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông của ASEAN**

##### **3.1.1. Lợi ích**

Duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông sẽ giúp bảo vệ an ninh hàng hải của các quốc gia thành viên ASEAN và đảm bảo tự do đi lại và thương mại trên biển. Việc duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ an ninh hàng hải và đảm bảo tự do đi lại cũng như thương mại trên biển đối với các quốc gia thành viên ASEAN. Nếu ASEAN làm tốt công tác duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực này sẽ giúp giảm thiểu nguy cơ xảy ra xung đột và giao tranh trên biển, bảo vệ các tuyến đường hàng hải chính và giảm bớt sự đe dọa đối với an ninh và an toàn của các tàu thương mại và hàng hải. Một môi trường biển ổn định cũng tạo điều kiện thuận lợi cho tự do đi lại của tàu thương mại, tàu cá và các phương tiện hàng hải khác, giúp thúc đẩy hoạt động giao thương và hợp tác kinh tế trên biển. Việc duy trì an ninh và ổn định ở đây sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại và đầu tư, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế của các quốc gia trong khu vực và cả của ASEAN nói chung.

Biển Đông tuyến đường chính để vận chuyển hàng hóa từ châu Á đến châu Âu và ngược lại. Các con đường này không chỉ đóng vai trò quan trọng trong thương mại quốc tế mà còn là tuyến đường điều hành chính cho nguồn cung ứng năng lượng và nguyên liệu từ Trung Đông tới Châu Á. Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú như dầu mỏ, khí đốt, cá và khoáng sản khác, cũng như tiềm năng du lịch và thủy sản, Biển Đông có tiềm năng kinh tế lớn đối với các quốc gia thành viên ASEAN. Việc phát triển các ngành công nghiệp biển, như công nghiệp đóng tàu, khai thác dầu khí và du lịch biển, có thể tạo ra cơ hội lớn cho sự phát triển kinh tế và tăng trưởng trong khu vực. Hơn nữa là việc quản lý tốt và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Biển

Đông là một lợi ích lớn đối với các quốc gia trong khu vực. Giảm thiểu sự cạnh tranh về quyền lợi chủ quyền và tranh chấp về tài nguyên có thể mang đến sự ổn định và phát triển kinh tế của khu vực. Do đó, việc hợp tác giữa các quốc gia ASEAN trong việc quản lý và bảo vệ tài nguyên biển là rất cần thiết.

ASEAN nhấn mạnh việc tôn trọng chủ quyền và độc lập của các quốc gia thành viên trong việc quản lý và sử dụng các tài nguyên trên Biển Đông. ASEAN thúc đẩy các nỗ lực hợp tác đa phương và song phương giữa các quốc gia liên quan để giải quyết tranh chấp và tìm kiếm giải pháp cùng cực. Việc hợp tác này có thể bao gồm thảo luận về quản lý tài nguyên, hợp tác kinh tế và du lịch, và tăng cường giao lưu quân sự nhằm mục đích xây dựng lòng tin và ổn định.

### **3.1.2. Thách thức với ASEAN**

Tình hình bất ổn, tạo ra môi trường an ninh phức tạp, nhất là bùng phát và leo thang nhiều cuộc xung đột. Bối cảnh phức tạp của toàn cầu cũng có những tác động nhất định tới khu vực Biển Đông. Các tranh chấp về chủ quyền và lãnh thổ giữa các quốc gia ven biển tạo ra một nguồn căng thẳng lớn. Việc giải quyết các mâu thuẫn này đòi hỏi sự nhất quán và nỗ lực hòa giải từ tất cả các bên liên quan. Thực tế năm qua cho thấy, vẫn có những diễn biến gây quan ngại cho khu vực, nối dài những phức tạp đã có trong nhiều năm. Những bất ổn đáng chú ý trên Biển Đông trong năm qua là việc tiếp tục có những hành vi vi phạm luật pháp quốc tế, xâm phạm vào vùng biển hợp pháp của các nước. Cùng với đó là vẫn còn những hạn chế trong việc thực hiện hiệu quả các cam kết về các biện pháp kiềm chế, xây dựng lòng tin. Mặt khác, việc tiếp tục các hành vi sử dụng sức mạnh để tìm cách áp đặt các yêu sách chủ quyền phi lý, nhất là các biện pháp thường được biết đến như chiến thuật vùng xám hay phi quân sự trá hình... đã tạo ra thách thức đáng quan ngại.

Cạnh tranh về tài nguyên tự nhiên, đặc biệt là dầu khí và nguồn cá, có thể dẫn đến các mâu thuẫn và xung đột giữa các quốc gia. Sự tranh chấp này cũng có thể lan rộng ra các hoạt động khai thác tài nguyên và cá nhân mạng. Biển Đông với chứa lượng dầu khí lớn, là một trong những khu vực quan trọng về nguồn cung dầu khí toàn cầu. Sự cạnh tranh để khai thác và khẳng định quyền lợi về tài nguyên này đã tạo ra những mâu thuẫn giữa các quốc gia tại khu vực. Các hoạt động khai thác dầu khí có thể dẫn đến các cuộc tranh chấp về quyền lợi kinh tế và chủ quyền lãnh thổ. Bên cạnh đó Biển Đông cũng là một trong những khu vực giàu nguồn cá trên thế giới. Các quốc gia ven biển cạnh tranh để kiểm soát và tận dụng tài nguyên cá này để đảm bảo an sinh và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, việc khai thác quá mức và bất hợp pháp có thể dẫn đến suy giảm nguồn lợi và xung đột giữa các quốc gia trong khu vực. Không những vậy mà các hoạt động khai thác tài nguyên khác như khoáng sản, đá và cát cũng gây ra sự tranh chấp giữa các quốc gia. Việc mở rộng cơ sở hạ tầng và phát triển khu vực đang gây ra những lo ngại về tác động tiêu cực đối với môi trường và các quyền lợi kinh tế của các quốc gia khác.

Việc gia tăng quân sự hóa trong khu vực có thể tạo ra sự căng thẳng và lo ngại về an ninh. Các cuộc diễn tập quân sự, xây dựng cơ sở quân sự trên các đảo và tranh chấp về tuyên bố chủ quyền đều đang gây ra những lo ngại về một cuộc đua vũ trang trong khu vực. Nhất là các cuộc diễn tập quân sự thường được tổ chức bởi các quốc gia có quan ngại về an ninh và chủ quyền trên biển. Những cuộc diễn tập này có thể được coi là một biểu hiện của sức mạnh quân sự và cũng có thể làm leo thang căng thẳng. Các quốc gia trong khu vực thường xây dựng cơ sở quân sự trên các đảo tranh chấp hoặc có khả năng chiến lược. Điều này tạo ra một sự đối đầu trực tiếp và tăng đáng kể căng thẳng giữa các quốc gia.

Sự phức tạp của vấn đề và sự không đồng ý giữa các quốc gia liên quan làm cho việc đạt được các thỏa thuận và giải pháp hòa bình trở nên khó khăn. Các cuộc đàm

phán đang đối mặt với sự cản trở từ nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm sự căng thẳng lịch sử và các yếu tố địa chính trị.

Việc tuân thủ luật pháp quốc tế và Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển UNCLOS cung cấp một khung pháp lý rõ ràng và công bằng để quản lý và sử dụng các tài nguyên biển, đồng thời xác định rõ các quyền và nghĩa vụ của các quốc gia. Việc tuân thủ UNCLOS không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho hòa bình và ổn định trong khu vực mà còn thúc đẩy hợp tác và phát triển bền vững ở Biển Đông. Song hành với đó là phản đối hành vi sử dụng áp đặt, xâm phạm trái phép vùng biển của các nước có liên quan. Các mối đe dọa từ sự cạnh tranh chiến lược, tăng cường quân sự hóa và rủi ro về xung đột và mâu thuẫn đang làm nổi lên những quan ngại sâu sắc từ các quốc gia trong khu vực.

### **3.2. Một số giải pháp để giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông**

Các quốc gia có liên quan cần tuân thủ và thúc đẩy tuân thủ các nguyên tắc và quy định trong UNCLOS và các công ước quốc tế khác liên quan đến Biển Đông. Việc thúc đẩy tuân thủ giúp tạo ra một môi trường ổn định và dựa trên luật pháp. Các quốc gia có thể sử dụng các cơ chế pháp lý quốc tế, như việc đưa tranh chấp lên Tòa Trọng tài Hoa Kỳ về Luật Biển, để giải quyết các mâu thuẫn và tranh chấp ở Biển Đông. Sử dụng các cơ chế hợp tác đa phương, như ASEAN và các tổ chức đa phương khác, để thúc đẩy việc thực hiện luật pháp quốc tế và giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông. Và cuối cùng là tăng cường giáo dục và tạo ra ý thức pháp lý về quyền và nghĩa vụ của các quốc gia trong việc tuân thủ luật pháp quốc tế, từ đó thúc đẩy sự hiểu biết và sẵn lòng tham gia vào các quy định và thỏa thuận quốc tế.

Thảo luận và đàm phán: Các quốc gia cần thực hiện các cuộc đàm phán và thảo luận một cách xây dựng để tìm ra các giải pháp thông qua sự hiểu biết và sự tôn trọng lẫn nhau. Việc này có thể đưa ra các thỏa thuận về quản lý tài nguyên, thương mại



hàng hải và các vấn đề liên quan khác. Các quốc gia có thể thảo luận về cách quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở Biển Đông một cách bền vững và công bằng. Điều này có thể bao gồm việc thiết lập các khu vực bảo vệ môi trường, quản lý nguồn lợi thủy sản và năng lượng, và giải quyết các vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường. Các cuộc thảo luận có thể tập trung vào các biện pháp để tăng cường an ninh hàng hải và giảm bớt các mối đe dọa như tấn công cướp biển và tình trạng không an toàn trên biển. Việc hợp tác trong lĩnh vực này có thể bao gồm chia sẻ thông tin tình báo, tổ chức các cuộc tuần tra chung và phối hợp giữa các cơ quan chức năng. Bằng cách thực hiện các cuộc đàm phán và thảo luận như vậy, các quốc gia có thể tìm ra các giải pháp chung và thỏa thuận mà tạo ra lợi ích chung và đảm bảo sự ổn định và hòa bình trên Biển Đông.

**Thúc đẩy hợp tác kinh tế:** Hợp tác kinh tế có thể giúp làm giảm căng thẳng và tăng cường sự ổn định. Các quốc gia có thể thúc đẩy việc hợp tác trong lĩnh vực năng lượng, thủy sản, du lịch và phát triển kinh tế khác, tạo ra lợi ích chung và tăng cường quan hệ giữa các quốc gia.

**Thúc đẩy giao tiếp và tin cậy:** Việc tạo ra các cơ chế giao tiếp và tin cậy giữa các quốc gia có thể giúp giảm bớt hiểu lầm và mất mát không cần thiết. Các cuộc đàm phán trực tiếp và các cuộc gặp gỡ thường xuyên có thể giúp tăng cường lòng tin và giải quyết các mâu thuẫn một cách hiệu quả. Các quốc gia có thể thiết lập các cơ chế giao tiếp chính thức và không chính thức, bao gồm việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị và đối thoại hai chiều. Việc tăng cường giao tiếp này giúp các quốc gia hiểu rõ hơn về quan điểm và quan ngại của nhau, từ đó tạo điều kiện cho việc thảo luận và đàm phán. Các quốc gia cần thực hiện các cơ chế và quy trình để giải quyết mâu thuẫn một cách hiệu quả và bình đẳng. Điều này có thể bao gồm việc sử dụng các phương tiện như trọng tài, trọng tài hoặc các cơ quan quốc tế để giải quyết các tranh chấp theo cách hòa bình và pháp luật. Bằng cách thúc đẩy giao tiếp và xây dựng sự tin cậy, các quốc gia có

thể tạo ra một môi trường ổn định và hòa bình hơn ở Biển Đông, từ đó đảm bảo an ninh và phát triển bền vững cho khu vực.

Thúc đẩy sự hợp tác đa phương: Các tổ chức đa phương như ASEAN có thể đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp ở Biển Đông. Việc hợp tác với các quốc gia khác và tạo ra các cơ chế hòa bình và ổn định có thể giúp giải quyết các tranh chấp một cách hiệu quả. ASEAN có thể tổ chức các cuộc hội nghị và đối thoại giữa các quốc gia thành viên và các bên liên quan để thảo luận về các vấn đề liên quan đến Biển Đông. Các cuộc đàm phán và đối thoại này có thể giúp giảm bớt căng thẳng và tạo điều kiện cho việc giải quyết mâu thuẫn. Không những vậy mà ASEAN có thể hợp tác với các tổ chức quốc tế khác như Liên Hợp Quốc, ASEAN Regional Forum (ARF) và East Asia Summit (EAS) để đưa ra các giải pháp và cơ chế giải quyết tranh chấp ở Biển Đông. Việc hợp tác với các tổ chức này cung cấp cơ hội để tìm ra các phương thức giải quyết mâu thuẫn dựa trên luật pháp quốc tế và các nguyên tắc hòa bình. Thông qua việc thúc đẩy hợp tác kinh tế và phát triển trong khu vực Biển Đông, từ đó tạo ra lợi ích kinh tế chung và giảm bớt căng thẳng. Việc tăng cường hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, và phát triển có thể làm tăng cơ hội hợp tác và giảm bớt mâu thuẫn giữa các quốc gia. Bằng cách thúc đẩy sự hợp tác đa phương, ASEAN có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra một môi trường ổn định và hòa bình ở Biển Đông, từ đó đảm bảo an ninh và phát triển bền vững cho khu vực.

### **Tiểu kết Chương 3**

ASEAN có thể tận dụng cạnh tranh giữa các cường quốc để mở rộng mối quan hệ đối tác. Các quốc gia ASEAN có thể tìm cách hợp tác với nhiều cường quốc khác nhau để đạt được lợi ích kinh tế và an ninh. ASEAN có thể sử dụng sự cạnh tranh giữa các cường quốc để đào tạo lại cân bằng quyền lực trong khu vực. Việc giữ cho các cường quốc lớn cạnh tranh giữa họ có thể giúp ngăn chặn một cường quốc nào đó trở nên quá mạnh và áp đặt quyền lực lên khu vực. Sự cạnh tranh giữa các cường quốc có

thể thúc đẩy ASEAN phát triển mối quan hệ hợp tác và hội nhập kinh tế với các quốc gia khác, tạo ra cơ hội mở rộng thị trường và tăng cường sức cạnh tranh. ASEAN có thể sử dụng vị trí địa lý và tài nguyên của mình để trở thành một trung tâm quan trọng trong khu vực, thu hút đầu tư và hợp tác từ các quốc gia lớn trên thế giới. Sự cạnh tranh giữa các cường quốc có thể tạo ra cơ hội cho ASEAN tăng cường quan hệ đối ngoại và hợp tác với các đối tác chiến lược khác, từ đó mở rộng mối liên kết và tăng cường ảnh hưởng toàn cầu. Tuy nhiên, ASEAN cũng phải đối mặt với các thách thức như rủi ro từ việc bị cuốn vào cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc, cũng như áp lực đòi hỏi phải lựa chọn giữa các quốc gia lớn. Điều quan trọng là ASEAN cần duy trì sự đoàn kết và linh hoạt để tận dụng cơ hội từ cạnh tranh giữa các cường quốc một cách hiệu quả.

Biển Đông đã và đang đứng trước sức ảnh hưởng của địa chiến lược, cùng với sự đan xen và phức tạp mang tính lịch sử và dân tộc. Với sự đa dạng về văn hóa và dân tộc, Biển Đông là nơi giao thoa giữa các nền văn hóa và dân tộc khác nhau như Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Ma-lay-si-a, Indonesia, và nhiều quốc gia khác. Vì vậy mà trong các tranh chấp chủ quyền về lãnh thổ, biển đảo khó giải quyết khó giải quyết giữa quốc gia giữa các bên liên quan rất khác nhau và trong đó vẫn còn nhiều bất đồng và mâu thuẫn. Việc sử dụng sức mạnh quân sự sẽ càng đẩy khu vực này vào vòng xoáy bất ổn và thảm họa, chiến tranh tổng lực và toàn cầu, khi các bên liên quan sẽ chiến đấu đến cùng để bảo vệ chủ quyền của mình<sup>10</sup>.

Ngoài những vấn đề chính trị và chủ quyền, Biển Đông còn đối mặt với những thách thức về môi trường, an ninh hàng hải, và quản lý tài nguyên tự nhiên. Thêm nữa là sự hiện diện của các quốc gia lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, và Nhật Bản cũng góp phần tạo ra một môi trường đa phương phức tạp trên Biển Đông.

---

<sup>10</sup> Nguyễn Thanh Minh, Những biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp Biển Đông, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, ngày 27/12/2019.



## KẾT LUẬN

Từ năm 1995 đến nay, vị thế ASEAN được khẳng định trên các diễn đàn quốc tế. Đối với vấn đề Biển Đông, ASEAN ngày càng thể hiện được vai trò quan trọng, là trung tâm của sự kết nối trong việc phục vụ lợi ích của các quốc gia thành viên và thúc đẩy ổn định, hòa bình và thịnh vượng trong khu vực; thể hiện ở tầm quan trọng của cộng đồng ASEAN trong chương trình nghị sự chính trị và tính toán chiến lược của các nước thành viên.

ASEAN có vai trò thiết lập các cơ chế hợp tác an ninh khu vực thông qua việc khởi xướng, kết nối và thu hút sự tham gia của các cường quốc vào nỗ lực giải quyết vấn đề. Các vấn đề khu vực, ngăn ngừa và quản lý xung đột. Nói cách khác, ASEAN đã áp dụng cách tiếp cận thúc đẩy sự tham gia của các cường quốc thông qua mạng lưới các cơ chế hợp tác và đối thoại do ASEAN dẫn dắt, đồng thời tăng cường đoàn kết nội khối và tự chủ, tự lực tránh bị vướng mắc vào sự cạnh tranh của các cường quốc.

### **Vai trò của ASEAN trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông**

Đối với vấn đề Biển Đông, từ năm 1995 đến nay, ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo ổn định và hòa bình trong khu vực Biển Đông. ASEAN đã cung cấp một nền tảng để các quốc gia liên quan có thể thảo luận và giải quyết tranh chấp theo cách hòa bình và xây dựng một khu vực hòa bình, ổn định và phồn thịnh. Về quản lý tranh chấp, ASEAN cố gắng thúc đẩy việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông thông qua đàm phán và sự hòa giải, thúc đẩy tuân thủ các quy tắc và nguyên tắc quốc tế, như Công ước Luật Biển (UNCLOS). ASEAN cam kết đến việc duy trì hòa bình, ổn định và tự do hàng hải và hàng không ở khu vực Biển Đông, điều này đóng vai trò quan trọng trong việc giữ cho khu vực này không bị căng thẳng và xung đột, nhằm thúc đẩy hòa bình và ổn định.

ASEAN thể hiện rất rõ vai trò xây dựng quan hệ đối tác. Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, ASEAN đã tạo điều kiện cho việc tăng cường hợp tác giữa các quốc gia liên quan và các đối tác bên ngoài, như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và các quốc gia khác, nhằm thúc đẩy hòa bình và ổn định ở khu vực Biển Đông.

Bên cạnh các vai trò chính đã đề cập, ASEAN còn có những vai trò phụ trợ quan trọng khác đối với Biển Đông, như xây dựng và thúc đẩy quy tắc và chuẩn mực, phát triển hợp tác kinh tế và phát triển bền vững, quản lý tài nguyên và môi trường ... Trong đó, ASEAN đóng vai trò trong việc phát triển các quy tắc và chuẩn mực hành vi ở Biển Đông thông qua các cơ quan và cơ chế hợp tác, như ASEAN Regional Forum (ARF), để giúp tạo ra một môi trường ổn định và dựa trên quy tắc; thúc đẩy hợp tác kinh tế và phát triển bền vững ở khu vực Biển Đông, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và xã hội, giảm bớt mâu thuẫn và mối đe dọa cho hòa bình và ổn định. ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc hợp tác để quản lý và bảo vệ tài nguyên biển và môi trường ở khu vực Biển Đông, đặc biệt là trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường và quản lý nguồn lợi của biển.

Những vai trò nêu trên cùng nhau hỗ trợ ASEAN trong việc duy trì ổn định và hòa bình ở khu vực Biển Đông, đồng thời giúp tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển và hợp tác toàn diện trong khu vực này.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng ASEAN không phải là một tổ chức quân sự, và quyết định của nó thường dựa trên nguyên tắc đồng thuận và tìm kiếm sự đồng lòng từ tất cả các thành viên. Do đó, sức mạnh của ASEAN trong việc giải quyết các vấn đề tại Biển Đông phụ thuộc vào khả năng đàm phán và thỏa thuận giữa các quốc gia thành viên.

### **Vai trò ASEAN thể hiện qua chính sách giải quyết tranh chấp ở Biển Đông**

ASEAN đã áp dụng một số chính sách và cơ chế để giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông, như nguyên tắc đồng thuận và hòa giải; thực hiện DOC; nâng cấp COC (Code of Conduct); thúc đẩy tuân thủ UNCLOS; thúc đẩy trao đổi thông tin và tạo niềm tin; thúc đẩy hợp tác đa phương; giáo dục và nâng cao nhận thức; tạo điều kiện cho hòa bình và ổn định kinh tế; tăng cường hợp tác với các đối tác bên ngoài.

ASEAN quan niệm rằng việc giải quyết các tranh chấp nên dựa trên nguyên tắc đồng thuận và hòa giải. Các quốc gia thành viên cố gắng đạt được sự đồng thuận thông qua đàm phán và thỏa thuận, thay vì sử dụng vũ lực hoặc các biện pháp gây căng thẳng. Từ lập trường này, tháng 11 năm 2002, ASEAN đã ký kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 8 ở Phnôm Pênh, Cam-pu-chia, nhằm tạo ra một khuôn khổ để giải quyết tranh chấp theo đàm phán và hòa bình, đồng thời tôn trọng UNCLOS. ASEAN tôn trọng và thúc đẩy việc tuân thủ các nguyên tắc và quy định của UNCLOS trong giải quyết tranh chấp ở Biển Đông.

ASEAN đề xuất các cơ chế và cơ sở để thúc đẩy trao đổi thông tin và tạo niềm tin giữa các bên liên quan, nhằm giảm căng thẳng và nguy cơ xung đột; cùng Trung Quốc đàm phán (để tiến tới) ký kết Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC). Mục tiêu của COC là tạo ra một cơ chế pháp lý và hành động chung giữa ASEAN và Trung Quốc để duy trì ổn định và hòa bình ở Biển Đông.

ASEAN khuyến khích việc hợp tác đa phương giữa các bên liên quan trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông. Điều này bao gồm việc tăng cường quan hệ với các cơ quan quốc tế như Liên Hợp Quốc và ASEAN Regional Forum (ARF), nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi cho đối thoại và hòa giải. ASEAN thúc đẩy các hoạt động giáo dục và tăng cường nhận thức về quan hệ quốc tế và pháp luật biển, nhằm tạo ra sự hiểu biết và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông. ASEAN tập trung vào việc tạo điều kiện thuận lợi cho hòa bình và ổn định

kinh tế ở khu vực Biển Đông, thông qua việc phát triển các dự án hợp tác kinh tế và hạ tầng, giúp tăng cường liên kết kinh tế và giảm bớt mâu thuẫn. ASEAN nỗ lực tăng cường hợp tác với các đối tác bên ngoài như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc và Ấn Độ, nhằm hỗ trợ việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông và duy trì ổn định trong khu vực.

Những chính sách nêu trên nhằm mục đích hỗ trợ và thúc đẩy quá trình giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông một cách hòa bình, dựa trên quy tắc và pháp luật quốc tế, và tạo ra một môi trường ổn định và phồn thịnh cho khu vực. Tuy nhiên, việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông vẫn đối mặt với nhiều thách thức, và tiến triển có thể chậm lại do sự không đồng ý của các bên liên quan và sự căng thẳng địa chính trị trong khu vực.

### **Vai trò ASEAN thể hiện qua cơ chế và sáng kiến của các nước ASEAN trong vấn đề Biển Đông**

Các nước ASEAN đã triển khai một số cơ chế và sáng kiến để giải quyết các vấn đề ở Biển Đông như: ARF (ASEAN Regional Forum), AMF (ASEAN Maritime Forum), EAS (East Asia Summit), ACBPD (Trung tâm ASEAN - Trung Quốc về Hòa bình và Phát triển)...

ARF được thành lập vào năm 1994 nhằm thúc đẩy đối thoại và hợp tác về an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương. ARF là diễn đàn lớn nhất về an ninh ở khu vực này, và Biển Đông thường là một trong những chủ đề chính được thảo luận. AMF là một cơ chế được thiết lập để thúc đẩy hợp tác và xây dựng niềm tin trong lĩnh vực hải dương. Nó tập trung vào việc giải quyết các tranh chấp và xây dựng nền tảng cho hòa bình, ổn định và phát triển bền vững ở Biển Đông. EAS là một diễn đàn cấp cao về an ninh và hợp tác kinh tế được tổ chức hàng năm bởi ASEAN. Biển Đông thường là một trong những chủ đề quan trọng được thảo luận tại EAS. ACBPD được thành lập vào năm 2011 với mục đích thúc đẩy hợp tác và đàm phán giữa ASEAN và Trung Quốc trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông.



ASEAN đã đề xuất và triển khai một số sáng kiến hợp tác kinh tế và phát triển, như Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên biên giới (ACBIP), nhằm tạo ra một môi trường ổn định và phát triển bền vững ở Biển Đông. Sáng kiến về an ninh và hợp tác trong khu vực ASEAN (ARISE) là một sáng kiến mới của ASEAN, nhằm tăng cường hợp tác và tạo ra một khu vực an ninh và ổn định ở Đông Nam Á.

Biên giới biển an ninh ASEAN (ASBOP) là một cơ chế hợp tác đa phương giữa các cơ quan thực thi pháp luật biển của các quốc gia ASEAN nhằm tăng cường an ninh biển và chống lại tội phạm biển. Cơ chế tìm kiếm và cứu hộ khu vực (VMRS) là một cơ chế hợp tác đa phương giữa các quốc gia ASEAN để tăng cường khả năng tìm kiếm và cứu hộ trong khu vực Biển Đông. Các quốc gia ASEAN đã thực hiện hợp tác thông tin và tình báo để chia sẻ thông tin và đánh giá về tình hình an ninh ở Biển Đông, nhằm tăng cường sự nhận thức và quản lý rủi ro. ASEAN tạo ra các cơ chế để tăng cường hợp tác pháp lý và tuân thủ quy định, bao gồm việc thúc đẩy sự tuân thủ của Công ước Luật Biển (UNCLOS) và các quy định quốc tế khác liên quan đến Biển Đông. ASEAN thúc đẩy hợp tác trong phòng chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường biển, nhằm giảm bớt các ảnh hưởng tiêu cực và tăng cường sự bền vững của khu vực Biển Đông.

Những cơ chế và sáng kiến nêu trên đã thúc đẩy hợp tác, đối thoại và giải quyết các vấn đề ở Biển Đông một cách hòa bình, đồng thời xây dựng một môi trường ổn định và phát triển bền vững cho khu vực. Tuy nhiên, hiệu quả của chúng phụ thuộc vào sự cam kết và sự hợp tác của tất cả các bên liên quan.

### **Vai trò của ASEAN trong việc giải quyết các tranh chấp khu vực**

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp khu vực trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

ASEAN cung cấp một diễn đàn quan trọng cho các quốc gia thành viên và các quốc gia liên quan để thảo luận, đàm phán và hợp tác trong việc giải quyết các tranh chấp khu vực. Sự tồn tại của ASEAN đã tạo ra một nền tảng cho việc đối thoại và hợp

tác chặt chẽ hơn giữa các quốc gia trong khu vực. ASEAN cam kết đến việc duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, bằng cách thúc đẩy sự đồng thuận và đàm phán để giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình và xây dựng một môi trường hòa bình. ASEAN đóng vai trò trong việc phát triển quy tắc và chuẩn mực hành vi trong khu vực. Các tiêu chuẩn này giúp tạo ra một cơ sở chung để giải quyết tranh chấp và xây dựng một môi trường ổn định và dựa trên quy tắc. ASEAN thúc đẩy hợp tác kinh tế và phát triển trong khu vực, tạo ra cơ hội kinh doanh và tăng cường sự phát triển kinh tế, giúp giảm bớt căng thẳng và mâu thuẫn. ASEAN tạo điều kiện cho việc xây dựng lòng tin và hòa giải giữa các quốc gia trong khu vực, thông qua các cuộc gặp gỡ, đàm phán và các hoạt động giao tiếp khác. ASEAN cũng hợp tác chặt chẽ với các đối tác bên ngoài như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và EU để giải quyết các tranh chấp khu vực và thúc đẩy hòa bình và ổn định.

ASEAN là nền tảng cho việc xây dựng các cơ chế hợp tác đa phương như ASEAN Plus Three (ASEAN cộng với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc) và East Asia Summit (EAS). Các cơ chế này cung cấp một diễn đàn quan trọng cho các quốc gia liên quan để thảo luận và hợp tác trong việc giải quyết các tranh chấp. ASEAN thường đề xuất và thúc đẩy sự phát triển của các sáng kiến và cơ chế mới nhằm tăng cường hòa bình và ổn định trong khu vực. Ví dụ, việc thiết lập Trung tâm ASEAN - Trung Quốc về Hòa bình và Phát triển (ACBPD) nhằm thúc đẩy hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc trong việc giải quyết các tranh chấp.

ASEAN cung cấp một môi trường thuận lợi cho các quốc gia tham gia đàm phán và thỏa thuận. Bằng cách tạo ra sự tin cậy và sự ổn định, ASEAN giúp giảm bớt căng thẳng và tạo điều kiện cho các bên để tiếp tục các cuộc đàm phán một cách hiệu quả. ASEAN thường đề xuất và thúc đẩy việc tuân thủ các nguyên tắc và quy tắc quốc tế như Công ước Luật Biển (UNCLOS) trong việc giải quyết các tranh chấp. Việc này

giúp tạo ra một cơ sở pháp lý và hành vi chung để giải quyết tranh chấp một cách công bằng và hiệu quả.

ASEAN không chỉ đóng vai trò là một diễn đàn đối thoại và hợp tác mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc đề xuất và thúc đẩy các sáng kiến và cơ chế mới, tạo điều kiện cho đàm phán và thỏa thuận, và thúc đẩy tôn trọng quy tắc và nguyên tắc quốc tế trong giải quyết các tranh chấp khu vực, bằng cách thúc đẩy đàm phán, hòa giải, và hợp tác đa phương.

### **Nhận xét**

Vai trò của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đối với vấn đề Biển Đông là rất quan trọng và đa chiều. ASEAN cung cấp một diễn đàn quan trọng cho các quốc gia liên quan để thảo luận và đàm phán về các vấn đề ở Biển Đông. Sự tồn tại của ASEAN đã tạo ra một nền tảng cho việc đối thoại và hợp tác chặt chẽ hơn giữa các quốc gia trong khu vực.

ASEAN cam kết duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực Biển Đông thông qua đàm phán, hòa giải và tôn trọng quy tắc và nguyên tắc quốc tế. ASEAN đóng vai trò trong việc xây dựng các quy tắc và chuẩn mực hành vi trong khu vực, giúp tạo ra một cơ sở chung để giải quyết tranh chấp và xây dựng một môi trường ổn định và dựa trên quy tắc. ASEAN thúc đẩy hợp tác kinh tế và phát triển trong khu vực Biển Đông, giúp giảm bớt căng thẳng và mâu thuẫn thông qua việc tạo ra cơ hội kinh doanh và tăng cường sự phát triển kinh tế. ASEAN tạo điều kiện cho việc xây dựng lòng tin và hòa giải giữa các quốc gia trong khu vực thông qua các cuộc gặp gỡ, đàm phán và các hoạt động giao tiếp khác. ASEAN cũng hợp tác chặt chẽ với các đối tác bên ngoài như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và EU để giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông và thúc đẩy hòa bình và ổn định.

Mặc dù ASEAN đã đóng vai trò trong việc phát triển các quy tắc và chuẩn mực hành vi ở Biển Đông, nhưng tuân thủ và thực thi các quy định này vẫn gặp nhiều thách

thức. Sự không đồng nhất và thiếu sự đồng thuận trong việc tuân thủ có thể làm suy yếu hiệu quả của các biện pháp và cơ chế hợp tác của ASEAN.

Sự bất đồng giữa các quốc gia thành viên là điểm cản trở lớn để hình thành vai trò ASEAN, nhất là các vấn đề về Biển Đông. Các quốc gia thành viên của ASEAN không luôn đồng thuận về cách tiếp cận và giải quyết các vấn đề ở Biển Đông. Sự bất đồng này có thể làm chậm trễ quá trình đưa ra quyết định và hành động cụ thể từ ASEAN.

Về thách thức từ các quốc gia bên ngoài ASEAN cho thấy, sự can thiệp của các quốc gia bên ngoài, như Trung Quốc và Hoa Kỳ, cũng tạo ra những thách thức đối với vai trò và ảnh hưởng của ASEAN trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông.

Từ thách thức ấy cho thấy sự cần thiết phải tăng cường khả năng định hình chính sách. ASEAN cần tăng cường khả năng định hình chính sách và thúc đẩy hòa bình thông qua việc xây dựng sự đồng thuận và tăng cường sự tham gia của các quốc gia thành viên trong việc định hình các chiến lược và quyết định.

Tóm lại, ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác, đàm phán và giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông, giúp duy trì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững trong khu vực. Tuy nhiên, cần nhớ rằng vai trò của ASEAN không thể giải quyết tất cả các vấn đề một cách độc lập và đòi hỏi sự hợp tác và cam kết từ tất cả các bên liên quan.

## **Một số giải pháp phát huy vai trò ASEAN trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông**

Giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông đòi hỏi sự hợp tác và cam kết từ tất cả các bên liên quan.

### **Đề xuất một số giải pháp**

*1/ Thúc đẩy đàm phán và hòa giải:* Các bên liên quan cần tiếp tục tham gia vào các cuộc đàm phán trực tiếp và nỗ lực hòa giải để tìm kiếm các giải pháp đồng thuận và bền vững cho các tranh chấp.

*2/ Tuân thủ quy định quốc tế:* Các quốc gia cần tuân thủ và thực hiện các quy định của Công ước Luật Biển của Liên Hợp Quốc (UNCLOS) và các nguyên tắc quốc tế khác, đặc biệt là về quyền chủ quyền và tự do hàng hải.

*3/ Tăng cường hợp tác đa phương:* Cần thúc đẩy hợp tác đa phương thông qua các cơ chế như ASEAN và các diễn đàn khu vực khác như East Asia Summit (EAS) và ASEAN Regional Forum (ARF) để thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các quốc gia liên quan.

*4/ Xây dựng lòng tin và niềm tin:* Các bên cần thúc đẩy việc xây dựng lòng tin và niềm tin giữa họ thông qua các biện pháp như trao đổi thông tin, tăng cường giao tiếp và thúc đẩy hợp tác kinh tế và văn hóa.

*5/ Giải quyết tranh chấp theo pháp luật:* Cần tạo điều kiện cho việc giải quyết các tranh chấp thông qua các cơ chế pháp luật quốc tế như việc đệ đơn đối tranh ở Tòa án Trọng tài Quốc tế.

*6/ Tăng cường quản lý môi trường và tài nguyên:* Các quốc gia cần hợp tác trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên ở Biển Đông thông qua việc thiết lập các khu vực bảo tồn và quản lý bền vững.

7/ *Tìm kiếm giải pháp thông qua cơ chế COC*: ASEAN và Trung Quốc cần tiếp tục đàm phán và nâng cấp Code of Conduct (COC) để tạo ra một khung pháp lý và hành động chung để duy trì ổn định và hòa bình ở Biển Đông.

8/ *Hợp tác với các bên thứ ba*: Các quốc gia có thể hợp tác với các đối tác quốc tế như Liên Hợp Quốc và các quốc gia ngoài khu vực để hỗ trợ quá trình giải quyết tranh chấp và duy trì ổn định ở Biển Đông.

9/ *Tăng cường giáo dục và nhận thức*: Cần tăng cường giáo dục và nhận thức về quan hệ quốc tế và pháp luật biển, đặc biệt là đối với các thế hệ trẻ. Sự hiểu biết sâu sắc về vấn đề sẽ giúp tạo ra sự hỗ trợ và cam kết trong việc giải quyết các tranh chấp.

10/ *Xây dựng các cơ chế giám sát và tuân thủ*: Cần thiết lập các cơ chế giám sát để theo dõi việc tuân thủ các thỏa thuận và cam kết, đồng thời áp đặt biện pháp trừng phạt đối với các bên vi phạm.

11/ *Tạo ra cơ sở khoa học và nghiên cứu*: Cần đầu tư vào nghiên cứu khoa học và thu thập dữ liệu để hiểu rõ hơn về tình hình môi trường và tài nguyên ở Biển Đông, từ đó có thể đưa ra các quyết định thông minh và bền vững.

12/ *Tăng cường hợp tác kinh tế*: Hợp tác kinh tế có thể giúp tăng cường liên kết và lợi ích chung giữa các quốc gia, giảm bớt căng thẳng và tạo điều kiện cho việc giải quyết các tranh chấp.

13/ *Thúc đẩy giao tiếp và xây dựng lòng tin*: Tăng cường giao tiếp trực tiếp giữa các bên và đầu tư vào việc xây dựng lòng tin và tin cậy có thể giúp giảm thiểu hiểu lầm và mâu thuẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết tranh chấp.

14/ *Đặc biệt chú trọng đến cộng đồng quốc tế*: Cần tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự hỗ trợ và cam kết của cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông, bằng cách tăng cường đối thoại và hợp tác với các tổ chức và quốc gia khác trên thế giới.

Tóm lại, giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông đòi hỏi một sự kết hợp các biện pháp và giải pháp đa dạng, từ đàm phán trực tiếp và hợp tác đa phương đến việc tăng cường giáo dục và nhận thức cộng đồng. Quan trọng nhất là các bên phải có ý thức và sự cam kết trong việc tìm kiếm các giải pháp bền vững và hòa bình cho tất cả.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TIẾNG VIỆT

- [1] ASEAN có những dấu mốc quan trọng nào trong quá trình hình thành và phát triển?, Báo nhân dân, [https://special.nhandan.vn/daumoc\\_asean/index.html](https://special.nhandan.vn/daumoc_asean/index.html), truy cập 24/02/2024.
- [2] ASEAN đóng vai trò quan trọng trong giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông, VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam, 25/11/2020.
- [3] Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), Phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đặng Đình Quý (Chủ biên) (2011), Biển Đông: Hướng tới một khu vực hòa bình, an ninh và hợp tác, NXB thế giới, Hà Nội.
- [5] Đặng Đình Quý, Nguyễn Minh Ngọc (Đồng chủ biên) (2013), Biển Đông: Địa chính trị, lợi ích, chính sách và hành động các bên liên quan, NXB thế giới, Hà Nội.
- [6] Giang Trạch Dân (1994), Tình hình Thế giới hiện nay và chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Đông Nam Á, TLTKĐB (TTXVN), Ngày 12/11/1994.
- [7] Hiến chương Liên hợp quốc, Thư viện pháp luật, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx>, truy cập 07/03/2024.
- [8] Hiến chương Liên hợp quốc, Thư viện pháp luật, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx>, truy cập 07/03/2024.
- [9] <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ho-so-su-kien-nhan-chung/to-chuc-quoc-te/toa-an-quoc-te-lien-hop-quoc-3332> , truy cập ngày 07/03/2024



- [10] Lê Sĩ Hưng (2007), Chính sách an ninh Biển Đông của ASEAN, tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 11 (92), tr.48-54.
- [11] Mục tiêu hoạt động của ASEAN là gì? Báo Nhân dân, truy cập 24/02/2024, [https://special.nhandan.vn/muctieu\\_asean/index.html](https://special.nhandan.vn/muctieu_asean/index.html)
- [12] Nguyễn Thanh Minh, Những biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp Biển Đông, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, ngày 27/12/2019.
- [13] Nguyễn Thanh Minh, Những biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp Biển Đông, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, ngày 27/12/2019
- [14] Nguyễn Trọng Thành(2015) Vai trò của ASEAN trong việc giải quyết các tranh chấp biển Đông từ năm 1991-2015,Luận văn Thạc Sĩ chuyên ngành Quan hệ Quốc tế, Học viện ngoại giao, Hà Nội.
- [15] Phạm Ngọc Trâm (2013), “Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam trước năm 1975” Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Phú Yên), số 3/ 5-2013; tr. 78-86; ISSN 0866-7780.
- [16] Phạm Ngọc Trâm (2014), “Chiến lược Biển Đông của Trung Quốc và những tác động đến (1909-2014) ”, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 283/6-2014; tr.57-65; ISSN 0936-8477.
- [17] Tình hình tranh chấp ở biển Đông – Thực trạng và giải pháp, Biển toàn cảnh, Hội khoa học kỹ thuật và kinh tế biển TPHCM, 18/06/2023
- [18] Tòa án Quốc tế Liên hợp quốc, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 10/01/2018,
- [19] Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc năm 1994, Bản tin Trung Quốc số 12 năm 1994.

- [20] Thông Tấn Xã Việt Nam, ASEAN - Trung Quốc: hướng tới thế kỉ XXI, TLTKĐB 27/12/1997.
- [21] Thông Tấn Xã Việt Nam, Tuyên bố của ASEAN về biển Đông, TLTKĐB ngày 28/7/1992.
- [22] Trần Nam Tiến (2012), “Chiến lược “chuỗi ngọc trai” và mục tiêu trở thành cường quốc biển của Trung Quốc trong thế kỷ XXI”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 1 (125) 2012
- [23] Trần Nam Tiến (2012), “Hợp tác giải quyết xung đột biển Đông hiện nay-một số mô hình gợi ý từ góc nhìn của Việt Nam”, Hội thảo khoa học Quốc tế “Hợp tác biển Đông: Lịch sử và Triển vọng”, Đà Nẵng.
- [24] Trần Văn Độ (2002), Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc những sự kiện 1991 - 2000, Nxb KHXH, HN.
- [25] Võ Văn Sen, Nguyễn Thế Trung (2012), “Sự biến đổi địa chính trị biển Đông từ sau chiến tranh lạnh đến nay”, Kỷ yếu hội thảo khoa học Hợp tác biển Đông: Lịch sử và triển vọng, Đà Nẵng, tháng 12/2012.
- [26] Võ Xuân Vinh (2011) Quá trình yêu sách chủ quyền của Philippines đối với quần đảo Trường Sa và cơ sở pháp lý [www.nghiencuubiendong.vn](http://www.nghiencuubiendong.vn)

## TIẾNG ANH

- [27] Anders Corr (2018), “China’s \$60 Trillion Estimate Of Oil and Gas in the South China Sea: Strategic Implications”, *Journal of Political Risk*, vol. 6, no.1.
- [28] Andra Gumbus và Bridget M. Lyons (2002): “The Balanced Scorecard at Philips Electronics”.
- [29] Aristyo Rizka Darmawan (2021), “Towards a rigorous Code of Conduct for the South China Sea”, <https://www.eastasiaforum.org/2021/07/30/towards-a-rigorous-code-of-conduct-for-the-south-china-sea/>.
- [30] Carlyle Thayer (2013), “ASEAN, China and the Code of Conduct in the South China Sea,” *SAIS Review of International Affairs* 33, no.2.
- [31] Carlyle Thayer (2018), “A Closer Look at the ASEAN-China Single Draft South China Sea Code of Conduct”, <https://thediplomat.com/2018/08/a-closer-look-at-the-asean-china-single-draft-south-china-sea-code-of-conduct/>.
- [32] Davos Agenda 2022, “ASEAN is poised for postpandemic inclusive growth and prosperity - here’s why”, <https://www.weforum.org/agenda/2022/01/asean-is-poised-for-post-pandemic->
- [33] Felix K. Chang (2020), “Uncertain Prospects: South China Sea Code of Conduct”, <https://www.fpri.org/article/2020/10/uncertain-prospects-south-china-sea-code-of-conduct-negotiations/>.
- [34] Ha Hoang Thi (2019), *From Declaration to Code: Continuity and Change in China’s Engagement with ASEAN on the South China Sea* (ISEAS Yusof Ishak Institute).
- [35] Ha Hoang Thi (2020), “ASEAN and the South China Sea Code of Conduct: Raising the Aegis of International Law”,

<https://www.iseas.edu.sg/media/commentaries/asean-and-the-south-china-sea-code-of-conduct-raising-the-aegis-of-international-law/>.

- [36] Malcolm Cook (2021), “Australia’s South China Sea Challenges,” Lowy Institute, <https://www.lowyinstitute.org/publications/australia-coming-south-china-sea-challenges>.
- [37] Nguyen Hong Thao (2020), “South China Sea: The Battle of the Diplomatic Notes Continues”, <https://thediplomat.com/2020/08/south-china-sea-the-battle-of-the-diplomatic-notes-continues/>.
- [38] Nguyen Thanh Trung (2021), “China’s Plan for the South China Sea: A Mixture of Pressure and Legal Approaches”, <https://amti.csis.org/chinas-plan-for-the-south-china-sea-a-mixture-of-pressure-and-legal-approaches/>.
- [39] SD Pradhan (2020), “Code of Conduct for South China Sea: Prospects and challenges”., <https://timesofindia.indiatimes.com/blogs/ChanakyaCode/code-of-conduct-for-south-china-sea-prospects-and-challenges/>.
- [40] Seah S, Hoang TH, Martinus M, Pham TPT. The State of Southeast Asia. [Online]. 2021; Available from: <https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2021/01/TheState-of-SEA-2021-v2.pdf>.
- [41] Seah S, Hoang TH, Martinus M, Pham TPT. The State of Southeast Asia. [Online]. 2021; Available from: <https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2021/01/TheState-of-SEA-2021-v2.pdf>.
- [42] Severino, R. C. (2010), “ASEAN and the South China Sea”, Security Challenges 6, no.2.
- [43] South China Sea Expert Working Group (2018), “A Blueprint for A South China Sea Code of Conduct”, Asia Maritime Transparency Initiative, <https://amti.csis.org/blueprint-for-south-china-sea-code-of-conduct/>.

- [44] Tommy Koh (2021), “Asean needs to stay neutral and united amid US-China tensions”, detailed at: <https://www.straitstimes.com/asia/se-asia/asean-needs-to-stay-neutral-and-united-amid-us-china-tensions-tommy-koh>
- [45] United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD) (2020), “Review of Maritime Transport 2019”, [https://unctad.org/system/files/official-document/rmt2019\\_en.pdf](https://unctad.org/system/files/official-document/rmt2019_en.pdf)
- [46] US Department of Defense (2012) Defense Strategy: Sustaining U.S. Global Leadership: Priorities for 21st Century Defense
- [47] Valencia M. ASEAN being pressed by US military to help contain China. [Online]. 2020; Available from: <https://asiatimes.com/2020/10/asean-being-pressed-byus-military-to-help-contain-china/>.